

## Các chữ viết tắt

1.	AFTA	-	Hiệp định tự do thương mại Châu á
2.	ĐKKD	-	Đăng ký kinh doanh
3.	CNĐKKD	-	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
4.	CPH	-	Cổ phần hoá
5.	DNNN	-	Doanh nghiệp nhà nước
6.	FDI	-	Đầu tư nước ngoài trực tiếp
7.	GDP	-	Tổng sản phẩm quốc nội
8.	GTGT	-	Giá trị gia tăng
9.	HĐND	-	Hội đồng nhân dân
10.	HNKTQT	-	Hội nhập kinh tế quốc tế
11.	HTX-TCN	-	Hợp tác xã thủ công nghiệp
12.	ISO	-	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
13.	KH-CN&MT	-	Khoa học - Công nghệ và Môi trường
14.	KT-QT	-	Kinh tế quốc tế
15.	KT-XH	-	Kinh tế – Xã hội
16.	NĐ-CP	-	Nghị định Chính phủ
17.	NBIN	-	Trung tâm thông tin doanh nghiệp
18.	NSNN	-	Ngân sách nhà nước
19.	PPP	-	Tỷ suất ngang giá sức mua
20.	QĐ-BTC	-	Quyết định Bộ Tài chính
21.	QĐ-TTg	-	Quyết định Thủ tướng Chính phủ
22.	THCS	-	Trung học cơ sở
23.	TNHH	-	Trách nhiệm hữu hạn
24.	Tp.HCM	-	Thành phố Hồ Chí Minh
25.	TT-BKH	-	Thông tư Bộ Kế hoạch và Đầu tư
26.	TT-NHNN	-	Thông tư Ngân hàng Nhà nước
27.	UBND	-	Ủy ban Nhân dân
28.	UNDP	-	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
29.	VAT	-	Thuế giá trị gia tăng
30.	VCCI	-	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam
31.	VNĐ	-	Đồng Việt Nam
32.	WB	-	Ngân hàng Thế giới
33.	WTO	-	Tổ chức thương mại quốc tế
34.	XHCN	-	Xã hội chủ nghĩa

## Lời mở đầu

Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 5 ngày 29/5/1999 thông qua với 84,5% phiếu thuận, tiếp đó được Chủ tịch Quốc hội ký ngày 12/6/1999, được Chủ tịch nước ký quyết định ban hành và đã chính thức có hiệu lực từ 1/1/2000. Đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình tích cực và nhất quán hoàn thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam theo các nguyên tắc kinh tế thị trường, Luật doanh nghiệp là kết quả của sự tập hợp những kinh nghiệm quý báu rút ra từ thực tiễn chuyển đổi cơ chế kinh tế suốt những năm cuối thập kỷ 90, mà trực tiếp là từ việc thực hiện Luật công ty, Luật doanh nghiệp tư nhân (đã được ban hành từ 1990) và được tiếp thu từ kinh nghiệm quốc tế, trước hết là Luật công ty của các nước ASEAN. Đồng thời, trong cùng bối cảnh chuyển đổi từ cơ chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường, khác với Luật doanh nghiệp của Nga đặt trọng tâm vào đẩy nhanh quá trình cổ phần hoá và tư nhân hoá khu vực doanh nghiệp Nhà nước, và cũng khác với Luật doanh nghiệp của Trung quốc đặt trọng tâm vào thúc đẩy xu hướng công ty hoá các doanh nghiệp Nhà nước và tạo động lực thành lập các doanh nghiệp mới, Luật doanh nghiệp của Việt Nam có đặc trưng nổi bật là thực hiện đột phá trong Đăng ký kinh doanh để tạo thuận lợi dễ dàng cho việc thành lập mới các doanh nghiệp dân doanh...

Tổng bí thư Nông Đức Mạnh đã nhấn mạnh trong Diễn văn bế mạc Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra ngày 13/11/2001 vừa qua như sau: "*việc nghiêm chỉnh thực hiện Luật doanh nghiệp, chỉ đạo tháo gỡ những vướng mắc cho doanh nghiệp.v.v.. đã đem lại những kết quả rõ rệt, chứng tỏ rằng chúng ta có thể phát huy mạnh mẽ hơn nữa nguồn nội lực để phát triển đất nước*". Thực tiễn triển khai Luật doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội (địa phương có số lượng và sự tập trung các doanh nghiệp đứng thứ hai cả nước chỉ sau Thành phố Hồ Chí Minh) thời gian gần đây đã và đang khẳng định tính đúng đắn của kết luận trên.

Qua quá trình học tập và nghiên cứu tại trường Đại học Ngoại thương, kết hợp với thực tế công tác của bản thân trong lĩnh vực kinh tế ngoài quốc doanh của địa bàn thành phố Hà nội, tôi quyết định chọn đề tài: "*Nâng cao hiệu quả thi hành luật doanh nghiệp của các doanh*

*nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn thành phố Hà nội “.*

Vì nhiều lý do khách quan và chủ quan nên chắc chắn nội dung khoá luận không tránh khỏi những hạn chế nhất định, rất mong các thầy cô giáo và bạn đọc chân thành góp ý kiến.

Nhân đây, tôi xin chân thành cảm ơn Khoa Kinh tế Ngoại thương, Khoa Quản lý đào tạo tại chức trường Đại học Ngoại thương, Sở Công An Hà nội, và đặc biệt là thầy giáo hướng dẫn – Ts. Nguyễn Hữu Khải, đã giúp đỡ tôi hoàn thành Khoá luận tốt nghiệp đại học.

*Hà nội, ngày 19 tháng 5 năm 2003*

## CHƯƠNG I

### Tiếp cận Luật doanh nghiệp dưới góc độ quản lý Nhà nước

#### I. Quan điểm, nội dung cải cách nền hành chính nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

##### 1) Cải cách nền hành chính là trọng tâm của việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Cải cách một bước nền hành chính là trọng tâm của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, trước hết do vị trí của nền hành chính trong hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước:

+ Với chức năng hành pháp, nền hành chính trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, luật pháp và nghị quyết của Quốc hội. Chính sách và luật pháp đúng là điều kiện tiên quyết, song phải có nền hành chính mạnh, có hiệu quả thì chính sách và luật pháp mới đi vào cuộc sống; hơn nữa, trong quá trình tổ chức thực hiện, nền hành chính còn góp phần tích cực vào việc bổ sung, phát triển chính sách, luật pháp.

+ Các cơ quan hành chính trực tiếp xử lý công việc hàng ngày của nhà nước, thường xuyên tiếp xúc với nhân dân, giải quyết các yêu cầu của dân, là cầu nối quan trọng giữa Đảng, Nhà nước với dân. Nhân dân đánh giá chế độ, đánh giá Đảng trước hết là thông qua hoạt động của bộ máy hành chính.

+ Trong toàn bộ cơ cấu nhà nước, bộ máy hành chính là lực lượng đông đảo nhất, với hệ thống tổ chức đồng bộ theo ngành và cấp từ Trung ương tới chính quyền cơ sở.

Nền hành chính của nước ta đã hoàn thành tốt nhiệm vụ qua các giai đoạn cách mạng, có bước chuyển biến, tiến bộ trong quá trình đổi mới, nhưng hiện nay đang có nhiều mặt yếu kém, thể hiện tập trung ở bệnh quan liêu, xa dân, xa cấp dưới và cơ sở; tình trạng phân tán, thiếu trật tự, kỷ cương trong hệ thống hành chính và trong xã hội; nạn tham nhũng và

lãng phí của công; bộ máy hành chính công kênh, nặng nề, vận hành trực trặc, ít tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; đội ngũ cán bộ, công chức thiếu kiến thức, năng lực, một bộ phận không nhỏ kém phẩm chất, thậm chí hư hỏng.

Khắc phục những căn bệnh ấy tức là xây dựng một nền hành chính trong sạch có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước hiện đại hoá để quản lý có hiệu lực và hiệu quả công việc của nhà nước, được dân tin, dân yêu. Muốn vậy, không thể chỉ sửa đổi cục bộ, chắp vá mà phải tạo ra sự biến đổi căn bản, có hệ thống của nền hành chính trên cơ sở giữ vững sự ổn định chính trị. Với ý nghĩa đó, phải tiến hành một cuộc cải cách sâu sắc và toàn diện, có tính chất cơ bản đối với nền hành chính.

Ngoài ra, nhân dân đòi hỏi và mong muốn được yên ổn sinh sống, làm ăn trong môi trường an ninh, trật tự và dân chủ, không bị phiền hà, sách nhiễu; người ngay được bảo vệ, kẻ gian và bọn tham nhũng bị trừng trị. Nền hành chính có trách nhiệm chính và hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu đó. Đồng thời, yêu cầu đổi mới và phát triển kinh tế, xã hội trong thời kỳ đổi mới đòi hỏi Nhà nước trực tiếp là nền hành chính phải hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực quản lý theo cơ chế mới để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững theo yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Và cuối cùng, yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại đa phương, đa dạng đòi hỏi thể chế hành chính và đội ngũ cán bộ phải thích ứng với luật pháp, tập quán và trình độ quốc tế đồng thời giữ vững độc lập tự chủ, bảo vệ lợi ích quốc gia. Yêu cầu này càng bức xúc khi nước ta gia nhập ASEAN với tư cách thành viên đầy đủ và tham gia một số tổ chức quốc tế khác. Nhiệm vụ đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, một mặt đòi hỏi phải có nền hành chính mạnh để đưa đường lối, chính sách của Đảng vào cuộc sống; mặt khác, việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh là nhân tố quyết định chất lượng và hiệu lực của nền hành chính.

Như vậy, cải cách nền hành chính là trọng tâm của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam và trước hết để cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam, tạo thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, tuân thủ các cam kết HNKTQT và thông lệ quốc tế.

## ***2) Nội dung cải cách một bước nền hành chính.***

Cải cách một bước nền hành chính phải tiến hành đồng bộ trên cả ba mặt: cải cách thể chế, chấn chỉnh bộ máy và xây dựng, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức, trong đó cải cách thể chế của nền hành chính có vị trí rất quan trọng.

Thể chế bao gồm hiến pháp, luật và các văn bản pháp quy dưới luật tạo khuôn khổ pháp lý cho các cơ quan hành chính thực hiện chức năng quản lý, điều hành mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, cũng như cho mọi tổ chức và cá nhân sống và làm việc theo pháp luật; đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, thể chế quốc gia phải đáp ứng được hai yêu cầu cơ bản trong mối quan hệ giữa Nhà nước với doanh nghiệp và nhân dân:

*Thứ nhất*, xây dựng thể chế của nền hành chính dân chủ thực hiện quyền lực của dân phục vụ lợi ích và đáp ứng nguyện vọng của dân, phát huy tiềm năng sức mạnh vật chất và trí tuệ của dân, đòi hỏi nghĩa vụ ở dân và thiết lập trật tự, kỷ cương theo pháp luật trong đời sống xã hội.

*Thứ hai*, đổi mới và hoàn chỉnh thể chế quản lý nhà nước phù hợp với các nguyên tắc kinh tế thị trường, tạo sự thích ứng về thể chế trong quan hệ đối ngoại với luật pháp và tập quán quốc tế.

Trong Nghị quyết Trung ương 8 đề ra 5 vấn đề bức xúc cần tập trung giải quyết, đó là:

- Cải cách một bước cơ bản các thủ tục hành chính
- Đẩy mạnh việc giải quyết các khiếu kiện của dân
- Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh thể chế kinh tế mới
- Đổi mới quy trình lập pháp và lập quy
- Nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật

Nghị quyết Trung ương 8 cũng nêu rõ ba lĩnh vực cần tập trung xây dựng, bổ sung thể chế theo tinh thần đổi mới.

- *Một là*, thể chế tạo khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong cơ chế thị trường cho việc hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường, cho việc tạo lập môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

- *Hai là*, thể chế quản lý tài chính công (ngân sách, kho bạc, vốn đầu

tư của Nhà nước) và các tài sản khác (đất đai, tài nguyên, công sở, dự trữ quốc gia...).

- *Ba là*, thể chế quản lý các doanh nghiệp nhà nước dựa trên sự phân định hai loại doanh nghiệp: doanh nghiệp có chức năng kinh doanh kiếm lợi nhuận theo cơ chế thị trường và doanh nghiệp có chức năng dịch vụ công ích và phúc lợi xã hội, cung ứng sản phẩm và dịch vụ cho nhu cầu công cộng.

Đặc biệt, *Cải cách thủ tục hành chính được coi là khâu đột phá của công cuộc cải cách hành chính bởi hai nguyên nhân chính sau:*

*Trước hết*, cải cách thủ tục hành chính là trực tiếp giải quyết một lĩnh vực nóng bỏng, đụng chạm nhiều đến nhân dân và các doanh nghiệp có thể và cần phải thu được kết quả thiết thực để tạo niềm tin và khí thế cho cuộc cải cách

*Hơn nữa*, thủ tục hành chính có liên quan đến thể chế quản lý tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, quy chế làm việc và phối hợp giữa các cơ quan hành chính, do đó thông qua việc soát xét các thủ tục, có thể phát hiện rõ thêm những bất hợp lý trong nền hành chính để thúc đẩy công cuộc cải cách.

Nghị quyết Trung ương 8 đã xác định rõ các thủ tục trong 7 lĩnh vực trọng điểm cần được ưu tiên xử lý là phân bổ ngân sách và cấp vốn đầu tư, cấp đất và cấp giấy phép xây dựng, xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, *thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh*, xuất nhập cảnh, tiếp dân và giải quyết khiếu tố của dân.

Nhất quán với tinh thần đó và thể hiện quyết tâm đổi mới của Đảng và Nhà nước ta trong "Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2001-2010" ban hành theo Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 7/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã nhấn mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010 có mục tiêu: "*Xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hoá, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước*".

Và được cụ thể hoá thành các yêu cầu:

- Hoàn thiện hệ thống thể chế hành chính, cơ chế, chính sách phù hợp với thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trước hết là các thể chế kinh tế, về tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính.

Tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khắc phục tính cục bộ trong quá trình xây dựng thể chế; phát huy dân chủ, huy động trí tuệ của nhân dân để nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật.

- Xoá bỏ về cơ bản các thủ tục hành chính mang tính quan liêu, rườm rà, gây phiền hà cho doanh nghiệp và nhân dân; hoàn thiện các thủ tục hành chính mới theo hướng công khai, đơn giản và thuận tiện cho dân.

- Các cơ quan trong hệ thống hành chính được xác định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm rõ ràng; chuyển được một số công việc và dịch vụ không cần thiết phải do cơ quan nhà nước thực hiện cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận.

- Cơ cấu tổ chức của Chính phủ gọn nhẹ, hợp lý theo nguyên tắc Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, thực hiện chức năng chủ yếu là quản lý vĩ mô toàn xã hội bằng pháp luật, chính sách, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện. Bộ máy của các Bộ được điều chỉnh về cơ cấu trên cơ sở phân biệt rõ chức năng, phương thức hoạt động của các bộ phận tham mưu, thực thi chính sách, cung cấp dịch vụ công.

- Đến năm 2005, về cơ bản xác định xong và thực hiện được các quy định mới về phân cấp quản lý hành chính nhà nước giữa Trung ương và địa phương; giữa các cấp chính quyền địa phương; định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và tổ chức bộ máy chính quyền ở đô thị và ở nông thôn.

- Đến năm 2005, đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, chuyên nghiệp, hiện đại. Tuyệt đại bộ phận cán bộ, công chức có phẩm chất tốt và đủ năng lực thi hành công vụ, tận tụy phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và phục vụ nhân dân.

- Đến năm 2005, tiền lương của cán bộ, công chức được cải cách cơ bản, trở thành động lực của nền công vụ, đảm bảo cuộc sống của cán bộ, công chức và gia đình.



Đến năm 2005, cơ chế tài chính được đổi mới thích hợp với tính chất của cơ quan hành chính và tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công.

Luật doanh nghiệp được ra đời trong bối cảnh đó và phản ánh phần nào nội dung quan trọng của chương trình cải cách hành chính Nhà nước nêu trên, đặc biệt là vấn đề quản lý kinh tế Nhà nước đối với khu vực doanh nghiệp.

## **II. nội dung chức năng quản lý Nhà nước trong Luật doanh nghiệp**

Về tổng quát, Luật doanh nghiệp với 10 chương và 124 điều là sự cụ thể hóa thành luật các tư tưởng đổi mới quan trọng của Đảng trên con đường tiến tới kinh tế thị trường định hướng XHCN, thực thi quyền tự do kinh doanh theo pháp luật đã được khẳng định trong Hiến pháp 1992 (điều 57). Luật doanh nghiệp cũng là một bước tiến theo hướng xây dựng khung khổ pháp luật phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Luật doanh nghiệp quy định 5 loại hình doanh nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty TNHH một thành viên, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Như vậy, đối tượng điều chỉnh của Luật doanh nghiệp bao gồm cả đối tượng điều chỉnh của Luật công ty, Luật doanh nghiệp tư nhân trước đây và thêm 2 loại hình doanh nghiệp mới (công ty hợp danh và Công ty TNHH một thành viên). Việc thống nhất quản lý các doanh nghiệp dân doanh bằng 1 luật duy nhất đã tạo điều kiện thuận lợi cho cả người quản lý (Nhà nước) và đối tượng bị quản lý (các doanh nghiệp), thể hiện rõ hơn chủ trương tiến tới việc xác lập một môi trường kinh doanh bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế và loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh.

***Luật doanh nghiệp quy định chức năng quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp gồm 5 nội dung cơ bản sau:***

1) Ban hành, phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về doanh nghiệp.

2) Tổ chức đăng ký kinh doanh; hướng dẫn việc đăng ký kinh doanh bảo đảm thực hiện chiến lược, quy hoạch và kế hoạch định hướng phát triển KT-XH.

3) Tổ chức thực hiện và quản lý đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao phẩm chất đạo đức kinh doanh cho người quản lý doanh nghiệp; phẩm chất chính trị, đạo đức, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp; đào tạo và xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề.

4) Thực hiện chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp theo định hướng và mục tiêu của chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển KT-XH.

5) Kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp; giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thông qua chế độ báo cáo tài chính định kỳ và báo cáo khác.

*Nếu xét dưới khía cạnh liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp trên thực tiễn thì các nội dung quản lý Nhà nước trên đây có thể chia thành 3 nhóm công việc:*

- 1) Quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp qua đăng ký kinh doanh
- 2) Quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp qua chế độ báo cáo, qua kiểm tra, thanh tra (hậu kiểm)
- 3) Quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp qua các biện pháp khác.

Các quy định của Luật doanh nghiệp liên quan đến các nội dung quản lý Nhà nước này đã được cải tiến đáng kể so với các quy định trong Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân trước đây, tạo những điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư khi khởi sự doanh nghiệp cũng như trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Chủ trương tạo điều kiện thuận lợi nhất cho kinh doanh của mọi tổ chức và công dân theo pháp luật, chuyển trọng tâm sự quản lý Nhà nước từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" và tổ chức sự quản lý, giám sát của Nhà nước cùng với xã hội và công luận theo nguyên tắc minh bạch, công khai đã được thể hiện khá rõ trong Luật doanh nghiệp.

### **1. Về công tác đăng ký kinh doanh**

Cơ quan quản lý Nhà nước về đăng ký kinh doanh được Luật doanh nghiệp quy định thống nhất là cơ quan đăng ký kinh doanh do Chính phủ quy định. Các quy định này đã được cụ thể hóa kịp thời trong Nghị định 02/2000/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của Chính phủ. Tuy vậy, ngay trong Luật

doanh nghiệp đã có những điều, khoản khá cụ thể và rõ ràng liên quan đến công tác quản lý Nhà nước qua đăng ký kinh doanh.

Các quy định về thành lập và đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp được quy định trong Chương II của Luật doanh nghiệp với 17 điều (từ điều 9 đến điều 25). Luật Doanh nghiệp đã quy định rõ 8 loại đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp và 2 loại đối tượng không được quyền góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh. Đây cũng là một bước tiến đáng kể so với quy định trước đây của Luật công ty xác định những đối tượng được phép thành lập công ty (hơn nữa, việc liệt kê các đối tượng này lại chưa đầy đủ và rõ ràng, dễ gây tranh cãi trong quá trình triển khai Luật). Cách quy định này một lần nữa thể hiện sự đổi mới trong tư duy quản lý Nhà nước: quyền tự do kinh doanh theo pháp luật được bảo đảm, mọi tổ chức và công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm. Đây chính là bước tiến quan trọng về chất trong tư tưởng của Luật doanh nghiệp.

Một trong những tiến bộ quan trọng nhất của Luật doanh nghiệp là việc quy định trình tự thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh rất đơn giản và thuận tiện. Nhà đầu tư muốn thành lập doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp được miễn một loại thủ tục hành chính là xin Giấy phép thành lập doanh nghiệp. Thực tế trước đây cho thấy, việc xin giấy phép thành lập doanh nghiệp thường là công đoạn khiến nhà đầu tư tốn nhiều công sức, thời gian và tiền bạc nhất. Muốn có được giấy phép thành lập doanh nghiệp, bộ hồ sơ xin phép của chủ đầu tư phải được sự cho phép của ít nhất 7 cơ quan: từ UBND phường/xã, UBND quận/huyện, phòng công chứng, ngân hàng, sở quản lý chuyên ngành, bộ quản lý chuyên ngành và UBND Thành phố/tỉnh. Chỉ sau khi được UBND Thành phố/tỉnh cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp, nhà đầu tư mới được tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh. Đã có thống kê cho thấy, để thành lập được một doanh nghiệp, nhà đầu tư phải xin được khoảng gần 20 loại giấy tờ với con dấu khác nhau. Đối với mỗi loại giấy chứng nhận, nhà đầu tư ít nhất phải đến cơ quan Nhà nước 2 lần: một lần đến để "xin" và một lần đến để được "cho" (đó là còn chưa tính đến trường hợp nhà đầu tư phải đi lại nhiều lần để bổ sung hồ sơ "xin"). Một số tỉnh, thành phố còn tùy tiện đặt ra những điều kiện và một số trình tự, thủ tục và giấy tờ khác

do trong Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân trước đây chưa quy định rõ ràng về hồ sơ thành lập doanh nghiệp. Thời gian cần thiết bình quân để thành lập một công ty phải mất đến vài tháng với những khoản chi phí không nhỏ (mà phần lớn là những khoản chi "không chính thức"). Để xóa bỏ tình trạng này, Luật doanh nghiệp đã có quy định rõ ràng về hồ sơ đăng ký kinh doanh và thời hạn tối đa của việc giải quyết đăng ký kinh doanh của cơ quan quản lý Nhà nước (15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ). Việc đơn giản hóa hồ sơ thành lập doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp có thể thấy rất rõ qua bảng so sánh sau đây:

**Bảng 1. Hồ sơ thành lập công ty theo quy định của Luật công ty và Luật doanh nghiệp (đối với các doanh nghiệp không thuộc diện kinh doanh có điều kiện)**

<b>Luật công ty 1990</b>	<b>Luật doanh nghiệp 1999</b>
1. Đơn xin phép thành lập	1. Đơn đăng ký kinh doanh
2. Phương án kinh doanh ban đầu	2. Điều lệ công ty
3. Dự thảo điều lệ công ty	3. Danh sách thành viên (hoặc cổ đông sáng lập) của công ty
4. Các giấy chứng nhận về nhân thân của người đầu tư (chứng nhận không bị bệnh tâm thần, không bị kết án hoặc không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự)	
5. Chứng nhận về trụ sở của công ty	
6. Chứng nhận về vốn đầu tư của công ty	

Qua bảng trên, có thể thấy, theo quy định của Luật doanh nghiệp mới, có 4 loại giấy tờ đã được bãi bỏ trong hồ sơ thành lập công ty, đó là phương án kinh doanh ban đầu, chứng nhận về nhân thân của nhà đầu tư, chứng nhận về trụ sở của công ty và chứng nhận về vốn đầu tư của công ty. Đặc biệt, cần nhấn mạnh rằng với quy định mới này, cải cách hành chính trong quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp đã thực sự coi trọng nguyên tắc quản lý mới là "tiền đăng, hậu kiểm" vì thực tế đã cho thấy, những biện pháp "tiền kiểm" trước đây là không hiệu quả.

*Thứ nhất*, quy định nhà đầu tư phải trình cho cơ quan quản lý Nhà

nước phương án kinh doanh ban đầu của công ty về thực chất là không cần thiết. Là người bỏ tiền ra đầu tư kinh doanh, tức là đã sẵn sàng chấp nhận rủi ro, chính nhà đầu tư là người quan tâm nhất đến kế hoạch kinh doanh, và chỉ khi họ dự tính việc kinh doanh mang lại lợi nhuận thì họ mới đầu tư. Chỉ có nhà đầu tư mới là người có đầy đủ thông tin nhất để đánh giá về kế hoạch kinh doanh, còn cán bộ cơ quan quản lý Nhà nước không đủ thông tin và kiến thức để đánh giá tính khả thi của phương án kinh doanh này. Như vậy, việc đệ trình phương án kinh doanh ban đầu như một thủ tục bắt buộc trong hồ sơ thành lập doanh nghiệp chỉ là thủ tục mang tính hình thức, đồng thời có thể tạo ra một số tác hại đối với nhà đầu tư như gây tốn kém thêm, có thể làm cho bí mật kinh doanh bị tiết lộ, ngoài ra, quy định này cũng dễ tạo điều kiện cho một số cán bộ Nhà nước có liên quan tham nhũng, sách nhiễu nhà đầu tư bằng những yêu cầu bổ sung, sửa đổi vô căn cứ, từ chối chấp nhận phương án do nhà đầu tư lập, bắt buộc sử dụng dịch vụ của tổ chức, cá nhân mà họ có liên quan.

*Thứ hai*, việc phải nộp các giấy tờ chứng nhận về nhân thân của nhà đầu tư cũng hầu như không có ý nghĩa trên thực tế mà chỉ làm cho nhà đầu tư tốn thêm thời giờ và chi phí, góp phần làm chậm trễ thêm quá trình thành lập công ty. Bất kỳ giấy chứng nhận nào về người chuẩn bị thành lập công ty (không mắc bệnh tâm thần, có hộ khẩu thường trú nhất định, không thuộc đối tượng bị kết án tù mà chưa được xóa án hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự) đều có thể có được với một khoản phí nhất định, những người cấp các giấy chứng nhận này sẽ không phải chịu trách nhiệm về xác nhận của mình. Chỉ có các nhà đầu tư và các bạn hàng, các chủ nợ tương lai mới là những người cần và có khả năng tốt nhất để đánh giá về nhân thân của người thành lập công ty.

*Thứ ba*, việc xác nhận về trụ sở công ty để đảm bảo rằng trụ sở đăng ký là có thực là thừa đối với những người có ý định kinh doanh đứng đắn. Công ty được thành lập là để kinh doanh, trụ sở đối với công ty là một địa chỉ quan trọng để giao dịch và nhà đầu tư sẽ luôn phải cố gắng để càng nhiều người biết về trụ sở giao dịch của mình càng tốt và họ chính là người quan tâm nhất đến tính xác thực của trụ sở công ty. Việc kiểm tra tính trung thực của lời khai về trụ sở hay địa chỉ giao dịch của một công ty phải là trách nhiệm của các bạn hàng nếu họ muốn thiết lập giao dịch

với công ty đó.

*Thứ tư*, chứng nhận của ngân hàng về vốn bằng tiền mặt và chứng nhận của công chứng về giá trị tài sản bằng hiện vật xuất phát từ yêu cầu về vốn pháp định của công ty là không cần thiết. Trong kinh tế thị trường, giá trị thực của doanh nghiệp có thể biến động hàng ngày, có thể cao hơn nhưng cũng có thể thấp hơn mức vốn pháp định. Mức vốn pháp định hoàn toàn không phản ánh giá trị vốn thực có của doanh nghiệp. Về thực chất, mức vốn pháp định chỉ có tính chất tượng trưng chứ không còn là công cụ để bảo vệ lợi ích của các bạn hàng và chủ nợ của công ty.

Như vậy, cả 4 loại giấy tờ nêu trên trong thực tế đều không đạt được mục tiêu của nó, mà trái lại, có thể gây nên tác hại không nhỏ như: làm tăng thêm chi phí và thủ tục phiền hà cho nhà đầu tư; gây ra những nhầm lẫn đối với các bạn hàng và chủ nợ không có kinh nghiệm, có thể làm thiệt hại cho lợi ích của họ; tạo điều kiện cho người có ý định lừa đảo lợi dụng để thực hiện ý đồ của họ; cũng như tạo điều kiện cho một số cán bộ Nhà nước có liên quan tham nhũng, sách nhiễu nhà đầu tư. Những loại giấy tờ này thể hiện chủ trương "tiền kiểm" rất chặt chẽ, phiền hà nhưng lại kém hiệu lực đối với đa số người kinh doanh lương thiện. Vì vậy, Luật doanh nghiệp 1999 đã bỏ quy định nhà đầu tư phải nộp những giấy tờ này trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. Đặc biệt, mục 2 điều 12 của Luật còn quy định: "*cơ quan ĐKKD không có quyền yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm các giấy tờ, hồ sơ khác ngoài hồ sơ quy định tại Luật này*".

Đây là những quy định hết sức tiên bộ của Luật doanh nghiệp nhằm đơn giản hoá thủ tục thành lập doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho người kinh doanh, mặt khác giảm bớt sự can thiệp của các cơ quan công quyền vào quyền tự định đoạt của chủ doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc cải cách thủ tục và bộ máy hành chính trong lĩnh vực đăng ký và quản lý doanh nghiệp. Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh không chịu trách nhiệm về tính xác thực của các nội dung ĐKKD mà chỉ chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ ĐKKD. Điều này một mặt làm cho công tác cấp giấy đăng ký kinh doanh trở nên đơn giản, thuận tiện, và mặt khác, đòi hỏi công tác hậu kiểm của các cơ quan quản lý nhà nước phải được tiến hành chặt chẽ và hiệu quả hơn.

Luật doanh nghiệp đi vào cuộc sống đã cởi bỏ cho doanh nghiệp những trở ngại ban đầu trong "cửa ải" đầu tiên tham gia thương trường bằng việc cải cách thủ tục đăng ký kinh doanh, bãi miễn nhiều giấy phép con trái với tinh thần của Luật. Có thể nói, những quy định về việc đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp trong Luật là khá chặt chẽ và cụ thể.

Tuy nhiên, vẫn còn một số quy định của Luật chưa thực sự rõ ràng, có thể gây khó khăn cho nhà đầu tư khi muốn thành lập doanh nghiệp. Ví dụ như quy định tại khoản 1, điều 24 về tên của doanh nghiệp. Luật doanh nghiệp quy định nghĩa vụ của cơ quan ĐKKD bảo hộ quyền sở hữu tên doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp là tài sản của doanh nghiệp, phải được bảo hộ ngay sau đăng ký. Tuy nhiên, các quy định về tên doanh nghiệp trong Luật lại chưa rõ ràng, vẫn chưa có một quy định pháp lý cụ thể nào khác về việc đặt tên doanh nghiệp và quản lý bảo vệ quyền sở hữu về tên doanh nghiệp. Còn chưa có tiêu chí về sự nhầm lẫn tên (thế nào là gây nhầm lẫn?). Cấu trúc tên doanh nghiệp như thế nào, mối quan hệ giữa nghề nghiệp với tên, giữa tên doanh nghiệp với tên chi nhánh. Tên tiếng Việt, cỡ chữ cái tiếng Việt như thế nào để phù hợp với đầu tư của Việt kiều về nước và người nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, hoặc phiên âm các tiếng dân tộc Việt Nam. Thế nào là tên vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc?

Đặc biệt, trong việc đăng ký kinh doanh các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đến nay vẫn còn nhiều vướng mắc làm ảnh hưởng đến công tác đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp. Các điều kiện kinh doanh của nhiều ngành nghề chưa được tiêu chuẩn hoá và quy phạm hoá, vì vậy dễ xảy ra tình trạng không rõ ràng, tạo ra một thực tế là cơ quan quản lý và doanh nghiệp không biết vận dụng như thế nào dẫn đến việc hoặc là doanh nghiệp không thể kinh doanh được hoặc không thể tránh được việc bị quy kết là vi phạm luật.

Trong Luật doanh nghiệp và thậm chí cả trong các nghị định hướng dẫn thi hành Luật của Chính phủ vẫn chưa có quy định cụ thể về cơ quan có thẩm quyền xác nhận và cách thức xác nhận vốn pháp định của các doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề cần có vốn pháp định.

Việc nhận thức và thực hiện Điều 6 Luật doanh nghiệp còn nhiều điểm bất cập. Cụ thể, do trong Luật quy định: “*danh mục ngành nghề cấm*

*kinh doanh do Chính phủ quy định*” nên hiện nay có nhiều nguy cơ danh mục này bị mở rộng vì nhiều bộ đang có ý định trình Chính phủ cấm thêm một số ngành, nghề nữa. Điều này xuất phát từ tư duy hiện nay là: chỉ cho dân kinh doanh những gì mà nhà nước quản lý được, khi cơ quan nhà nước lúng túng trong quản lý thì cấm hoặc tạm dừng đăng ký kinh doanh.

Đặc biệt, trong quá trình triển khai thực thi Luật doanh nghiệp, còn có những sự không thống nhất giữa các văn bản hướng dẫn Luật và Luật về thủ tục đăng ký kinh doanh. Chẳng hạn Luật Doanh nghiệp quy định ngoài các giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều 12: Cơ quan đăng ký kinh doanh không có quyền yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm bất cứ loại giấy tờ, hồ sơ khác... "Nhưng Thông tư số 08/2002/TT-BKH lại quy định : " khi xét thấy cần thiết cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền yêu cầu doanh nghiệp xuất trình..."

## **2. Về công tác hậu kiểm**

Theo định chế mới, mọi lực lượng xã hội đều có thể giám sát mọi hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở những điều kiện đã tiêu chuẩn hóa rõ ràng. Trên thực tế, doanh nghiệp sẽ chịu "hậu kiểm" của cả 5 đối tượng: Nội bộ Doanh nghiệp, đối tác kinh doanh (chủ nợ, bạn liên doanh, ...), khách hàng, người tiêu dùng và cơ quan Nhà nước. Như vậy, hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp chỉ là một phần của "hậu kiểm".

Theo các quy định của Luật doanh nghiệp, công tác “hậu kiểm” của cơ quan quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp chủ yếu được tiến hành thông qua 2 hình thức: thông qua báo cáo về tình hình kinh doanh do doanh nghiệp lập và thông qua các cuộc kiểm tra, thanh tra trực tiếp của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Luật doanh nghiệp về bản chất là thay đổi định chế quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Song song với việc bãi bỏ các giấy chứng nhận, giấy phép con là việc tăng cường hậu kiểm dựa trên những điều kiện kinh doanh đã được tiêu chuẩn hóa. Đây là định chế quản lý thay thế hình thức thanh kiểm tra trực tiếp bắt nguồn từ cơ chế Nhà nước chịu trách nhiệm một khi đã cấp giấy phép cho doanh nghiệp trước đây. Định chế mới này được xây dựng trên nguyên tắc nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của nhà kinh doanh trước



Nhà nước, khách hàng, đối tác và người tiêu dùng, nghĩa là doanh nghiệp phải tự lớn lên, cam kết và thực hiện đúng những gì đã cam kết.

Luật quy định các doanh nghiệp phải có nghĩa vụ kê khai, định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh (điều 8, khoản 5) cũng như báo cáo về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp khi có yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh (điều 116, khoản 3). Luật quy định bắt buộc các doanh nghiệp phải nộp báo cáo tài chính hàng năm của mình cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 30 ngày đối với doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh và 90 ngày đối với công ty TNHH và công ty cổ phần kể từ ngày kết thúc năm tài chính.<sup>1</sup> Tuy nhiên, trong Luật doanh nghiệp không quy định và cho đến nay cũng vẫn chưa có một văn bản pháp quy dưới luật nào quy định về chế tài xử lý các vi phạm chế độ báo cáo của doanh nghiệp trừ một quy định là doanh nghiệp bị xử lý thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau 2 năm liên tiếp không báo cáo về hoạt động kinh doanh của mình với cơ quan đăng ký kinh doanh<sup>2</sup>. Những quy định này của Luật dễ tạo một kẽ hở trong quản lý các doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh, tạo điều kiện cho một số người lợi dụng để lừa đảo, làm xuất hiện những "công ty ma", gây bất bình trong xã hội.

Hơn nữa, các chế độ báo cáo, nhất là biểu mẫu, nội dung báo cáo theo quy định của Quyết định 167/2000/QĐ-BTC còn thiên về yêu cầu quản lý Nhà nước đối với các DNNN và mang tính quy định đồng loạt, chưa phân biệt giữa các nhóm, loại doanh nghiệp, nên dễ gây khó khăn cho các doanh nghiệp nhỏ. Các mẫu biểu này cũng không tính đến yếu tố là cơ quan thu nhận nó sẽ là cơ quan đăng ký kinh doanh và không có một quy định nào của Luật về trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh phải bảo mật các thông tin trong báo cáo này, nghĩa là không thể loại trừ khả năng những thông tin trong báo cáo có liên quan đến bí mật kinh doanh của doanh nghiệp có thể bị tiết lộ. Ngoài ra, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể sẽ không đủ nhân lực và cũng không cần thiết phải xử lý, tổng hợp những thông tin chi tiết này; đó là chưa kể các doanh nghiệp

---

<sup>1</sup> Điều u 118, khoản n 3

<sup>2</sup> Điều u 121, khoản n 3, mục c c

cũng rất dễ e ngại và không báo cáo đủ các thông tin như theo yêu cầu.

Báo cáo tài chính doanh nghiệp là một chế định mới của Luật Doanh nghiệp so với hai luật trước đây, tuy nhiên về nội dung này còn một số điểm bất cập:

Thứ nhất, chưa có sự thống nhất trong việc xác định trách nhiệm báo cáo của doanh nghiệp, ví dụ: Khoản 5 - Điều 8 - Luật Doanh nghiệp quy định nghĩa vụ của doanh nghiệp: "Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo, thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan đăng ký kinh doanh". Điều này không đảm bảo mối quan hệ quản lý và xử lý vi phạm giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh; không thống nhất với quy định tại Khoản 3 - Điều 118 - Luật Doanh nghiệp: "... báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp phải được gửi đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền...".

Thứ hai, Quyết định số 167/2000/QĐ-BTC đòi hỏi nhiều biểu mẫu hơn quy định của của Luật Doanh nghiệp. Chẳng hạn tại Khoản 2 - Điều 118 - Luật Doanh nghiệp quy định "Báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp bao gồm bản cân đối kế toán và bản quyết toán tài chính", trong khi đó Quyết định số 167/2000/QĐ-BTC hướng dẫn báo cáo tài chính lại gồm tới 4 biểu mẫu:

- Bảng cân đối kế toán;
- Kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Vì vậy, cơ quan đăng ký kinh doanh thiếu căn cứ để trả lời doanh nghiệp, những thắc mắc và đề nghị chỉ nộp hai bản báo cáo theo quy định của Luật.

Tính theo thời hiệu của Luật Doanh nghiệp quy định; thời điểm để áp dụng các biện pháp xử lý những doanh nghiệp vi phạm chế độ báo cáo tài chính đã đến (theo Điểm c, Khoản 3, Điều 121; doanh nghiệp bị thu hồi giấy CNĐKKD trong trường hợp không báo cáo về hoạt động kinh

doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh trong hai năm liên tiếp, hoặc không gửi báo cáo theo quy định tại Khoản 3 Điều 116 của Luật này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản).

Trong Luật doanh nghiệp chưa quy định cụ thể về cơ chế hậu kiểm của các cơ quan quản lý Nhà nước khác (cơ quan quản lý kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành), khiến hầu hết các cơ quan quản lý Nhà nước chưa xác định được cơ chế hậu kiểm thích hợp và vì vậy, việc quản lý doanh nghiệp sau đăng ký dễ trở nên lúng túng, bị động, kém hiệu quả. Tại một số Bộ, Ngành vẫn còn quan niệm rằng phương thức quản lý Nhà nước sau đăng ký kinh doanh tốt nhất chỉ có thể thông qua các giấy phép, giấy chứng nhận,... Do trong Luật chưa có các quy định phòng ngừa sự "biến tướng" của các giấy phép và điều kiện kinh doanh cần bãi bỏ thành những dạng "điều kiện khác" xuất phát từ đặc quyền đặc lợi của cơ quan quản lý Nhà nước, nên làm không khéo thì "hậu kiểm" lại hóa ra "hậu hành" và như vậy mục tiêu của Luật doanh nghiệp có nguy cơ không đạt được.

Về thanh tra hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp đã quy định rất cụ thể rằng: "*việc thanh tra về tài chính được thực hiện không quá 1 lần trong 1 năm đối với 1 doanh nghiệp. Thời hạn thanh tra tối đa không quá 30 ngày, trong trường hợp đặc biệt thời hạn thanh tra được gia hạn theo quyết định của cơ quan cấp trên có thẩm quyền nhưng không được quá 30 ngày*". Những quy định này góp phần tháo gỡ những vướng mắc, nổi cộm trong quá trình thực hiện Nghị định 61/1998/NĐ-CP của Chính phủ trước đây, nhất là vấn đề vận dụng các quy định về thời hạn thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp. Tuy vậy, trong Luật doanh nghiệp chưa có quy định về thanh tra trong các lĩnh vực khác (như bảo vệ môi trường, y tế, an ninh, bảo vệ người tiêu dùng, quan hệ lao động, bảo hiểm xã hội, ...). Luật doanh nghiệp chưa nêu rõ quyền, cấp và cách thức xử lý các yếu tố liên quan đến toàn bộ các lĩnh vực, quy trình và công đoạn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp làm cơ sở pháp lý thống nhất cho việc thực hiện.

Thậm chí, trong Luật doanh nghiệp còn chưa có quy định rõ thế nào là thanh tra và kiểm tra, cơ quan Nhà nước nào có thẩm quyền và giới hạn vào những việc, lĩnh vực nhất thiết Nhà nước phải duy trì quyền thanh tra kiểm tra để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội. Như vậy là trong Luật

doanh nghiệp, việc kiểm tra, thanh tra nhà nước đối với doanh nghiệp chưa được nêu rõ các nội dung, phương thức và điều kiện cũng như sự phân cấp tiến hành, chưa có tiêu chuẩn để đánh giá và kết luận về các kết quả thanh, kiểm tra. Điều này tạo ra một "khoảng trống" pháp luật, một sự thiếu rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý Nhà nước, tạo sự lỏng lẻo, kém hiệu lực, hiệu quả trong quản lý doanh nghiệp sau ĐKKD, vừa dễ gây sự kiểm tra, thanh tra chồng chéo, trùng lặp, "quá tải" đối với doanh nghiệp như thực tiễn đang cho thấy và dễ tạo điều kiện cho một số công chức biến chất lợi dụng thanh tra để vụ lợi, sách nhiễu, gây phiền hà cho hoạt động của doanh nghiệp.

### **3. Về các công tác quản lý Nhà nước khác**

Luật doanh nghiệp quy định một trong những nội dung chính của quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp là "ban hành, phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về doanh nghiệp". Đây là một nội dung rất quan trọng của quản lý Nhà nước vì thực tiễn cả ở trong và ngoài nước đã chứng minh rằng, việc xây dựng chính sách đúng đắn, kịp thời, có sự chỉ đạo thống nhất từ trung ương đến địa phương, có sự phối hợp chặt chẽ trong tổ chức thực hiện của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc tạo môi trường và điều kiện kinh doanh thuận lợi là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nói riêng và góp phần phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Việc Nhà nước có trách nhiệm không ngừng hoàn thiện các quy phạm pháp luật kinh doanh sao cho cởi mở, minh bạch và có thể dự báo được sẽ vừa có tác dụng định hướng và quản lý thống nhất doanh nghiệp, vừa tạo lòng tin và thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Do thực tiễn thị trường không ngừng biến đổi, do công cuộc chuyển đổi cơ chế ở nước ta chưa hề có tiền lệ lịch sử, nên các nội dung quy định pháp lý và chính sách đối với doanh nghiệp ở nước ta cũng không thể cố định cứng nhắc bất chấp thời gian và thực tế. Vì vậy, quy định chức năng quản lý Nhà nước về pháp luật kinh doanh đối với doanh nghiệp, trong đó bao hàm nội dung thường xuyên hoàn thiện, ban hành, phổ biến và thực hiện các văn bản pháp luật cần thiết về doanh nghiệp là phù hợp với đòi hỏi khách quan của thực tế. Tuy nhiên, quá trình đi tới sự hoàn thiện của

hệ thống pháp lý và chính sách kinh tế - tài chính vĩ mô đó về nguyên tắc phải bảo đảm tính ổn định và có thể dự báo được của những điều chỉnh này. Nghĩa là, về cơ bản các điều chỉnh pháp lý và chính sách kinh tế - tài chính đối với doanh nghiệp phải giữ được sự thống nhất về hình thức, nhất quán về nội dung, liên tục một chiều về chủ trương đường lối, cách thức xử lý, điều chỉnh phù hợp với các nguyên tắc nền tảng trong hiến pháp quốc gia và trong các cam kết hội nhập cũng như thông lệ quốc tế, bảo đảm sự hoạt động ổn định và ngày càng hoàn hảo của cơ chế thị trường định hướng XHCN. Có lẽ do hình thức cô đọng của văn phong luật và những lý do khác, những nguyên tắc và yêu cầu trên còn chưa được thể hiện đầy đủ trong Luật doanh nghiệp.

Một nội dung nữa của quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp được quy định trong Luật doanh nghiệp là chức năng đào tạo và quản lý con người liên quan đến đời sống doanh nghiệp - nhân tố quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp. Việc Nhà nước nhận trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và công nhân trong các doanh nghiệp là một hình thức hỗ trợ trực tiếp quan trọng của Nhà nước đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, nội dung này còn thể hiện sơ lược và thiếu cụ thể trong Luật doanh nghiệp, nên dễ mang tính hình thức...

Hơn thế nữa, Luật doanh nghiệp còn có điều khoản ghi rõ trách nhiệm quản lý Nhà nước bao gồm cả "thực hiện chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp theo định hướng và mục tiêu của chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội". Trong quá trình triển khai thực hiện Luật, các cơ quan quản lý tổng hợp và các cơ quan quản lý kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành, tương ứng với chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm giúp doanh nghiệp hoạt động và phát triển phù hợp với phương hướng phát triển chung của đất nước. Nội dung này được hoan nghênh hơn cả đối với doanh nghiệp, song việc xác định các nội dung, phương thức ưu đãi cần được cụ thể hóa và mang tính thị trường hơn.

Như vậy, mặc dù vẫn còn một số những kẽ hở, những quy định chưa rõ ràng, chưa đầy đủ, nhưng có thể nói, Luật doanh nghiệp là một trong những luật tiên bộ nhất của Việt Nam hiện nay. Các điều khoản của Luật Doanh nghiệp đều toát lên yêu cầu quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhằm thúc đẩy, hỗ trợ, hướng dẫn và khuyến khích doanh nghiệp

phát triển theo đúng quy định của pháp luật, đúng định hướng quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động độc lập, bình đẳng trước pháp luật; tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển lành mạnh, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, góp phần giải quyết nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Chính vì vậy, Luật doanh nghiệp đi vào cuộc sống đã được sự ủng hộ nhiệt tình của đông đảo người dân và cán bộ Nhà nước.

### **iii. tác động của Luật doanh nghiệp trong thực tiễn phát triển kinh tế ở nước ta thời gian qua**

Ngay khi mới ban hành Luật, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 1253/QĐ-TTg ngày 29/12/1999 về thành lập Tổ công tác thi hành Luật doanh nghiệp với các chuyên gia hàng đầu của Chính phủ và do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch - đầu tư trực tiếp làm Tổ trưởng. Một trong những nhiệm vụ của Tổ công tác là theo dõi quá trình triển khai thực hiện Luật doanh nghiệp kịp thời hướng dẫn và phản ánh những vướng mắc lên Chính phủ. Định kỳ, trong các buổi họp của Chính phủ, Tổ công tác phải báo cáo các hoạt động và đề ra ngay những phương hướng giải quyết vướng mắc phát sinh. Phó Thủ tướng thường trực Nguyễn Tấn Dũng đã trực tiếp chỉ đạo công tác triển khai Luật doanh nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ thị các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quán triệt tinh thần khẩn trương và nghiêm túc trong việc triển khai Luật doanh nghiệp, đồng thời rà soát, chấn chỉnh hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền các qui định trái với Luật Doanh nghiệp. Đối với các Bộ như Bộ Y tế, Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn liên quan đến các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải sớm ban hành các điều kiện kinh doanh.

Để thực hiện Luật doanh nghiệp, cho đến nay Chính phủ và các Bộ đã ban hành 45 văn bản hướng dẫn thi hành Luật, bao gồm 14 nghị định, 5 quyết định và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và 26 thông tư, hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Như vậy, so với các Luật khác, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp đã được ban hành kịp thời và tương đối đầy đủ hơn. Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn

thi hành đã trở thành cơ sở pháp lý đáng tin cậy cho doanh nghiệp kinh doanh, tăng thêm niềm tin của khu vực tư nhân vào công cuộc cải cách.

Trung tâm thông tin doanh nghiệp (NBIN) tại Bộ Kế hoạch - đầu tư đang được khẩn trương xây dựng, đã được khai trương ngày 11/1/2002, được nối mạng với các Thành phố và các Tỉnh, cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho bất kỳ đối tượng nào quan tâm. Đó là một bước tiến quan trọng thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch trong kinh doanh và vận dụng công nghệ thông tin.

Với thời gian 2 năm không phải là quá ngắn cho tổng kết, song cũng chưa phải hoàn toàn đủ dài để thấy hết các tác động 2 mặt từ việc thực hiện Luật lên các mặt của đời sống kinh tế- xã hội. Tuy vậy, có thể nhận thấy việc thực hiện Luật đã tạo ra nhiều chuyển biến to lớn trong nền kinh tế nước ta 2 năm qua.

### **1. Các tác động tích cực**

*Thứ nhất, Luật doanh nghiệp thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, đổi mới trong phương thức quản lý kinh tế của Nhà nước, tách vai trò quản lý của Nhà nước với quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.*

Qua hai năm thực hiện, Luật doanh nghiệp đi vào cuộc sống đã thúc đẩy sự chuyển đổi về chức năng quản lý của Nhà nước trên 3 mặt sau:

- Chuyển từ quản lý vi mô sang quản lý vĩ mô, bảo đảm cho doanh nghiệp thực sự là đơn vị sản xuất hàng hoá kinh doanh tự chủ, tự hạch toán lãi lỗ; doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều bình đẳng trong thị trường. Nhà nước củng cố và hoàn thiện thể chế quản lý, hình thành đồng bộ hệ thống pháp luật, hoàn chỉnh hành lang pháp lý phục vụ và thúc đẩy các đơn vị sản xuất kinh doanh đúng pháp luật. Nhà nước làm đúng chức năng quản lý vĩ mô, bằng các công cụ như kế hoạch hoá, thu và chi ngân sách, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, hình thành hệ thống thuế, hệ thống ngân hàng hoạt động theo thể chế kinh tế thị trường...

- Chuyển từ quản lý trực tiếp sang quản lý gián tiếp, tách bạch giữa Nhà nước với doanh nghiệp, khắc phục tình trạng cơ quan Nhà nước can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, như dự án sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, phân phối lợi nhuận, tiền lương, tiền thưởng... Sản xuất cái gì, bao nhiêu, cho ai, giá cả như thế

nào... do doanh nghiệp căn cứ vào yêu cầu của thị trường mà tự quyết định. Nhà nước không can thiệp, tập trung làm tốt chức năng kiểm tra, giám sát, khuyến khích cạnh tranh hợp pháp và kiểm soát độc quyền. Từ quan hệ chỉ đạo trực tiếp của các Bộ, ngành đối với doanh nghiệp như trước đây chuyển sang quan hệ gián tiếp: Nhà nước điều tiết thị trường, thị trường hướng dẫn doanh nghiệp - một sự chuyển biến hết sức cần thiết nhưng lại không mấy dễ dàng đối với các cơ quan Nhà nước.

- Chuyển từ quản lý theo Bộ sang quản lý theo ngành nghề (hay xoá bỏ cơ chế Bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản), xoá bỏ sự phân biệt doanh nghiệp TW, doanh nghiệp địa phương, xoá bỏ sự kỳ thị đối với doanh nghiệp dân doanh. Mỗi Bộ, ngành chuyển từ chỗ chỉ trực tiếp quản lý những doanh nghiệp thuộc Bộ, ngành mình sang quản lý Nhà nước theo ngành, phục vụ toàn ngành, tách bạch dứt khoát Bộ với doanh nghiệp.

Việc thực hiện Luật Doanh nghiệp thực sự là một khâu đột phá, đồng thời là nội dung quan trọng của công cuộc cải cách hành chính. Cơ chế "xin - cho", một đặc điểm của thời kỳ chuyển đổi, đã bước đầu thu hẹp và dần được thay thế bằng hệ thống thể chế mới theo hướng kinh tế thị trường. Trên các lĩnh vực kinh tế- xã hội, đã có nhiều cơ chế, chính sách mới được ban hành, nhiều văn bản pháp quy cũ, lỗi thời hoặc chồng chéo bị bãi bỏ, tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều tra của VCCI với 1000 doanh nghiệp, thời gian trung bình để thành lập và đưa doanh nghiệp vào hoạt động theo Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân trước đây là 66 ngày; trong đó giấy phép thành lập mất 43 ngày và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mất 23 ngày. Trong nhiều trường hợp cụ thể, số thời gian cao nhất mà doanh nghiệp phải chịu lên tới 910 ngày đối với xin phép thành lập và 200 ngày với giấy đăng ký kinh doanh. Chi phí thủ tục trước đây trung bình "công khai" khoảng 3 triệu đồng và cao nhất lên tới 240 triệu đồng. Tuy nhiên còn những khoản chi phí bất thành văn bản khác từ 1 đến 10 triệu đồng tùy theo địa bàn và lĩnh vực doanh nghiệp muốn đăng ký kinh doanh, mà phần lớn lọt vào túi riêng. Hiện nay, thời gian cấp giấy ĐKKD cho doanh nghiệp được rút xuống trung bình 7 ngày, nhiều nơi đã rút xuống còn 2 ngày (so với thời hạn 15 ngày theo luật định), và chi phí đăng ký kinh doanh là 550.000



đồng, đã tiết kiệm cho các doanh nghiệp mới được thành lập trong năm khoảng 80 tỉ đồng chi phí. Việc Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ 84 loại giấy phép con trong lượt đầu tiên đã tiết kiệm trung bình cho mỗi doanh nghiệp hằng năm khoảng 4,5 triệu đồng và 21 ngày đối với người điều hành doanh nghiệp. Đến nay tổng số giấy phép con được Thủ tướng Chính phủ quyết định bãi bỏ là 145, nhiều Bộ, ngành cũng chủ động bãi bỏ những giấy phép thuộc thẩm quyền của mình (như: Bộ tài chính xóa trên 700 văn bản, Bộ thương mại trên 300 văn bản...). Nhiều văn bản luật, pháp lệnh, nghị định cũng được rà soát, bổ sung và ban hành mới như Luật Đất đai, Luật Hải quan, các quy định về xuất nhập khẩu, về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, về cơ chế tín dụng... Đây là cơ sở pháp lý đáng tin cậy cho doanh nghiệp kinh doanh, tăng thêm niềm tin của khu vực kinh tế dân doanh vào công cuộc cải cách. Trong quá trình soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật, cũng đã có nhiều cuộc trao đổi, lấy ý kiến tham gia của đại diện doanh nghiệp. Đã có một số cuộc đối thoại giữa cơ quan chức năng với đại diện doanh nghiệp, như cơ quan thuế, hải quan, thương mại, công an, thanh tra, ngân hàng... Các doanh nghiệp cũng ghi nhận những tiến bộ trong thời gian gần đây về cải cách thủ tục hải quan của Tổng cục Hải quan, về bãi bỏ độc quyền của doanh nghiệp Nhà nước về tuyến đường vận tải và bến bãi của Bộ Giao thông vận tải. Có thể nói đó là những tín hiệu mới trong hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước dưới sự thúc đẩy của Luật doanh nghiệp.

*Thứ hai, Luật doanh nghiệp đã thực sự đi vào cuộc sống, làm tăng tình đoàn kết xã hội kích thích tính tích cực đầu tư, cởi trói cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt khu vực kinh tế tư nhân, thu hút lượng lớn vốn đầu tư của tư nhân vào sản xuất kinh doanh, khai thác các nguồn vốn trong nước.*

Nếu Khoản 10 trước đây đã giải phóng lực lượng sản xuất trong nông thôn, nông nghiệp và khẳng định vai trò của hộ gia đình gắn với các hình thức hợp tác có tác dụng to lớn biến nước ta từ một nước nhập khẩu lương thực trở thành một nước đủ lương thực và xuất khẩu lương thực đứng thứ hai trên thế giới, thì Luật Doanh nghiệp đã thật sự là một bước đột phá trong thể chế kinh tế, giải phóng lực lượng sản xuất ở vùng đô thị, phát triển các loại hình doanh nghiệp dân doanh. Trong gần hai năm qua,

việc thực hiện Luật Doanh nghiệp đã tạo thêm thế và lực mới cho nền kinh tế, góp phần quan trọng vào tăng tốc độ phát triển của đất nước ta trong những năm sắp tới.

Luật doanh nghiệp đã thể chế hoá quy định của Hiến pháp "công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật", tạo lập sự bình đẳng về cơ hội kinh doanh cho mọi người. Thủ tục thành lập doanh nghiệp và các quy định kinh doanh đã không còn là rào cản, mà thực sự khuyến khích tham gia thành lập doanh nghiệp đối với người muốn kinh doanh của mọi thành phần kinh tế.

Những tư tưởng thông thoáng của Luật Doanh nghiệp cũng đã tạo cho doanh nghiệp quyền chủ động kinh doanh, tận dụng được cơ hội kinh doanh, kích lệ tinh thần kinh doanh, khuyến khích sáng tạo và linh hoạt trong kinh doanh của doanh nghiệp. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch- Đầu tư, từ 1991 đến hết năm 1999, cả nước có khoảng 30.000 doanh nghiệp được thành lập, thì riêng trong năm 2000, năm đầu thực hiện Luật doanh nghiệp, bắt đầu có sự bùng nổ mạnh mẽ của doanh nghiệp dân doanh với 14.441 doanh nghiệp mới đăng ký với số vốn 13.780 tỷ đồng; năm 2001, ước tính có trên 18.000 doanh nghiệp mới đăng ký với số vốn khoảng 22.000 tỷ đồng, chưa kể vốn đăng ký bổ sung. Tổng cộng đã có 35.447 doanh nghiệp đăng ký thành lập với số vốn đăng ký khoảng 40.579 tỷ đồng trong 2 năm thực hiện Luật doanh nghiệp. Số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh mới trong năm 2001 gấp hơn 1,25 lần so với năm 2000.

Số doanh nghiệp mới được thành lập với vốn đăng ký bằng tiền chiếm đa số. Do Luật đã bãi bỏ đòi hỏi vốn pháp định một cách phổ biến đối với các ngành kinh doanh thông thường cho nên, có thể nói, đây là số vốn thực, không phải là vốn giả tạo như thời kỳ trước, phần đầu tư bằng hiện vật chỉ là chuyển tài sản từ dạng phi sản xuất không sinh lợi sang tài sản đầu tư sinh lợi.

Số doanh nghiệp mới được thành lập chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn. Hơn 70% là ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa như Thái Nguyên, Bắc Cạn, Lai Châu, Cao Bằng, Hà Giang... trong thời gian 9 năm (1991 - 1999) trước khi có Luật Doanh nghiệp số lượng doanh nghiệp được thành lập là không đáng kể thì trong 2 năm qua số doanh nghiệp tư nhân mới cũng đã tăng lên nhiều.

Về ngành nghề kinh doanh đăng ký, số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh trong nông - lâm nghiệp, thủy sản và khai khoáng chiếm khoảng 7%, công nghiệp chế biến chiếm 15%, xây dựng 12%, sản xuất, phân phối điện, khí và nước 3%; khách sạn, nhà hàng 3%; thương mại, sửa chữa xe và đồ dùng sinh hoạt 32%; dịch vụ khác 22%. So với trước đây đã có những thay đổi đáng lưu ý, doanh nghiệp dần dần chuyển sang các ngành sản xuất và chế biến nông - lâm nghiệp và một số dịch vụ mới (như phát hành báo chí, tin học...) xuất hiện nhiều hơn. Trong khi đó, lĩnh vực khách sạn, nhà hàng đã giảm một cách đáng kể (3% so với 13% trước đây). Điều đó thể hiện xu hướng mới tìm kiếm lợi nhuận trong kinh doanh phù hợp với chính sách phát triển sản xuất hướng vào các thị trường xuất khẩu và cạnh tranh với hàng ngoại mà Nhà nước khuyến khích đầu tư trong nước.

Luật doanh nghiệp khuyến khích kinh tế dân doanh phát triển tạo ra một kênh đầu tư mới để khai thác và phát huy vốn đầu tư của xã hội, của nhân dân một cách có hiệu quả, khắc phục khuynh hướng chỉ dựa vào đầu tư bằng vốn NSNN. Doanh nghiệp công nghiệp dân doanh đã có bước phát triển mới về đầu tư mở rộng quy mô, áp dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao trình độ quản lý, đã tham gia xuất khẩu có hiệu quả cao, nhất là các ngành dệt may, sản xuất đồ gỗ cao cấp, chế biến lương thực thực phẩm, đồ dùng gia đình... Mạnh dạn đầu tư vốn vào sản xuất kinh doanh, số công ty có vốn đầu tư hàng chục tỷ đồng đã xuất hiện ngày càng nhiều ở các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội... Công ty KyVy sản xuất tã giấy, tã vải đầu tư 76 tỷ đồng; công ty bao bì nhựa Sài Gòn đầu tư 50,5 tỷ đồng; công ty Thiên Nam đầu tư 56 tỷ đồng cho ngành hàng dệt nhuộm vải. Ba công ty có vốn đầu tư lớn nhất trong năm 2001 ở Thành phố Hồ Chí Minh là công ty cổ phần sữa Sài Gòn đầu tư 153 tỷ đồng cho sản xuất chế biến sữa; công ty thương mại sản xuất Huệ Linh đầu tư 150 tỷ đồng sản xuất sản phẩm nhựa PVC; công ty khai thác dịch vụ kinh doanh văn phòng và nhà xưởng đầu tư 150 tỷ đồng.

*Thứ ba, các doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp đã và đang là nguồn chủ yếu tạo thêm đáng kể số công ăn việc làm mới và tạo thu nhập cho người lao động, góp phần cải thiện đời sống và giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc.*

Số liệu báo cáo của các địa phương và điều tra thực tế ở một số tỉnh, thành phố cho thấy, trung bình mỗi doanh nghiệp mới thành lập trực tiếp sử dụng khoảng 20 lao động. Như vậy, riêng các doanh nghiệp đăng ký theo Luật doanh nghiệp từ năm 2000 đã tạo ra khoảng 600 ngàn chỗ làm việc mới. Đó là chưa kể đến số chỗ làm việc mới mà các hộ kinh doanh cá thể mới đăng ký và các doanh nghiệp hiện có mở rộng quy mô và địa bàn kinh doanh, đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh tạo ra. Luật đã góp phần giải toả tâm lý tập trung lao động về khu vực Nhà nước hay khu vực có vốn nước ngoài.

Trong công nghiệp, thống kê năm 2000, doanh nghiệp dân doanh tuy chỉ chiếm 21,7% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp nhưng chiếm tới 61% lao động và 11,4% tổng nguồn vốn, là khu vực có ưu thế sử dụng nhiều lao động, dùng ít vốn, quy mô sản xuất phân tán rộng và phục vụ tại chỗ thuận tiện cho người tiêu dùng.

Trong số các doanh nghiệp tư nhân thì có tới 21% giám đốc doanh nghiệp là nữ, trong đó nhiều người còn rất trẻ và được đào tạo đại học, một tỷ lệ cao hơn nhiều so với doanh nghiệp Nhà nước, thể hiện tinh thần kinh doanh và tự lập của nữ doanh nhân. Qua đó, Luật doanh nghiệp đóng góp thực sự vào sự tiến bộ của phụ nữ. Có 4,7% giám đốc doanh nghiệp dưới 29 tuổi và 62,1% dưới 49 tuổi, trẻ hơn nhiều so với khu vực doanh nghiệp Nhà nước, cho thấy đây cũng là một cơ hội tự khẳng định sự nghiệp của thanh niên.

*Thứ tư, góp phần đáng kể vào việc phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.*

Việc ra đời nhiều doanh nghiệp mới và sự gia tăng tổng đầu tư xã hội nhờ tăng mạnh vốn đầu tư ngoài NSNN đã tác động tích cực đến sự phát triển của khu vực kinh tế dân doanh với tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp khu vực ngoài quốc doanh năm 2000 đạt 18,3%, đạt mức cao nhất trong 10 năm trước đó và vượt cả tốc độ tăng trưởng của các khu vực DNNN và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Năm 2001, sản lượng công nghiệp khu vực ngoài quốc doanh tăng 19,5%, so với mức tăng 14,5% của khu vực doanh nghiệp Nhà nước và 14,2% của khu vực đầu tư nước ngoài. Luật doanh nghiệp thực sự là một nhân tố góp phần đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao ở nước ta trong thời gian qua.

Cùng với quá trình tự do hoá xuất, nhập khẩu, các doanh nghiệp tư nhân được trực tiếp xuất, nhập khẩu đã đưa số doanh nghiệp trực tiếp xuất, nhập khẩu lên 16.200 doanh nghiệp so với 8.200 doanh nghiệp năm 1999. Nhiều doanh nghiệp đã xuất khẩu được những sản phẩm thủ công mỹ nghệ, thực phẩm chế biến... hay các sản phẩm đi vào các thị trường ngách.

*Thứ năm, thực hiện Luật doanh nghiệp đã cho phép nâng cao vị thế về môi trường đầu tư của Việt Nam đối với quốc tế và cộng đồng các nhà tài trợ.*

Những chuyển biến tích cực trong việc cải cách thủ tục hành chính theo Luật doanh nghiệp không những được các doanh nghiệp trong nước hoan nghênh mà còn được các doanh nghiệp và các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá cao.

Nội dung Luật doanh nghiệp, sự chỉ đạo triển khai thực hiện và một số kết quả ban đầu của việc triển khai thực hiện Luật doanh nghiệp đã khiến cộng đồng quốc tế nhìn nhận và đánh giá tích cực hơn sự nhất quán và nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong công cuộc đổi mới, cải cách kinh tế hướng thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế; thúc đẩy họ cam kết hỗ trợ mạnh mẽ và nhiều hơn đối với tiến trình cải cách kinh tế ở nước ta. Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), Ngân hàng thế giới (WB) đã phát hành tài liệu nêu rõ Luật doanh nghiệp của Việt Nam là một điểm sáng trong thực hiện cải cách thể chế một cách có hiệu quả, là một kinh nghiệm tốt để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, một hình thức để tạo việc làm và giảm đói nghèo, cần được nhân rộng không chỉ ở nước ta, mà cả ở các nước đang phát triển khác.

Có thể nói, Luật doanh nghiệp đã nhanh chóng phát huy hiệu lực trên thực tế từ đầu năm 2000. Tác dụng của Luật doanh nghiệp là rộng rãi và trên nhiều mặt: kinh tế, xã hội, chính trị và đối ngoại; góp phần quan trọng vào việc phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở nước ta.

## **2. Các tác động tiêu cực**

### **2.1. Trong lĩnh vực quản lý Nhà nước**

*Thứ nhất, do những quy định chưa đầy đủ hoặc thiếu rõ ràng, cụ thể dẫn đến nhiều cách hiểu, cách làm thiếu thống nhất, dễ buông lỏng hoặc*

*gây phiền hà cho doanh nghiệp trong quản lý Nhà nước khi thực hiện Luật doanh nghiệp.*

Nếu so với các Luật khác thì Luật doanh nghiệp được thực hiện khá sâu rộng nhất, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật được ban hành kịp thời và tương đối đầy đủ. Tuy vậy, như phần trên đã đề cập, do nhiều quy định trong Luật doanh nghiệp còn chưa rõ ràng, đầy đủ và cụ thể nên dễ dẫn đến nhiều cách hiểu, cách làm khác nhau về cùng một nội dung quản lý Nhà nước trong quản lý doanh nghiệp, theo cả hai hướng hoặc buông lỏng quản lý, hoặc bị lạm dụng để gây phiền hà, trực lợi đối với doanh nghiệp, nhất là trong điều kiện có sự chống đối gay gắt của tư duy cũ hoặc đụng đến quyền và lợi của một bộ phận cơ quan hoặc cá nhân công chức mà còn phải chờ đợi hoặc chưa xử lý được. Cụ thể như tình trạng chông chéo trong thanh tra, kiểm tra hiện đang rất bức xúc, gây phiền hà, tổn kém cho doanh nghiệp. Tuy vậy, đầu năm 2001, khi đặt vấn đề xem xét lại nhiệm vụ của các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp để có thể hạn chế, giảm thiểu những cuộc thanh tra, kiểm tra chông chéo hay không, kết quả là tất cả các cơ quan đó đều cho rằng họ làm đúng chức năng đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật. Cũng vậy, năm 2000, với quyết tâm cao của Thủ tướng Chính phủ, đã bãi bỏ được 145 giấy phép con; sau đó từ tháng 8 năm 2000, tổ công tác thi hành Luật doanh nghiệp đã đề nghị xoá bỏ tiếp trên 40 giấy phép con, sau rút lại còn trên 30, song đến hết năm 2001 cũng không bỏ thêm được một giấy phép con nào, nguyên nhân là do chưa đạt được sự nhất trí của cơ quan liên quan. Ngược lại, đã xuất hiện thêm một số giấy phép con mới, công khai hoặc trá hình bằng *điều kiện kinh doanh*. Hiện nay, theo điều tra sơ bộ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, trong cả nước có khoảng trên 400 các quy định được các Bộ, các Tỉnh, Thành phố ban hành trong những năm trước đây đòi hỏi phải xin phép kinh doanh không còn phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp (như giấy phép được đánh máy chữ, được kinh doanh trò chơi điện tử, chơi billard...). Do đó, đòi hỏi sự chỉ đạo quyết liệt, với những biện pháp đủ mạnh từ cấp trên, tiến hành rà soát các quy định đó, bãi bỏ những quy định trái với Luật doanh nghiệp và tư tưởng tự do kinh doanh theo pháp luật.

*Thứ hai, những chủ trương, chính sách về phát triển doanh nghiệp*

*theo tinh thần của Luật doanh nghiệp là đúng đắn, song có tình trạng bị biến dạng và méo mó qua nhiều tầng nấc trung gian, bị những công chức do kém năng lực hoặc vụ lợi làm cho sai lệch.*

Việc thi hành Luật doanh nghiệp đòi hỏi sự chuyển biến đồng bộ của toàn bộ bộ máy quản lý, từ cơ chế, chính sách đến con người công chức và thủ tục hành chính; song trong tình hình hiện nay, việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ đang nổi lên như một yêu cầu hết sức bức xúc. Đó là do tình trạng kỷ luật, kỷ cương quá kém trong việc chấp hành các văn bản pháp quy, kể cả văn bản của Chính phủ và của các tỉnh, Thành phố, làm cho chủ trương, chính sách trong hệ thống hành pháp không được nghiêm chỉnh chấp hành, bị suy giảm và thiếu hiệu lực, thậm chí gây tác hại không nhỏ đến quyền kinh doanh của doanh nghiệp cũng như các quyền lợi chính đáng của người dân.

Sự quản lý tập trung, thống nhất giữa các cơ quan chức năng cho thực hiện Luật doanh nghiệp vẫn chưa được coi trọng và thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả, nhất là sau ĐKKD. Luật doanh nghiệp như một cơ chế quản lý kinh tế hoàn toàn mới, đang trong quá trình hình thành trong khi pháp luật chưa hoàn chỉnh, thị trường chưa đồng bộ, thậm chí méo mó, tư duy "xin- cho" vẫn còn dai dẳng, trong khi bộ máy quản lý điều hành còn kém hiệu lực, cán bộ công chức có người vừa yếu về kiến thức, vừa kém về phẩm chất. Trong tình huống như vậy, có những doanh nghiệp làm ăn đàng hoàng, đúng pháp luật, nhưng cũng không ít người lợi dụng kẽ hở; đang có tình trạng tốt xấu lẫn lộn khó tránh khỏi.

Nhiều cơ quan, cán bộ công chức thực sự lúng túng không xác định được công việc "quản lý Nhà nước" của mình từ nay là làm những gì và làm như thế nào, trong đó không ít người cho rằng như vậy là đã buông lỏng sự quản lý của Nhà nước, thậm chí nặng hơn, đó là "chệch hướng". Thêm vào đó, trong khá nhiều trường hợp, cơ quan quản lý đã buông lỏng trách nhiệm quản lý thuộc chức trách của mình (không loại trừ vì những nguyên nhân tiêu cực), mà chỉ một chiều đòi hỏi phục hồi những giấy phép, những thủ tục "xin-cho" khi thực tế đã chứng minh đó không phải là giải pháp hiệu quả nhất để quản lý; giấy phép nhiều khi chỉ là hình thức, gây ra sự lạm quyền đối với một số cá nhân, cơ quan hoặc sự độc

quyền với một số doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, một vấn đề khác không kém phần bức xúc hiện nay trong bộ máy hành chính, đó là tình trạng trách nhiệm cá nhân không được quy định rõ ràng trong việc thi hành Luật doanh nghiệp nói riêng cũng như trong việc thi hành các cơ chế, chính sách liên quan đến doanh nghiệp nói chung, tạo cơ hội đùn đẩy, trốn chịu trách nhiệm. Nhiều khi cơ chế, chính sách không được thực thi đến nơi, đến chốn, thậm chí bị thi hành méo mó, sai lệch; hay có những hoạt động điều hành của cơ quan chức năng, kể cả ban hành những văn bản chỉ đạo không đúng với tư duy đổi mới, trái với Luật doanh nghiệp, nhưng không được chấn chỉnh kịp thời, không có người chịu trách nhiệm về những sai phạm đó hoặc được biện minh bằng cách viện dẫn những quy định chưa cụ thể, rõ ràng của Luật doanh nghiệp.

## **2.2. Trong hoạt động của các doanh nghiệp**

Cùng với việc tăng nhanh số lượng doanh nghiệp và các hoạt động sản xuất kinh doanh đa dạng là các hiện tượng tiêu cực trong thực hiện Luật doanh nghiệp mà trách nhiệm thuộc về phía các doanh nghiệp, song nguyên nhân sâu xa là kẽ hở hoặc sự bất cập của Luật doanh nghiệp.

*Thứ nhất, sự gia tăng ngày càng khó kiểm soát hiện tượng "doanh nghiệp ma" (tức doanh nghiệp đăng ký mà không hoạt động hoặc hoạt động tại địa điểm khác nơi đăng ký kinh doanh nhưng không thông báo cho cơ quan ĐKKD) ảnh hưởng đến sự lành mạnh của thị trường, gây thất thu ngân sách và nhiều tác hại tiêu cực khác.*

Các doanh nghiệp "mất tích" với nhiều lý do, có thể:

- Doanh nghiệp đã đăng ký nhưng chưa khai trương hoạt động;
- Doanh nghiệp đã thay đổi trụ sở nhưng không khai báo; hoặc đã khai báo nhưng chưa cập nhật thông tin lưu trữ;
- Doanh nghiệp đã giải thể nhưng không khai báo thủ tục giải thể theo luật định;
- Có đăng ký nhưng không hoạt động...

Các Doanh nghiệp bị coi là "Doanh nghiệp ma" không phải chỉ xuất hiện sau Luật doanh nghiệp mà đã xuất hiện trước đó, không phải chỉ



riêng ở nước ta. Tuy nhiên, bên cạnh các doanh nghiệp thất bại trong đầu tư kinh doanh tự biến mất không thông báo cho cơ quan quản lý, cũng tồn tại một số ít những kẻ đã lợi dụng "độ thoáng" và kẽ hở trong đăng ký và quản lý Nhà nước theo Luật doanh nghiệp để lừa đảo và làm ăn phi pháp. Nhiều "doanh nghiệp ma" đã lợi dụng những kẽ hở trong việc phát hành, cung cấp hoá đơn, sự buông lỏng quản lý của thanh tra thuế hay sự tiếp tay, cấu kết của một số cán bộ thuế xấu có liên quan... thực hiện hành vi mua bán không hoá đơn giá trị gia tăng sau khi doanh nghiệp được thành lập, sau đó tự biến mất. Chưa có thống kê về số thất thu thuế từ những hành vi này so với trước khi có Luật doanh nghiệp, song khả năng là cao hơn cùng với số doanh nghiệp ngày càng nhiều và hoạt động đa dạng.

*Thứ hai, đa phần các doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình theo quy định của Luật đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, gây khó khăn cho công tác quản lý và bản thân doanh nghiệp.*

Nhiều doanh nghiệp đã không thực hiện khai báo kịp thời và đầy đủ những thay đổi trong hoạt động kinh doanh như: tăng vốn, thay đổi cổ đông, thay đổi địa điểm kinh doanh... với cơ quan ĐKKD. Việc nộp báo cáo tài chính hàng năm chưa được tuân thủ nghiêm chỉnh, mới có khoảng 30% số doanh nghiệp nộp báo cáo so với trên 90% số doanh nghiệp đã đăng ký và nộp thuế. Báo cáo sơ bộ của các Phòng ĐKKD, cho đến nay, số doanh nghiệp nộp báo cáo tài chính ở TPHCM chỉ là 10%; Bà Rịa-Vũng Tàu: 13%; Hà Nội và Hải Dương: 30%; Đà Nẵng và Hải Phòng: gần 2%. Số doanh nghiệp nộp đủ 4 báo cáo như quy định hầu như không đáng kể. Báo cáo của các doanh nghiệp không ghi đủ tất cả nội dung yêu cầu. Điều này một phần do thiếu ý thức chấp hành luật của doanh nghiệp, song phần khác còn do mẫu báo cáo tài chính theo Quyết định 167/2000/QĐ-BTC của Bộ Tài chính có một số nội dung chưa phù hợp, chưa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện đúng nghĩa vụ này như đã phân tích ở trên.

*Thứ ba, nhiều doanh nghiệp còn chưa quán triệt, thậm chí buông lỏng và xem nhẹ việc tổ chức hoạt động của doanh nghiệp theo đúng loại hình tổ chức đã đăng ký thành lập theo Luật doanh nghiệp.*

Là một công cụ cho quản lý và giám sát nội bộ doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bên có liên quan, song điều lệ của nhiều công ty đăng ký theo Luật doanh nghiệp rất sơ sài, chưa đáp ứng được đầy đủ

các yêu cầu. Đại bộ phận công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần thành lập theo Luật công ty năm 1990 vẫn chưa thay đổi, bổ sung điều lệ như quy định. Nhiều doanh nghiệp chưa xây dựng điều lệ công ty mới phù hợp với Luật doanh nghiệp, đặt các doanh nghiệp này trước nguy cơ không được pháp luật thừa nhận theo quy định hiện hành, có khả năng dẫn đến những tranh chấp kinh doanh do không có tư cách pháp nhân.

Bên cạnh đó, ý thức tuân thủ đúng các quy định về quản lý nội bộ theo Luật doanh nghiệp chưa cao, nhất là các quy định về quyền, thẩm quyền, trình tự thực hiện thẩm quyền cổ đông, cũng như các quy định liên quan đến chuyển nhượng cổ phần doanh nghiệp... Vì vậy, hiện tượng làm trái luật, vi phạm quyền của các thành viên, cổ đông, nhất là thành viên, cổ đông thiểu số, không tuân thủ đúng quy định về quản trị nội bộ công ty là khá phổ biến. Thực tế cho thấy đó là nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn nội bộ, và có thể dẫn tới đổ vỡ doanh nghiệp, đình trệ sản xuất.

Ngoài ra, còn cần kể đến một số hành vi vi phạm Luật doanh nghiệp khác, trong đó có việc lợi dụng "mác" doanh nghiệp hợp pháp để tổ chức kinh doanh bất hợp pháp như doanh nghiệp dịch vụ tổ chức kinh doanh các dịch vụ "trá hình", thậm chí (như trở thành nơi chứa chấp các tệ nạn xã hội ma túy, mại dâm, buôn bán hàng giả, hàng cấm...; hay khả năng có những người không được phép thành lập doanh nghiệp vẫn tham gia thành lập doanh nghiệp...

Chương ii

**Thực tiễn công tác tổ chức triển khai  
Luật doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội**

**i. Những thuận lợi và khó khăn trong phát triển kinh tế và triển khai Luật doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội với tư cách là Thủ đô.**

**1. Những yếu tố thuận lợi**

Thuận lợi lớn nhất, cơ bản và bao trùm là xu hướng nhất quán đẩy nhanh quá trình cải cách chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường diễn ra trên phạm vi toàn quốc, và trong từng địa phương, cũng như trong từng doanh nghiệp thành viên. Trên cơ sở đó, đời sống kinh tế - xã hội đã có những chuyển biến tích cực, theo hướng dân chủ hóa, thị trường hóa. Tốc độ tăng trưởng GDP được duy trì khá ổn định. Đời sống nhân dân được nâng lên. Dung lượng thị trường trong nước mở rộng. Tính hấp dẫn của môi trường đầu tư chung được cải thiện. Tính tích cực đầu tư của các thành phần kinh tế được tăng cường...

Hơn nữa, Hà Nội còn là Thủ đô - thành phố quan trọng nhất của cả nước, được TW coi là địa bàn trọng điểm đầu tư và được phép có cơ chế phân cấp quản lý kinh tế- xã hội nói chung, và quản lý đầu tư đặc thù nói riêng. Đây là nơi tập trung những cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước, các Bộ, Ngành, các cơ quan Trung ương, hiệp hội, đoàn thể, các cơ quan ngoại giao, các văn phòng đại diện, các trung tâm dịch vụ tài chính - ngân hàng, thương mại, thông tin - bưu chính viễn thông; nơi có các trụ sở báo chí, truyền thông đại chúng và các phương tiện thông tin hiện đại, đồng thời cơ sở hạ tầng giao thông vận tải khá phát triển; Hà Nội đã có mặt hoặc có điều kiện để phát triển đủ các loại hình, phương thức giao thông đối nội và đối ngoại (đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường biển và đường hàng không, đặc biệt là cảng hàng không quốc tế Nội Bài và đường giao thông bộ thuận tiện nối với cửa khẩu biển quốc tế ở Hải Phòng, Quảng Ninh), giữa chúng đã bước đầu có sự phát triển liên thông, hình

thành các mạng, tuyến giao thông vận tải dọc ngang trên toàn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và nối liền với các vùng khác trong cả nước; nơi tập trung các trường đại học, dạy nghề, viện nghiên cứu và các cơ sở vật chất khoa học- công nghệ lớn nhất cả nước, nơi có các nguồn nhân lực vừa đông đảo vừa có chất lượng, trình độ cao hàng đầu cả nước và có mức thu nhập bình quân trên đầu người cao, tạo thuận lợi cả về "đầu vào" lẫn "đầu ra" cho thành lập và phát triển các doanh nghiệp dịch vụ và công nghiệp, nhất là công nghiệp có hàm lượng vốn và hàm lượng công nghệ cao (trên địa bàn Thành phố có 49 trường đại học, cao đẳng, chiếm 60% cả nước; 34 trường trung học chuyên nghiệp, 41 trường dạy nghề, 112 viện nghiên cứu, với khoảng 34% lao động được đào tạo có bằng cấp, so với mức 10-12% của cả nước). Các điều kiện cung cấp điện nước cho sản xuất, sinh hoạt của Thủ đô cũng khá thuận lợi (gần nhà máy thủy điện Hoà Bình và nguồn nước ngầm, nước mặt dồi dào...).

Ngoài ra, do các yếu tố lịch sử để lại và sự phát triển phân công lao động xã hội, nên Hà Nội và các địa phương lân cận còn là nơi tập trung mật độ cao nhiều trung tâm, doanh nghiệp công nghiệp đa dạng, quan trọng, hiện đại, cũng như nhiều cơ sở làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống có khả năng tiềm tàng mở rộng sự phát triển trên cơ sở tăng cường đầu tư và hiện đại hóa trang thiết bị (trên địa bàn Thành phố có hơn 800 DNNN, riêng trong công nghiệp có 280 DNNN, khoảng 2000 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, 300 doanh nghiệp hỗn hợp và 17000 hộ cá thể). Nhiều sản phẩm có bề dày lịch sử, đặc trưng cho văn hóa và tài trí của nhân dân và các địa phương Bắc Bộ, có sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và có triển vọng trên thị trường nước ngoài. Chẳng hạn, sản phẩm dệt may hiện đang là một trong 5 nhóm sản phẩm chủ lực của công nghiệp Hà Nội, đồng thời cũng là một trong 11 nhóm hàng Việt Nam có triển vọng lớn khi thâm nhập thị trường Mỹ (hiện Việt Nam đứng thứ 70/227 quốc gia có quan hệ buôn bán với Mỹ, trong đó hàng dệt may chỉ chiếm 6% tổng giá trị xuất khẩu sang Mỹ). Đồng thời, giữa các địa phương và cơ sở trong Vùng đã ít nhiều phát triển các quan hệ phân công, chuyên môn hóa và hợp tác, giao lưu, trao đổi nguyên liệu, bán thành phẩm và hàng hóa. Ngay cả tâm lý và cơ cấu tiêu dùng của đông đảo các tầng lớp nhân dân và điều kiện tổ chức xúc tiến thương mại, tiếp thị, cung cấp dịch vụ hậu mãi của các doanh nghiệp trên địa bàn cho khách hàng

tiêu thụ cả trong và ngoài địa bàn cũng thuận lợi hơn so với các vùng khác, nhất là về nhiều sản phẩm công nghiệp chủ lực chất lượng, trình độ cao như đồ điện dân dụng, đồ điện tử nghe nhìn, xe máy, ô tô, hàng cơ - kim khí tiêu dùng, hàng da, bột giặt, mỹ phẩm, hàng khác... (Hiện tại, Hà Nội chiếm 83% năng lực sản xuất động cơ điện, 35% sản xuất xe đạp, 58% lắp ráp tivi, 74% sản xuất đồ nhôm, 40% sản xuất giày vải, 48% sản xuất lốp xe đạp, 74% sản xuất quạt điện cả nước). Việc sản xuất, cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ giữa Hà Nội và các vùng khác phụ cận cũng có nhiều điều kiện thực tế và tiềm năng phát triển do những "khoảng trống" hoặc mức độ sơ khai của chúng tại các địa phương này. Điều này cho phép Hà Nội có thuận lợi trong xây dựng và phát triển mạng lưới phân phối- tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn Thành phố, Vùng và mở rộng sang các khu vực khác.

Cũng cần thấy rằng, bản thân cơ cấu kinh tế trên địa bàn với tỷ lệ dịch vụ và công nghiệp chiếm khoảng 97% GDP là cơ cấu tiến bộ, khá gần gũi với cơ cấu của nhiều nền kinh tế phát triển trên thế giới. Chính cơ cấu này cùng với những năng lực công nghiệp và cơ sở vật chất kỹ thuật khác đã tích lũy được hoặc chưa được khai thác hết đang và sẽ tạo nền tảng và đà để đẩy nhanh hơn công cuộc công nghiệp hóa và hội nhập kinh tế quốc tế nói chung, cả hiện tại lẫn tương lai, cả ở cấp vĩ mô lẫn vi mô.

Ngay cả tỷ lệ nông nghiệp của Hà Nội tuy chỉ chiếm trên 2% GDP, song đa số được sản xuất chuyên canh tập trung tại những vùng hoặc trang trại truyền thống trồng hoa màu, trồng cây công nghiệp, hoa, quả đặc sản và các loại gia cầm, gia súc có sức tiêu thụ thị trường cao khác, tạo nguồn hàng tập trung cho công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, đáp ứng thị trường trong nước và có thể xuất khẩu nếu được quan tâm đầu tư.

Sự tập trung của các dự án FDI trên địa bàn (Hà Nội đứng thứ 2 cả nước về thu hút FDI) cũng đang và sẽ đóng góp và làm tăng thêm những động lực mạnh mẽ và tích cực để phát triển các doanh nghiệp trong Vùng nói riêng, kinh tế nói chung, bao gồm từ việc tạo nền tảng cơ sở của ngành, phát triển phân công và hợp tác lao động, phát triển các doanh nghiệp vệ tinh và dịch vụ kèm theo, đào tạo lao động công nghiệp, kích thích cạnh tranh và chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tiếp thị

---

và những tác động hữu ích khác cho các doanh nghiệp Hà Nội.

Nghĩa là, về tổng thể, Thủ đô Hà Nội có nhiều thuận lợi căn bản trong việc triển khai thực hiện Luật doanh nghiệp cả về phương diện cơ sở vật chất, tài chính, lẫn điều kiện thông tin, nhận thức và xử lý các vướng mắc phát sinh về Luật định và tổ chức...

## **2. Những yếu tố bất lợi**

Ngoài những yếu tố về sự gia tăng về số lượng, mật độ cao của Doanh nghiệp đăng ký và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn, Hà Nội còn đứng trước một số khó khăn như:

*Thứ nhất*, cơ chế thị trường mặc dầu đã hình thành về đại thể và đã phát huy tác dụng tích cực như đã nêu ở phần trên, song chưa hoàn chỉnh, đồng bộ và còn nhiều khiếm khuyết, làm giảm vai trò động lực tăng trưởng của cơ chế thị trường, thậm chí làm phát tán tác động tiêu cực - mặt trái của cơ chế thị trường (nạn buôn lậu, gian lận thương mại, cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm quyền sở hữu công nghiệp, nạn hàng giả, hàng nhái và những gian lận trong chấp hành chế độ kế toán, thuế và tín dụng khác...).

Khung pháp luật kinh tế của Việt Nam có nhiều điểm không tương thích với các thông lệ và quy định của WTO và các tổ chức kinh tế đa phương. Còn rất nhiều những chính sách, quy định bất hợp lý cản trở sự gia nhập và rút lui khỏi thị trường của doanh nghiệp. Tính không ổn định của chính sách, các quy định luôn thay đổi và không được báo trước đã tạo tâm lý thiếu yên tâm đầu tư. Số văn bản dưới luật quá nhiều, không nhất quán, do quá nhiều cơ quan nhà nước ban hành đã gây ra không ít khó khăn cho việc thực hiện.

Chính phủ cũng như Thành phố đã xây dựng nhiều chính sách nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp hình thành và phát triển lành mạnh trong cơ chế thị trường song còn có sự thiếu đồng bộ trong cơ chế, chính sách xúc tiến thương mại; chính sách thuế; quy định của pháp luật về đất đai, điều kiện thông tin,... , nhiều doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong việc huy động vốn đầu tư bởi các vướng mắc về thế chấp, việc thẩm định các dự án để cho vay còn nhiều thủ tục phiền hà.

Đặc biệt, khu vực kinh tế tư nhân vẫn chưa thực sự được coi trọng, đối

xử bình đẳng với khu vực DNNN, nhất là trong phát triển các quan hệ hợp tác liên doanh với các đối tác nước ngoài, trong việc vay vốn, cung cấp thông tin, vận động đầu tư và xúc tiến thương mại ở nước ngoài. Nhà nước có vai trò hết sức mờ nhạt trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp này tập hợp lại với nhau hình thành và phát triển thành những tập đoàn kinh doanh đủ mạnh để giữ vững thị trường trong nước và từng bước vươn ra thị trường thế giới, xây dựng các sản phẩm chủ lực mang thương hiệu Việt Nam, chiếm lĩnh thị trường trên cơ sở cạnh tranh hiệu quả với các sản phẩm nước ngoài.

Cho tới nay, cả trên phạm vi toàn quốc, cũng như phạm vi Thủ đô, cơ chế thị trường hoặc chưa phát huy đầy đủ tác dụng, hoặc sơ khai, và bị biến dạng đối với nhiều yếu tố trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến sản xuất - kinh doanh như tỷ giá, lãi suất, sự phân bổ các nguồn vốn, bất động sản, lao động, tiền lương, thông tin và ngay cả quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp .v.v..

Tỷ giá VND đã và đang còn chịu sự kiểm soát cứng nhắc nên đồng VND bị định giá quá cao, kéo dài dẫn đến làm giảm sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp Việt Nam cả trên thị trường trong nước và thị trường nước ngoài. Lãi suất và điều kiện tín dụng chưa cho người cần vốn được tiếp cận với nguồn vốn, trong khi vốn huy động được "chất đông" (khoảng 50%) trong các ngân hàng. Các nguồn vốn quốc gia chủ yếu vẫn di chuyển theo mệnh lệnh của Chính phủ và chưa đến được những nơi cần đến. Thị trường bất động sản bị o bế và "đóng băng" một cách giả tạo; lao động chưa được đào tạo, tuyển dụng, đãi ngộ và di động theo cơ chế thị trường cả trong phạm vi Vùng lẫn quốc gia và quốc tế (khiến cho nhiều lao động tay nghề cao phải chuyển nghề, làm trái nghề hoặc thất nghiệp, còn lao động hiện hành lại bất cập so với yêu cầu; tỷ lệ thất nghiệp quá cao, trong khi các nhà máy thiếu việc làm, thừa công suất...).

Tình trạng độc quyền phi kinh tế khá phổ biến, và đang có xu hướng chuyển từ độc quyền Nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp - Tổng công ty- ngành (điện, xăng dầu, than, bưu chính- viễn thông, hàng không...), kéo theo sự lũng đoạn về giá cả và thị trường, làm tăng chi phí sản xuất và dịch vụ, giảm sút sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, tạo sự cạnh tranh thiếu lành mạnh trong sản xuất - kinh doanh. Hơn nữa, những

bất cập về thủ tục hành chính và cơ chế quản lý, sự phân biệt các thành phần kinh tế và chất lượng kém, thậm chí sự tha hoá, móc ngoặc, tham nhũng của đội ngũ công chức Nhà nước liên quan đến doanh nghiệp càng làm cho những vấn đề đó trở nên nặng nề và gay gắt hơn, làm xấu hơn môi trường đầu tư trên địa bàn, gây nhiều khó khăn cho chỉ đạo tập trung, phối hợp liên kết và thống nhất để đáp ứng yêu triển khai Luật doanh nghiệp cầu.

*Thứ hai*, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp chưa cao, trong khi thị trường nội địa vẫn nhỏ hẹp, còn thị trường nước ngoài vẫn chưa được thực sự khai thông.

Nhiều tính toán của các tổ chức và chuyên gia quốc tế và trong nước đều đưa đến kết luận chung: hầu hết các sản phẩm công nghiệp chủ lực của các doanh nghiệp trong nước hiện nay đều rơi vào tình trạng đáng báo động vì hoặc đang bão hoà trên thị trường trong nước và quốc tế, hoặc có giá cả cao hơn mức giá trung bình thế giới (thường cao hơn từ 20-40%, thậm chí 80% so với giá hàng cùng loại nhập khẩu), sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu chỉ chiếm 15%... Bi kịch này có căn nguyên sâu xa từ những thiếu sót của chính sách kinh tế vĩ mô, mà trước hết là từ sự quá nhấn mạnh một chiều những khuyến khích sản xuất thay thế nhập khẩu, làm cho những sản phẩm công nghiệp do ta hay liên doanh với nước ngoài sản xuất chủ yếu chỉ nhằm tiêu thụ trên thị trường nội địa (chính sách tỷ giá định giá quá cao và kéo dài VND cũng tạo lực cộng hưởng gây nên tình trạng này). Dung lượng thị trường nội địa nhỏ hẹp (mức sống theo GDP bình quân đầu người tính bằng đồng giá sức mua -PPP- của Việt Nam đứng thứ 131/174 nước), mức tích lũy nội bộ nền kinh tế mới đạt 25% GDP so với 40% của Trung quốc. Trong khi những thị trường lớn trên thế giới (như thị trường Mỹ) vẫn chưa được khai thông cho hàng Việt Nam. Thị trường khu vực vẫn chiếm tới trên 70% kim ngạch ngoại thương của Việt Nam; hơn nữa, các nước khu vực lại có cơ cấu sản xuất khá gần với nước ta và hàng của họ có sức cạnh tranh cao hơn nhiều.

Do định hướng vào thị trường trong nước kéo dài, do những bất cập trong chính sách tài chính .v.v.. nên hầu hết các doanh nghiệp công nghiệp trong nước đều đang vấp phải vấn đề nan giải lớn là sự lạc hậu của trang thiết bị công nghệ. Ngay ở Hà Nội, nơi có trình độ khoa học - công



nghệ và có tốc độ đổi mới trang thiết bị cao nhất trong Vùng, thì tỷ lệ thiết bị hiện đại và tương đối hiện đại cũng chỉ đạt 36-38% tài sản cố định của các doanh nghiệp công nghiệp mà thôi. Các loại công nghệ mũi nhọn của thời đại như tin học - điện tử, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới chưa phát triển mạnh ở Vùng, ngay cả ở Hà Nội. Chưa đến 5% DNNN ở Hà Nội đạt tiêu chuẩn ISO... Thậm chí, dù tập trung đến trên 20% số người tốt nghiệp đại học và cao đẳng (12 vạn người), trên 70% số thạc sĩ, tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư của cả nước (khoảng 6000 người), thì lực lượng lao động Thủ đô qua đào tạo cũng mới chỉ chiếm khoảng 46% số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân. Còn 22,68% lao động tốt nghiệp THCS và 1,6% tiểu học; 22,46% công nhân tay nghề bậc 1; 17,36% bậc 2; 9,2% chưa qua đào tạo; về chuyên môn: 28,85% là sơ cấp và 16,3% chưa qua đào tạo. Số công nhân kỹ thuật và kỹ sư thực hành tay nghề cao thì còn thiếu nhiều (chỉ số phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam đứng thứ 108/174 nước). Trong công nghiệp, chỉ có chưa đến 7% tổng lao động là bậc 7, còn trên 20% là không có tay nghề.

Chất lượng đầu ra ở các bậc giáo dục phổ thông, dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học còn thấp, chưa đáp ứng được đòi hỏi của các nhà tuyển dụng. Số lao động có trình độ cao, có kỹ thuật cao chủ yếu tập trung trong khu vực hành chính, trong khi đó số lao động có trình độ cao ở khu vực ngoài quốc doanh, khu vực dịch vụ và nông nghiệp còn thấp.

Đội ngũ lãnh đạo, quản lý kinh tế vừa yếu, vừa thiếu, kể cả trong các doanh nghiệp lẫn trong các cơ quan quản lý nhà nước. Sự hạn chế về chuyên môn, về ngoại ngữ đã hạn chế khả năng khai thác thông tin, hạn chế trong đàm phán với các đối tác khi mở rộng thị trường, bỏ mất nhiều cơ hội phát triển của các doanh nghiệp.

Sự gắn kết giữa các doanh nghiệp với các trường đại học và cao đẳng (49) và các trường trung học chuyên nghiệp (34), các trường và trung tâm dạy nghề (41), cũng như với các Viện, các Trung tâm nghiên cứu khoa học do Bộ chuyên ngành thành lập (223) và các Viện, các Trung tâm nghiên cứu khoa học do Chính phủ thành lập (134), đặc biệt với hàng chục Viện nghiên cứu công nghệ trên địa bàn... còn rất mờ nhạt, lỏng lẻo, tự phát, kém hiệu quả, không đáp ứng nhu cầu và khả năng thực tế của

các bên. (Theo Bộ KH-CN&MT, các DNNN của Việt Nam bị lạc hậu công nghệ so với thế giới từ 10-20 năm; mức độ hao mòn hữu hình của các thiết bị 30-50% và hiệu suất sử dụng của chúng chỉ 25-30%).

Ngoài ra, hàng ngũ các nhà quản trị doanh nghiệp, các giám đốc và các nhà kinh doanh chưa thật hùng hậu và đáp ứng yêu cầu kinh doanh hiện đại trong bối cảnh hội nhập. Đa số các giám đốc của DNNN vẫn do các Nhà nước bổ nhiệm và khó có thể bị thay thế nếu chỉ vì lý do trình độ chuyên môn. Các giám đốc doanh nghiệp ngoài Nhà nước chưa được đào tạo bài bản. Nhìn chung, lòng tin, bản lĩnh kinh doanh thị trường và tinh thần tự tôn của đa số các doanh gia, doanh nghiệp còn yếu hoặc không ổn định.

Đặc biệt, chiến lược sản phẩm, chiến lược thị trường và đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực này (nhất là thiết kế mẫu mã, nghiên cứu ứng dụng và cải tiến công nghệ) của Thủ đô cũng như của từng doanh nghiệp đều chưa được coi trọng đúng mức. Đa số các doanh nghiệp hoạt động còn tự phát, kiểu "được chăng hay chớ", theo đuổi các mục tiêu kinh doanh ngắn hạn, chưa có kế hoạch và chính sách thoả đáng kích thích các tài năng kinh doanh và chuyên gia kỹ thuật lao động sáng tạo, chủ động tiếp cận, đáp ứng nhu cầu thị trường về sản phẩm và công nghệ. Những hiểu biết của doanh nghiệp về thị trường thế giới, về yêu cầu và thách thức từ hội nhập kinh tế quốc tế đến bản thân doanh nghiệp còn hạn chế, thậm chí nhiều doanh nghiệp và doanh nhân "còn chưa để ý" đến vấn đề đó (theo số liệu khảo sát năm 2000 thì có tới hơn 50% số doanh nghiệp được hỏi hầu như không nắm được nội dung yêu cầu hội nhập KTQT theo lộ trình mà Việt Nam đã cam kết trong khuôn khổ AFTA...).

Về tổng thể, tỷ lệ các DNNN làm ăn có lãi chưa đến 50%, điều đó cũng có nghĩa là các DNNN bị hạn chế nhiều về vốn, năng lực tiếp cận công nghệ mới về nguồn nhân lực (vừa thừa lao động gián tiếp và lao động phổ thông vừa thiếu lao động tay nghề cao) và điều kiện chuyển đổi danh mục sản phẩm thích nghi với thị trường luôn biến động. Thậm chí, có tới vài chục DNNN của Hà Nội cần giải thể hay phá sản song chưa tiến hành được do vấn đề cán bộ... Tâm trạng cán bộ DNNN ngại CPH, thích núp bóng DNNN và hưởng bao cấp là khá phổ biến. Trong khi đó, điều đáng ngại là cơ cấu vốn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước đang có xu

hướng giảm dần trong vài năm gần đây, kể cả vốn FDI, còn các "đại gia" công nghiệp ngoài Nhà nước chưa thấy xuất hiện nhiều...

*Thứ ba*, còn tồn tại nhiều vấn đề về nguồn nguyên liệu bán thành phẩm, thiết bị và cơ sở hạ tầng cần thiết khác cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp.

Có thể nói, trừ một số nguồn nguyên liệu tại chỗ hoặc tiện gần nơi cung cấp như đất sét, rau quả, thịt lợn, thịt gia cầm, da... còn đa phần các nguyên liệu để sản xuất những sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thủ đô đều phải nhập từ các tỉnh xa hoặc từ nước ngoài. Sự phụ thuộc về nguyên liệu và bán thành phẩm, linh kiện, thiết bị cho phát triển các ngành công nghiệp hiện đại của các doanh nghiệp là rất nặng nề, vừa gây bị động cho sản xuất, vừa không đem lại hiệu quả cao (do các doanh nghiệp còn nặng về lắp ráp hoặc gia công- làm thuê cho nước ngoài). Cần nhấn mạnh rằng chính vì thiếu nguyên phụ liệu để xuất khẩu hàng dệt may theo phương thức giá FOB theo yêu cầu của đa số khách hàng Mỹ đang và sẽ làm yếu sức cạnh tranh của hàng dệt may Việt Nam (trong đó có Hà Nội) so với các đối thủ khác (đây là chưa kể các doanh nghiệp còn thiếu kinh nghiệm tiếp thị, thanh toán xuất nhập khẩu và sản xuất ra hàng hoá chất lượng, giá cả thua xa so với hàng Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Bangladesh... Hơn nữa, do hải quan Mỹ đánh thuế theo tỷ lệ thành phần nguyên liệu với các sản phẩm dệt may, nên việc càng chủ động nguồn nguyên liệu càng cho phép Việt Nam hưởng mức thuế thấp). Chính sách thuế và hải quan của Chính phủ cũng chưa khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp tăng tỷ lệ nội địa hoá các sản phẩm liên doanh hoặc ngoại nhập (chẳng hạn, thuế nhập khẩu hàng nguyên chiếc một số sản phẩm cơ khí và điện tử thấp hơn cả thuế nhập khẩu linh kiện, bán thành phẩm...).

Bản thân các doanh nghiệp công nghiệp hiện có chưa được tập trung và phân bổ hợp lý theo yêu cầu phát triển và bảo vệ môi sinh. Các khu công nghiệp tập trung còn trống vắng (chưa lấp đầy 20% tổng diện tích hiện có). Hệ thống giao thông hạ tầng mặc dù đã có nhiều cải thiện đáng kể, song về cơ bản vẫn chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất - kinh doanh công nghiệp hiện đại (đường còn chật, kho tàng, điểm thông quan, bãi trung chuyển và các phương tiện vận tải, các đầu nút giao thông đối nội và đối ngoại trong vùng đều còn lạc hậu hoặc mới được sửa chữa, nâng cấp,

song chưa đồng bộ và hiện đại hoá..). Bản thân tổng công suất các nguồn điện, nước sạch hiện có cũng chưa đủ thoả mãn cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất hiện nay trong địa phương. Diện tích chật và sự tập trung mật độ dân số cao và doanh nghiệp trên địa bàn đang đặt ra nhiều áp lực gay gắt về vấn đề mặt bằng sản xuất - kinh doanh và yêu cầu bảo đảm vệ sinh môi trường của các doanh nghiệp...

Nghĩa là, về nhiều phương diện, nhất là những khó khăn chung do cơ chế, do tình hình thị trường và sức cạnh tranh... nên việc triển khai Luật doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô không thể tránh khỏi những vướng mắc và giảm sút hiệu quả bất chấp những nỗ lực chủ quan phía Thành phố và các đơn vị có trách nhiệm trong triển khai Luật doanh nghiệp.

## **II. Thực tiễn THỰC HIỆN luật doanh nghiệp trên địa bàn Hà nội**

### **1. Công tác quán triệt và tuyên truyền Luật doanh nghiệp của các cấp cơ quan, Sở, Ban, Ngành của Thành phố**

Nhận thức được yêu cầu của Luật doanh nghiệp, những thuận lợi và sự phức tạp trên, Thành uỷ, UBND Thành phố đã chuẩn bị chu đáo cho sự ra đời của Luật doanh nghiệp, UBND Thành phố Hà Nội đã ra chỉ thị về việc đẩy mạnh thực hiện Luật doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố tất cả các Sở, Ban, Ngành liên quan.

Thực hiện chỉ thị của Bộ cấp trên và UBND Thành phố, các Sở chuyên ngành đã thực hiện công tác rà soát, xem xét lại tất cả các thủ tục, qui định, văn bản, giấy tờ có liên quan đối với các ngành nghề thuộc lĩnh vực chuyên ngành của Sở, báo cáo với Bộ để tiến hành xoá bỏ các thủ tục, giấy phép không cần thiết với doanh nghiệp. Quán triệt tinh thần Luật doanh nghiệp, công tác quản lý của các Sở Chuyên ngành đã chuyển dần từ phương thức quản lý trực tiếp sang quản lý gián tiếp tập trung vào các nội dung quản lý mang tính thông tin và hỗ trợ.

Sở kế hoạch - đầu tư cũng đã phối hợp với Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương mở các khoá đào tạo về nội dung và các văn bản liên quan đến Luật doanh nghiệp, cũng như quá trình quản lý doanh nghiệp cho các nhà doanh nghiệp trẻ, thu hút hàng ngàn doanh nghiệp tham gia. Những khoá học này đã tập trung tuyên truyền, phổ biến nội dung Luật doanh nghiệp cho chủ sở hữu và người quản lý doanh nghiệp, nhất là về

vai trò, mục đích và ý nghĩa của các quy định về quản lý nội bộ doanh nghiệp; qua đó, giúp họ tăng cường và nâng cao giám sát nội bộ doanh nghiệp, góp phần ổn định và phát triển kinh doanh.

Phòng Đăng ký kinh doanh đã cung cấp trích ngang doanh nghiệp cho Phòng Công nghiệp - Thương mại VN, báo Đầu tư và các báo khác để tạo điều kiện phát hiện, phản ánh và tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp cũng như những nội dung cần điều chỉnh trong các quy định của pháp luật.

Tại Phòng Đăng ký kinh doanh có bảng niêm yết công khai các quy định về trình tự giải quyết thủ tục hành chính và mẫu hồ sơ đăng ký kinh doanh. Trong hai tháng đầu năm, các doanh nghiệp còn được phát miễn phí mẫu đơn, điều lệ để kịp hướng dẫn, tuyên truyền. Trong khi các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp chưa được ban hành đồng bộ, các văn bản pháp luật khác, có liên quan được hệ thống đầy đủ để tạo thuận lợi cho việc so sánh, áp dụng.

Thành phố Hà Nội có một thuận lợi lớn là rất nhiều cơ quan báo chí đặt trụ sở tại Hà Nội và tất cả các cơ quan báo chí đều vào cuộc trong chiến dịch tuyên truyền về nội dung và những vấn đề liên quan đến Luật doanh nghiệp, người dân Hà Nội từ đó đã có nhiều thuận lợi trong việc tiếp cận với Luật doanh nghiệp dưới nhiều hình thức khác nhau. Thêm vào đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động phối hợp với các cơ quan báo chí, đài phát thanh, truyền hình của Trung ương và địa phương để tuyên truyền phổ biến thủ tục, nội dung mới của Luật.

Tuy nhiên, quá trình tổ chức triển khai Luật doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội mới chỉ dừng ở mức đối phó tình huống, chưa thực sự chủ động triển khai các hoạt động tạo nền tảng, tạo đà cho sự ra đời và phát triển của các doanh nghiệp. Ngay nội dung của chỉ thị của UBND Thành phố về việc đẩy mạnh thực hiện Luật doanh nghiệp cũng chỉ phân công nhiệm vụ về hướng dẫn thủ tục đăng ký kinh doanh, theo dõi tình hình hoạt động của các doanh nghiệp chứ chưa phân công nhiệm vụ tuyên truyền nội dung Luật doanh nghiệp cho các đối tượng trong xã hội. Vì vậy, sự tham gia vào tuyên truyền Luật của các cơ quan truyền thông như Sở Văn hoá- thông tin còn chưa nhiều và chưa sâu. Thực tế cho thấy ngay cả các doanh nghiệp đã thực hiện đăng ký theo Luật doanh

ngành mới cũng chưa thực sự hiểu biết về Luật doanh nghiệp, chưa thực hiện kinh doanh theo Luật. Nhiều cán bộ làm công tác liên quan đến Luật doanh nghiệp cũng chưa hiểu nhiều về Luật, vì họ cũng chưa được qua các khoá đào tạo tìm hiểu về Luật và chưa được cập nhật các thông tin liên quan đến Luật.

## **2. Công tác tổ chức đăng ký kinh doanh**

Ngay từ cuối năm 1999, Thành uỷ, HĐND, UBND Thành phố đã xác định công tác triển khai thi hành Luật Doanh nghiệp là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Thành phố và chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư cần có những bước chuẩn bị về nghiệp vụ trước khi Luật có hiệu lực. Vì vậy, ngay từ ngày 1 tháng 1 năm 2000, công tác đăng ký kinh doanh đã được triển khai theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, không xảy ra tình trạng ách tắc trong thời gian chuyển tiếp giữa các luật cũ và Luật Doanh nghiệp.

Phòng Đăng ký kinh doanh cấp thành phố đã được thành lập theo Quyết định số 27/2000/QĐ- UB ngày 29/3/2000 của UBND thành phố Hà Nội về việc tổ chức lại Phòng Đăng ký và quản lý doanh nghiệp nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư. Để đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ tăng theo các quy định mới của Luật Doanh nghiệp; UBND Thành phố đã quyết định bố trí trụ sở mới, tăng điều kiện phương tiện làm việc và biên chế của Phòng đăng ký kinh doanh lên 12 người, khi cần thiết, được sử dụng thêm lao động hợp đồng (trước đây chỉ có 5 biên chế và 1 hợp đồng).

Đối với cơ quan đăng ký kinh doanh ở các quận, huyện, UBND Thành phố đã có quyết định tổ chức lại các phòng nghiệp vụ làm nhiệm vụ đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể, tập trung về một đầu mối để bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

Thành phố đã tổ chức các lớp tập huấn cho các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh ở các quận, huyện; đồng thời UBND Thành phố đã chỉ đạo giải quyết kịp thời các vướng mắc về tổ chức cơ quan đăng ký kinh doanh cấp thành phố và cấp quận huyện; về hồ sơ, biểu mẫu đăng ký kinh doanh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thường xuyên tranh thủ ý kiến chỉ đạo của các Bộ và phối hợp với các sở, ngành chuyên môn để quyết những

khó khăn vướng mắc, đặc biệt là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hoá thông tin, Bộ Công an, Cục Thuế Hà Nội và Công an Thành phố. Trong hoàn cảnh có tình khác, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng không được cấp dấu, vì chưa có hướng dẫn liên ngành, thì ở thành phố Hà Nội, ngay từ ngày đầu, Công an Thành phố chủ động tìm mọi biện pháp giải quyết, kịp thời đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

Phòng Đăng ký kinh doanh đã thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn việc gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan quản lý ngành kinh tế kỹ thuật cùng cấp, UBND quận, huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Tuy nhiên, hiện nay, lực lượng cán bộ của bộ phận đăng ký kinh doanh còn thiếu cả về số lượng và chuyên môn phù hợp, trong khi đó khối lượng công việc của cơ quan ĐKKD lại rất lớn, bao gồm nhiều loại việc khác nhau từ trách nhiệm cấp đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp đến quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký... Do vậy hiệu quả hoạt động của Phòng không cao. Tính đến hết năm 2001 mới chỉ đảm bảo tốt hoạt động giải quyết việc ĐKKD và cấp giấy chứng nhận ĐKK D- phần việc thứ nhất trong 7 phần việc của Cơ quan ĐKKD (điều 116 Luật doanh nghiệp). Bộ phận ĐKKD cũng đang gặp khó khăn về phương tiện làm việc như máy móc, các phần mềm quản lý phục vụ công tác ĐKKD.

### **3. Công tác hậu kiểm**

Thực hiện tư tưởng đổi mới của Luật doanh nghiệp, UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành chuyển từ từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Cục thuế Hà Nội đã được chỉ đạo từ Tổng cục và UBND Thành phố về vai trò của mình trong công tác này.

Tháng 2 năm 2000, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cung cấp phần mềm lưu trữ danh sách doanh nghiệp theo địa bàn đến từng quận, huyện để phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động doanh nghiệp. Sau khi hiệu đính nội dung, sẽ cấp tiếp cho các sở ngành có liên quan.

Công tác lưu trữ, hệ thống thông tin trên máy vi tính của Phòng ĐKKD đã hoàn thành bước đầu, tạo tiền đề thuận lợi để phối hợp giữa

các cơ quan có thẩm quyền quản lý doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh và cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Việc tìm kiếm hồ sơ lưu trữ và thông tin doanh nghiệp đã đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, chính xác (hết năm 2001 đã cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân theo Luật khoảng 85 lượt).

Mặc dù các Sở, Ban Ngành chuyên ngành đã có những nỗ lực trong việc nắm bắt thông tin, tạo điều kiện thuận lợi để giúp các doanh nghiệp trong chuyên môn, trong quan hệ giao dịch. Tuy nhiên do chưa có Nghị định của Chính phủ về phối hợp quản lý như trong điều 115 Luật doanh nghiệp đã quy định "*Chính phủ phải có qui định việc phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ trong quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực được phân công phụ trách*" nên công tác phối hợp quản lý các doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố còn nhiều lúng túng. UBND cấp Quận, Huyện chỉ là cơ quan được thông báo sự ra đời của doanh nghiệp trên địa phương, do đó không có những tác động cần thiết của UBND địa phương đến doanh nghiệp chưa phát huy được vai trò quản lý Nhà nước của mình. Ngoài ra, do Luật doanh nghiệp không qui định cụ thể trách nhiệm của doanh nghiệp và các chế tài bảo đảm trong quan hệ với các cơ quan quản lý ngành, khiến nhiều cơ quan quản lý chuyên ngành không nắm bắt được thông tin từ phía doanh nghiệp, hơn nữa đó cũng là sự hạn chế cho phía doanh nghiệp do không được nhiều thông tin hỗ trợ từ phía cơ quan chủ quản.

Công tác đào tạo, tư vấn cho các doanh nghiệp còn chưa thường xuyên, chưa phổ biến, dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp bị khó khăn trong các nghiệp vụ về thị trường, tài chính...

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 771/CP-ĐP1 ngày 24/8/2001, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6322/QĐ-UB ngày 25/10/2001 về việc tổ chức dự thảo Quy chế tạm thời về quản lý sau đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Nghị định 02/2000/NĐ-CP, Nghị định 03/2000/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh của doanh



ngiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư (trưởng Ban soạn thảo Quy chế) đã phối hợp với Sở Tư pháp (thường trực Ban soạn thảo), Cục Thuế Hà Nội, Công an Hà Nội và các cơ quan có liên quan tổ chức xây dựng dự thảo Quy chế. Trong quá trình thực hiện, Ban soạn thảo đã ký hợp đồng lấy ý kiến đề xuất về công tác quản lý doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh với các ngành của thành phố. Đồng thời, Ban soạn thảo cũng ký hợp đồng lấy ý kiến một số chuyên gia của thành phố và Trung ương để bổ sung, chỉnh lý hoàn thiện bản Dự thảo.

Đến nay, Dự thảo đã được UBND TP xem xét và trình Chính phủ cho ý kiến trước khi quyết định ban hành.

#### **4. Kết quả Đăng ký kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp từ 1/1/2000 đến 12/2001 trên địa bàn Hà Nội**

Luật Doanh nghiệp góp một phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội ở Thủ đô. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Hà Nội năm 2001 tăng 9,94% so với năm 2000. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngoài Nhà nước năm 2001 tăng 19,3% so năm 2000 và là mức tăng cao nhất từ 1997 trở lại đây. Số doanh nghiệp mới thành lập trên địa bàn tăng lên nhanh chóng trong những năm qua ở tất cả các hình thức công ty TNHH, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân,... Ngoài ra đã có thêm một số công ty hợp doanh được thành lập. Đây là loại hình tổ chức kinh doanh mới xuất hiện lần đầu ở nước ta.

**Bảng 2: Kết quả số lượng doanh nghiệp được cấp giấy ĐKKD và số vốn đăng ký theo Luật doanh nghiệp**

Hình thức doanh nghiệp	Số lượng				Vốn đầu tư (điều lệ) triệu đồng			
	1991-1999	Năm 2000	Năm 2001	So sánh 2001/2000	1991-1999	Năm 2000	Năm 2001	So sánh 2001/2000
DN tư nhân	792	290	300	103,4%	203.100	73.100	104.577	143%
Cty TNHH	3.514	1.790	2.540	141,9%	2.329.600	1.300.400	2.385.695	183%
Cty TNHH 1 T/viên	0	20	22	110%	0	69.820	76.805	110%
Cty cổ phần	143	130	519	399,2%	629.760	332.000	1.693.356	510%
<b>Tổng</b>	<b>4.449</b>	<b>2.210</b>	<b>3.381</b>	<b>153%</b>	<b>3.162.460</b>	<b>1.775.320</b>	<b>4.260.433</b>	<b>240%</b>

*Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp hội công thương thành phố Hà Nội.*

Giai đoạn 1991-1999, toàn Thành phố chỉ có 4.449 doanh nghiệp được thành lập. Năm 2000 số doanh nghiệp được thành lập là 2210, bằng 49,6% so với giai đoạn 91-99. Riêng năm 2001, số doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở KH&ĐT Hà Nội là 3.381 doanh nghiệp, bằng 76% trên tổng số doanh nghiệp được đăng ký kinh doanh trong 9 năm thực hiện Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty trước đây (từ năm 1991 đến năm 1999), và tăng gấp 1,53 lần so với năm 2000. Điều đáng lưu ý là đã có hơn 519 công ty cổ phần mới được thành lập nhiều hơn toàn bộ các công ty cổ phần đã được thành lập trong 9 năm về trước. Ngoài ra còn có khoảng 321 chi nhánh, văn phòng đại diện đăng ký hoạt động và phòng đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho khoảng 2.852 lượt, với tổng số vốn đăng ký tăng 1.388 tỷ 451 triệu đồng; thu hồi đăng ký kinh doanh 53 doanh nghiệp.

Luật Doanh nghiệp không chỉ tạo điều kiện thông thoáng, cởi mở cho các doanh nghiệp mới thành lập, mà cho cả các doanh nghiệp được thành lập từ trước đây. Cơ cấu ngành nghề ĐKKD của doanh nghiệp ngày càng đa dạng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Năm 2001 thì số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh trong nông-lâm nghiệp, thủy sản chiếm khoảng 1,2%; công nghiệp chiếm 16,81%; giao thông, xây dựng 15,83%, thương mại 29,15%; dịch vụ, du lịch 15,94%. So với trước đây đã có những thay đổi đáng lưu ý, doanh nghiệp dần dần chuyển sang các ngành sản xuất và chế biến nông - lâm nghiệp và một số dịch vụ mới (như phát hành báo chí, tin học...) xuất hiện nhiều hơn. Trong khi đó, lĩnh vực khách sạn, nhà hàng đã giảm một cách đáng kể (3% so với 13% trước đây).

Với những thủ tục thành lập và ĐKKD đơn giản đã tạo điều kiện cho nhiều hộ kinh doanh cá thể đăng ký thành lập doanh nghiệp, hoạt động theo Luật. Nhìn chung số hộ kinh doanh trong 2 năm qua không nhiều song đã giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động của địa phương.

Số doanh nghiệp mới ra đời trong năm qua đã tạo ra khoảng 250 000 chỗ làm việc mới. Đó là chưa kể đến số việc làm mới được tạo ra bởi hàng nghìn hộ kinh doanh cá thể mới đăng ký và các lao động cung cấp

dịch vụ cho các doanh nghiệp mới ra đời chưa được thống kê đầy đủ. Có thể nói rằng, các doanh nghiệp mới ra đời theo Luật Doanh nghiệp và các hộ kinh doanh cá thể đã và đang là nguồn chủ yếu tạo ra chỗ làm việc mới cho người lao động, góp phần không nhỏ vào việc cải thiện đời sống và giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội.

*Các DNNQD quận Hoàn Kiếm:* Theo điều tra 1/7/2001, số lượng doanh nghiệp đăng ký trên địa bàn quận Hoàn Kiếm khoảng 653, trong đó có 89 doanh nghiệp là thành phần kinh tế tập thể, 497 công ty TNHH, 34 công ty cổ phần, 122 doanh nghiệp tư nhân. Tổng doanh thu cả sản xuất và thương mại đạt khoảng 6.000 tỷ đồng, nộp thuế 250 tỷ (năm 2000). Số doanh nghiệp này đã thu hút khoảng 14.912 lao động chiếm 16% tổng số lao động đang hoạt động trong các thành phần kinh tế trên địa bàn quận.

*Hoạt động của các doanh nghiệp hành nghề Y Dược:* hiện nay các cơ sở hành nghề y dược tư nhân đã phát triển rộng khắp Hà Nội, tạo thành một hệ thống y tế tồn tại song song với hệ thống y tế Nhà nước và khẳng định vai trò là một bộ phận không thể thiếu của ngành y tế Hà Nội. Tính đến ngày 31/12/2001 tổng số cơ sở hành nghề là 4.892, trong đó có 2049 cơ sở hành nghề y, 2254 cơ sở hành nghề dược và 589 cơ sở hành nghề y dược học cổ truyền. Số doanh nghiệp hành nghề y tế tư nhân đủ điều kiện hành nghề được cấp giấy đăng ký kinh doanh là 145 doanh nghiệp, với tổng số vốn đầu tư ước tính hơn 500 tỷ đồng, trong đó các doanh nghiệp ĐKKD dược phẩm, trang thiết bị, dụng cụ y tế, khám chữa bệnh... tăng lên đáng kể.

Các cơ sở này đã góp phần đáng kể vào việc giảm gánh nặng quá tải của các cơ sở y tế Nhà nước, tăng thêm khả năng phục vụ, đáp ứng nhu cầu thuốc chữa bệnh của Nhà nước Thủ đô và nhân dân các tỉnh phía Bắc.

Tuy nhiên, các cơ sở hành nghề y dược tư nhân bị ảnh hưởng của cơ chế thị trường vào hoạt động của các cơ sở này tạo nên những tiêu cực khá rõ: không thực hiện việc niêm yết giá dẫn đến giá cả dịch vụ y tế cũng như giá thuốc còn tùy tiện thay đổi, kê đơn có hiện tượng chưa hợp lý an toàn, vẫn còn hiện tượng lạm dụng xét nghiệm, lạm dụng thuốc nhất là thuốc ngoại

\* *Các doanh nghiệp công nghiệp*: Sau khi Luật Doanh nghiệp có hiệu lực, giá trị sản xuất khu vực công nghiệp tư nhân năm 2000 đã đạt được 1.666 tỷ 303 triệu đồng tăng 16,5% so với năm 1999. Năm 2001, giá trị công nghiệp tư nhân đạt 1.966 tỷ 326 triệu đồng tăng 18% so với năm 2000. Trong đó riêng loại hình doanh nghiệp tư nhân và công ty tư nhân đạt 1.018 tỷ 418 triệu đồng tăng 32%, loại hình cá thể đạt 949 tỷ 666 triệu đồng, tăng 6%. Song nhìn chung mức tăng trưởng của công nghiệp tư nhân Hà Nội chủ yếu là tăng nhiều về lượng, tăng ít về chất và chưa dựa vào tăng năng suất lao động. Tăng trưởng chủ yếu do thay đổi loại hình từ DNNN, HTX TCN chuyển sang, tổ hợp tác, hộ cá thể chuyển lên. Có tới 90% giá trị sản xuất công nghiệp tư nhân năm 2001 thuộc về các doanh nghiệp công nghiệp tư nhân thành lập trước năm 1995. Thực tế có tới 80% số doanh nghiệp thành lập mới năm 2000 (sau Luật) chưa triển khai được hoạt động, thậm chí có tới 50% doanh nghiệp chưa đăng ký mã số thuế. Do phát triển tự phát nên phần lớn doanh nghiệp chưa có chiến lược lâu dài, thường quan tâm tới mặt hàng có lợi nhuận cao nhưng nhu cầu không nhiều, dẫn đến thị trường nhanh chóng bị bão hòa, hiệu quả kinh tế thấp.

\* *Các doanh nghiệp ngành xây dựng*: từ tháng 1/2000 đến hết tháng 9/2001 Sở KH&ĐT đã cấp đăng ký kinh doanh ngành nghề xây dựng, tư vấn xây dựng cho 980 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, trong đó: 757 công ty TNHH, 200 công ty cổ phần, 23 doanh nghiệp tư nhân. Nhìn chung các doanh nghiệp đều duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, có 20% doanh nghiệp có giá trị doanh thu từ 20-25 tỷ đồng/năm; 30% doanh nghiệp ngoài quốc doanh có doanh thu từ 4-9 tỷ đồng/năm; số doanh nghiệp còn lại có doanh thu nhỏ hơn 3 tỷ đồng/năm; cá biệt có doanh nghiệp có doanh thu thấp hơn 300 triệu đồng/năm.

**iii. Một số vướng mắc và vấn đề phát sinh trong thực tiễn triển khai  
Luật doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội**

Thực tiễn triển khai Luật doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố 2 năm qua đã và đang bộc lộ một số vướng mắc và bất cập, cũng như phát sinh một số vấn đề cần xử lý mà ít nhiều trên đây đã đề cập. Xét tổng thể, chúng gồm:

**1. Những vướng mắc từ văn bản pháp luật, cơ chế- chính sách.**

*1) Những hướng dẫn về thi hành Luật doanh nghiệp còn chậm và chưa đồng bộ.*

Luật doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 1/1/2000, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 02/2000/NĐ-CP và số 03/2000/NĐ-CP. Tiếp sau đó, các Bộ, Ngành mới tiến hành triển khai đưa ra các hướng dẫn thực hiện của ngành mình, nhưng tiến độ rất chậm và cho đến nay vẫn chưa có đầy đủ các hướng dẫn của cơ quan chức năng trong thực hiện Luật. Hiện nay, nhiều văn bản pháp quy là cơ sở cho việc quản lý sau đăng ký kinh doanh vẫn chưa được bổ sung, sửa đổi. Công tác quản lý sau đăng ký kinh doanh liên quan rất nhiều đến các Luật, Pháp lệnh chuyên ngành như Luật lao động, Luật thương mại, Pháp lệnh về hợp đồng kinh tế... song gần như các Luật, Pháp lệnh này đều chưa được bổ sung, sửa đổi. Theo Luật doanh nghiệp, một số ngành kinh doanh đặc biệt cần có vốn pháp định. Nhưng thông tư số 07/2000/TT-NHNN ngày 28/4/2000 của Ngân hàng Nhà nước lại quy định doanh nghiệp tự khai mức vốn pháp định làm cho các doanh nghiệp ĐKKD những ngành nghề này lâm vào tình trạng khó khăn trong công việc ĐKKD.

Hiện nay cũng chưa có các quy định xử lý các vi phạm sau đăng ký kinh doanh về đăng ký báo cáo thành lập doanh nghiệp, về vốn đăng ký, về kê khai thuế, về việc không tiến hành các hoạt động kinh doanh trong thời hạn 1 năm kể từ khi được cấp giấy phép, về hoạt động không đúng trụ sở... Nhất là chưa hề có các hướng dẫn về thể thức thanh kiểm tra thế nào cho phù hợp với cơ chế đổi mới của Luật doanh nghiệp, trong khi các quy định cũ đã lỗi thời.

Nội dung của báo cáo tài chính mà các doanh nghiệp hàng năm phải báo cáo với cơ quan quản lý Nhà nước quá chi tiết, gây khó khăn cho các

doanh nghiệp trong việc khai báo cáo và tăng khả năng rủi ro trong kinh doanh của các doanh nghiệp. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc số lượng các doanh nghiệp nộp báo cáo tài chính còn rất ít. Trong khi đó hướng dẫn làm báo cáo lại quá phức tạp, không phù hợp với các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ, làm cho phần lớn các nhà quản lý không hiểu và làm được. Trong khi việc thuê người có trình độ hiểu biết và có chuyên môn lập được báo cáo tài chính như quy định là rất tốn kém đối với doanh nghiệp. Mặt khác việc tuyên truyền, phổ biến, giải thích về nội dung, ý nghĩa của quyết định 167/2000/QĐ\_BTC hầu như chưa có. Do đó, tâm lý ngần ngại của doanh nghiệp không được giải tỏa; cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp chưa hiểu biết lẫn nhau, chưa biết rõ các vấn đề của từng phía để đưa ra giải pháp hợp lý.

2) *Những quy định trách nhiệm cụ thể của các ngành các cấp trong việc quản lý doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh chưa có.* Điều 115 Luật doanh nghiệp đã xác định việc Chính phủ ra qui định về việc phối hợp quản lý các doanh nghiệp giữa các Bộ, Ngành trong lĩnh vực được phân công phụ trách, tuy nhiên cho tới nay vẫn chưa có nghị định nào được ban hành. Trong khi đó, các qui định Pháp luật về công tác quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp tư nhân ra đời trước khi có Luật doanh nghiệp chưa tập trung, đồng bộ, hệ thống mà nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Tới nay, hiệu lực thi hành, thể thức thực hiện của các văn bản này chưa được xác định lại rõ ràng. Hơn nữa, các Sở, Ban, Ngành trên địa bàn Thành phố cũng chưa được phân công trách nhiệm đối với các doanh nghiệp thành lập sau ĐKKD, chỉ quản lý theo ngành với phương châm biết đâu quản lý đấy, hầu hết chưa nắm rõ được hoạt động của các DN trong ngành mình. Chỉ duy nhất có phòng ĐKKD là có trách nhiệm cụ thể về theo dõi, quản lý doanh nghiệp sau ĐKKD, nhưng lại chưa đủ điều kiện cả về nhân sự, tổ chức và cơ sở vật chất cần thiết để quản lý tốt các doanh nghiệp này.

Hơn nữa, có thể nói tổ chức cơ quan ĐKKD Thành phố hiện nay chưa phù hợp để thực hiện đầy đủ các chức năng được giao trong Luật doanh nghiệp. Việc thành lập phòng ĐKKD trực thuộc Sở Kế hoạch- đầu tư với các cán bộ của Sở là chưa hợp lý vì gây khó khăn trong công tác phối hợp với các Sở, ban, ngành khác trong việc quản lý doanh nghiệp

sau đăng ký. Lực lượng quá mỏng, trình độ chuyên môn còn chưa phù hợp và cơ sở vật chất chưa được tăng cường là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế nhất định trong việc thực hiện chức năng quản lý của Phòng ĐKKD. Trên thực tế, Phòng ĐKKD mới chỉ đủ lực để thực hiện được công tác ĐKKD, lưu trữ dữ liệu về các doanh nghiệp đã ĐKKD, còn một số đầu việc trong 7 điểm của điều 116 Luật doanh nghiệp Phòng vẫn chưa thực hiện được. Luật doanh nghiệp cũng quy định cơ quan ĐKKD là nơi có trách nhiệm theo dõi hoạt động của các doanh nghiệp sau ĐKKD nhưng lại không có tên trong danh sách các cơ quan có quyền xử phạt hành chính khi các doanh nghiệp vi phạm pháp luật theo Pháp lệnh về xử phạt hành chính ban hành năm 1995.

3) *Những quy định và chế tài về quan hệ hai chiều giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý ngành còn vừa thiếu rõ ràng, vừa lỏng lẻo.* Luật doanh nghiệp chỉ qui định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với cơ quan đăng ký kinh doanh (điều 8), mà không qui định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với các cơ quan quản lý ngành và lãnh thổ. Các doanh nghiệp không biết mình đang chịu sự quản lý của cơ quan nào. Do vậy, trên thực tế nhiều doanh nghiệp đã từ chối không quan hệ với các cơ quan chức năng, làm giảm hiệu lực quản lý đối với các cơ quan này. Các cơ quan cũng không biết tình trạng hoạt động của doanh nghiệp ra sao, thậm chí nhiều chính sách ưu đãi của các ngành và địa phương đã không đến được với doanh nghiệp.

4) *Cơ sở pháp lý để cấp ĐKKD cho các doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề mới có điều kiện còn nhiều vướng mắc.* Theo Luật Doanh nghiệp và các quy định tại các văn bản liên quan, mọi cá nhân, tổ chức được lựa chọn và ĐKKD những ngành nghề mà Pháp luật không cấm. Tuy nhiên, trên thực tế, đa số những vướng mắc trong lĩnh vực ĐKKD tập trung vào việc đăng ký và ghi ngành nghề ĐKKD trong giấy chứng nhận ĐKKD.

Việc ghi ngành nghề ĐKKD hiện nay theo 3 cách: ghi theo ngành nghề quy định tại các Luật, Pháp lệnh, NB quy định kinh doanh phải có điều kiện, vốn pháp định, chứng chỉ hành nghề...; ghi theo danh mục ngành kinh tế quốc dân ban hành theo quyết định 143/TCTK; đối với những ngành nghề mà doanh nghiệp ĐKKD nhưng chưa được quy định

trong các danh mục nói trên thì phòng ĐKKD trao đổi với cơ quan quản lý chuyên ngành... Do đó, để đảm bảo thuận lợi cho các doanh nghiệp đến làm thủ tục ĐKKD, cũng như đảm bảo cho các cán bộ dễ dàng thực hiện, phòng đăng ký kinh doanh thường xuyên phải đối chiếu với 2 văn bản là thông tư 03/BKH hướng dẫn về ĐKKD và quyết định 143/TCTK về bảng phân ngành kinh tế quốc dân, dẫn đến khi ngành nghề đề nghị ĐKKD của người dân không có tên trong bảng phân ngành kinh tế quốc dân hiện hành, phản ứng chung của các phòng ĐKKD là từ chối vì không có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình trên dẫn đến tình trạng không thống nhất mã ngành ĐKKD trong toàn quốc. Nhiều doanh nghiệp đã gặp rất nhiều khó khăn khi các ngành nghề ghi trong giấy chứng nhận ĐKKD không khớp với ngành nghề kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp đã buộc làm thủ tục bổ sung nghề buôn bán xăm lớp ô tô" bên cạnh ngành nghề kinh doanh thương mại của mình để "đáp ứng" yêu cầu từ phía các cơ quan quản lý thị trường, thuế vụ...

Thực tế có nhiều doanh nghiệp theo yêu cầu của cơ quan hải quan, cơ quan thuế, của các đơn vị mời thầu, đề nghị cơ quan ĐKKD ghi ngành nghề chưa có trong danh mục. Mặt khác, sự quá chi tiết của ngành nghề ĐKKD sẽ làm khó khăn cho doanh nghiệp khi đối mặt với các cơ quan quản lý khác. Vì vậy, cần có quy định để đảm bảo ngoài danh mục ngành nghề ĐKKD còn có thủ tục thật đơn giản, theo nguyên tắc một cửa trong việc bổ sung vào danh mục ngành nghề ĐKKD khi phát sinh yêu cầu đăng ký những ngành nghề mới.

## **2. Về phía tổ chức thực hiện các cơ quan quản lý Nhà nước.**

*1) Sự thiếu nhất quán trong nhận thức của các Bộ, ngành trong việc tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh.* Tiến độ rà soát để xóa bỏ các giấy phép con của các Bộ, ngành còn rất chậm. Năm 2000 cả nước xóa bỏ được 145 giấy phép con, từ tháng 8/2000 đến nay Tổ công tác thi hành Luật đã đề nghị xóa bỏ tiếp trên 30 giấy phép con nhưng đến hết 2001 vẫn chưa xóa bỏ được giấy phép con nào do chưa có sự nhất trí giữa các cơ quan liên quan. Mặt khác, một số giấy phép con



tuy bị xoá bỏ, nhưng các Bộ, ngành lại đưa ra các điều khoản quy định khác thông qua các thông tư, nghị định gây khó khăn thêm cho doanh nghiệp trong hoạt động. Ngoài ra hiện nay các cơ chế-chính sách được soạn thảo chưa có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia, các doanh nghiệp nên nhiều văn bản khi đi vào thực tế chưa phù hợp.

2) *Sự phối hợp giữa các Sở, Ban, Ngành trên địa bàn Thành phố trong công tác thực thi Luật Doanh nghiệp chưa chặt chẽ.* Luật doanh nghiệp cấm một số đối tượng công dân không được phép ĐKKD, trong thủ tục đăng ký kinh doanh chỉ đòi hỏi đơn giản đăng ký, danh sách thành viên góp vốn, người chịu trách nhiệm về pháp luật, địa chỉ trụ sở chính doanh nghiệp theo nguyên tắc tự khai và tự chịu trách nhiệm nên trên thực tế Phòng ĐKKD rất khó khăn khó trong việc loại trừ hết được các đối tượng này. Khúc mắc trên sẽ được giải quyết triệt để nếu có sự phối hợp chặt chẽ giữa Phòng và cơ quan an ninh của Thành phố để tạo một ngân hàng dữ liệu các đối tượng không được phép ĐKKD.

Chỉ số ít trong các đơn vị quản lý trên địa bàn Thành phố như Sở Công nghiệp là có sự theo dõi tương đối sát sao các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành của mình, còn đa số các đơn vị quản lý chuyên ngành và UBND các Quận, Huyện đều nêu vấn đề là chưa nắm được đầy đủ các thông tin hoạt động của doanh nghiệp sau ĐKKD do chưa chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác quản lý.

Sự phối hợp thanh, kiểm tra, xử lý vi phạm giữa các cơ quan chức năng chưa đồng bộ dẫn đến nhiều chồng chéo, trùng lặp giữa các cơ quan, các cấp thanh tra, kiểm tra khác nhau về cùng một nội dung, gây phiền hà, tốn kém cho doanh nghiệp, thậm chí ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và danh tiếng của đơn vị.

3) *Bộ máy tổ chức làm công tác ĐKKD trên địa bàn Thành phố còn chưa đạt yêu cầu.* Hiện nay, nhân sự của Phòng ĐKKD vẫn chưa đạt số lượng theo Quyết định thành lập phòng. Hơn nữa, một số cán bộ làm công tác ĐKKD chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác chuyên môn. Tình trạng trên dẫn đến hậu quả "quá tải" đối với Phòng ĐKKD và "bỏ trống" một số nội dung quản lý Nhà nước thuộc chức năng quy định của Phòng.

**3. Về phía các doanh nghiệp**

1) *Kiến thức và ý thức chấp hành Luật pháp trong kinh doanh của nhiều doanh nghiệp còn rất hạn chế.* Trên thực tế chỉ có một số ít các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ có tìm hiểu về Luật doanh nghiệp và nắm được một phần nội dung Luật. Đa số còn lại chưa nắm được những nội dung cơ bản của Luật doanh nghiệp. Chính vì chưa có những kiến thức tối thiểu về Luật pháp nên nhiều qui định của Luật doanh nghiệp như: sửa đổi, bổ sung điều lệ hoạt động của doanh nghiệp; thông tin báo cáo thành lập doanh nghiệp; chuyển quyền sở hữu tài sản dùng góp vốn; lập và nộp báo cáo tài chính... đã không được thực hiện nghiêm túc ở nhiều doanh nghiệp và công ty hiện nay. Nhiều doanh nghiệp chưa có thái độ đúng đắn với các cơ quan quản lý Nhà nước, chưa có thái độ hợp tác với cơ quan quản lý. Đặc biệt, ý thức trách nhiệm về quản lý, giám sát nội bộ của doanh nghiệp chưa cao, thậm chí buông lỏng và xem nhẹ. Nhiều công ty xem nhẹ điều lệ công ty, coi đó chỉ như một thủ tục bắt buộc và là công cụ quản lý, giám sát nội bộ doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bên có liên quan. Đại bộ phận công ty TNHH, Công ty cổ phần thành lập theo Luật công ty 1990 vẫn chưa thay đổi, bổ sung điều lệ theo quy định. Nội dung Điều lệ của các công ty đăng ký theo Luật doanh nghiệp cũng rất sơ sài, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Luật doanh nghiệp. Mặt khác các doanh nghiệp không tuân thủ đúng các quy định về quản lý nội bộ theo Luật doanh nghiệp, nhất là các quy định về quyền, thẩm quyền, trình tự thực hiện thẩm quyền. Vì vậy hiện tượng làm trái luật, vi phạm quyền của các thành viên, cổ đông, nhất là thành viên, cổ đông thiểu số, không tuân thủ đúng quy định về quản trị nội bộ công ty là khá phổ biến. Thực tế cho thấy đó là nguyên nhân làm mâu thuẫn nội bộ phát sinh, dẫn tới đổ vỡ doanh nghiệp, đình trệ sản xuất, như trường hợp của công ty Cổ phần Hữu nghị, Công ty cổ phần Tràng Tiền ...

2) *Năng lực quản lý, điều hành hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố còn nhiều hạn chế.* Một số các doanh nghiệp (nhất là các doanh nghiệp nhỏ do một gia đình sáng lập) không biết làm báo cáo tài chính, không có điều lệ hoạt động, quản lý hoạt động của công ty lỏng lẻo dẫn đến làm ăn thua lỗ, phá sản. Nhiều chủ doanh nghiệp chưa tìm hiểu kỹ thị trường, chưa chuẩn bị đầy đủ về năng lực kinh doanh đã đăng ký

---

thành lập doanh nghiệp, dẫn đến kết quả là khá đông doanh nghiệp lúng túng về phương hướng kinh doanh ngay từ ngày đầu mới thành lập. Hiện nay trên toàn địa bàn Thành phố có hàng ngàn doanh nghiệp đứng trước yêu cầu bức xúc là được tập huấn bài bản và sâu hơn về Luật doanh nghiệp cũng như về các kiến thức quản trị kinh doanh thị trường.

3) *Một số doanh nghiệp đã lợi dụng sự thông thoáng của Luật doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trái pháp luật, trốn lậu thuế, đối xử không đúng luật với người lao động, buôn bán hoá đơn, lập hồ sơ, chứng từ hoá đơn mua hàng hóa xuất khẩu khống, hóa đơn giả, kê khai số lượng tăng lên so với thực xuất, giá cả bất hợp lý... để tính kê khai tính thuế GTGT đầu vào, khấu trừ thuế hoặc hoàn thuế GTGT không đúng; một số chưa báo cáo tài chính theo quy định; không chấp hành nghiêm túc các quy định của Luật Doanh nghiệp. Năm 2001 tại Hà Nội có 411 doanh nghiệp có đăng ký mã số thuế, sử dụng hoá đơn VAT nhưng không nộp thuế và không tìm thấy địa chỉ.*

Chương iii

**Những phương hướng, giải pháp đồng bộ nhằm  
tăng cường triển khai hiệu quả luật doanh nghiệp  
trên địa bàn Hà Nội thời gian tới**

**i. Một số dự báo triển vọng phát triển doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội**

Từ động thái kết quả đăng ký và hoạt động của các doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp trong thời gian qua và trên cơ sở xem xét đặc điểm tâm lý, trình độ tổ chức kinh doanh, xu hướng cải cách hành chính, đổi mới phương thức quản lý kinh tế của Nhà nước, cũng như tính đến các yêu cầu, cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, đến xu hướng phát triển doanh nghiệp trong nước và trên thế giới... có thể dự báo:

1) Các hoạt động sản xuất - kinh doanh dưới các loại hình mà Luật doanh nghiệp đã đề cập sẽ ngày càng phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng, cả bề rộng lẫn bề sâu, sẽ gia tăng cả về quy mô lẫn hiệu quả. Khu vực doanh nghiệp Việt Nam nói chung cũng như ở Hà Nội nói riêng sẽ ngày càng phát triển chính quy hoá, hiện đại hoá và dần dần ổn định hoá nề nếp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, cũng như các luật định quốc gia và quốc tế có liên quan khác.

2) Các hình thức kinh doanh theo Luật doanh nghiệp sẽ phát triển nhanh hơn, được ưa chuộng hơn ở nước ta cũng như ở Thủ đô trong thời gian tới là: doanh nghiệp cổ phần (kể cả loại đa sở hữu); Công ty TNHH một thành viên và tập đoàn doanh nghiệp được tổ chức theo mô hình công ty mẹ- con hay công ty cổ phần... Thậm chí sẽ có xuất hiện những kiểu tổ chức kinh doanh quá độ, trung gian hoặc mang tính tổng hợp giữa các loại hình tổ chức kinh doanh được định danh trong Luật doanh nghiệp.

3) Các doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô sẽ ngày càng mang tính quốc tế đậm nét hơn về định hướng hoạt động sản xuất - kinh doanh: thị trường tiêu thụ cũng như thị trường nguyên vật liệu, công nghệ, lao động và các yếu tố cần thiết khác cho quá trình tái sản xuất mở rộng của bản

thân doanh nghiệp. Ranh giới giữa doanh nghiệp Nhà nước hay doanh nghiệp tư nhân, giữa doanh nghiệp đầu tư trong nước và doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài hay doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ bị "mờ dần", giảm thiểu sự khác biệt... Đồng thời, tầm quan trọng và đặc điểm yêu cầu của thị trường trong nước và thị trường nước ngoài sẽ ngày càng hoà lẫn vào nhau, khó phân biệt rạch ròi trong việc định hướng phát triển của doanh nghiệp.

4) Phạm vi kinh doanh của các doanh nghiệp sẽ ngày càng đa dạng hoá xét theo cả từng doanh nghiệp, cũng như toàn bộ khu vực doanh nghiệp, song các doanh nghiệp Thủ đô sẽ ngày càng chuyển mạnh sang kinh doanh dịch vụ và sản xuất công nghiệp có hàm lượng vốn và khoa học cao. Sẽ xuất hiện nhiều lĩnh vực ngành nghề kinh doanh mới, hiện đại, chưa được bao quát hết trong hệ thống luật định hiện hành của nước ta. Bên cạnh những doanh nghiệp chuyên doanh rất sâu sẽ ngày càng xuất hiện nhiều doanh nghiệp hoạt động sản xuất - kinh doanh tổng hợp, thậm chí đầu tư vào những lĩnh vực, sản phẩm rất khác nhau mà một giấy phép kinh doanh được cấp theo Luật doanh nghiệp sẽ ngày càng trở nên chật hẹp.

5) Các doanh nghiệp sẽ ngày càng đòi hỏi những lao động có trình độ cao, chất lượng cao. Lao động trong các doanh nghiệp và trên thị trường lao động nói chung cũng sẽ có tính linh hoạt, di động nhiều hơn. Điều này khiến cho quan hệ lao động trong doanh nghiệp cũng trở nên mang tính thị trường và pháp lý cao hơn. Các doanh nghiệp cần được quyền tự chủ nhiều hơn về tuyển dụng, trả lương, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và thay thế lao động theo cơ chế thị trường.

6) Cùng với sự lớn mạnh và thành công của khu vực doanh nghiệp và nhiều tập đoàn, doanh nghiệp,... sẽ xuất hiện ngày càng phổ biến hơn các hiện tượng phá sản, giải thể, chia tách và sáp nhập, mua bán chuyển nhượng lại các doanh nghiệp, các cổ phần, cổ phiếu doanh nghiệp; sẽ xuất hiện những hiện tượng độc quyền kinh tế tư nhân của các doanh nghiệp và biểu hiện dưới nhiều hình thức vừa cổ điển vừa mới mẻ để lũng đoạn thị trường, chi phối mạnh đến đời sống kinh tế - xã hội (thậm chí cả chính trị) của địa phương và đất nước. Các tranh chấp kinh tế, thương mại, lao động và các dạng tội phạm khác trực tiếp phát sinh từ toàn bộ quá trình tái

sản xuất của doanh nghiệp cũng sẽ gia tăng với quy mô lớn, phạm vi rộng, độ phức tạp cao và hậu quả nặng nề hơn... đòi hỏi những giải pháp phòng ngừa và xử lý nhanh, hiệu lực, hiệu quả và mang tính bao quát của nền hành chính Nhà nước, trong đó có Luật doanh nghiệp...

Nghĩa là, bức tranh khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn sẽ có những biến đổi mau lẹ, mới lạ, ngoạn mục cả về màu sắc và bố cục... Tất cả những điều đó ít nhiều trực tiếp hay gián tiếp, sớm hay muộn đều xuất phát từ kết quả triển khai Luật doanh nghiệp; đồng thời đến lượt mình, chúng cũng quy định sự cần thiết phải điều chỉnh bản thân Luật doanh nghiệp hiện hành, thúc đẩy quá trình hoàn thiện Luật doanh nghiệp, môi trường đầu tư trên địa bàn Thủ đô và cả nước, thúc đẩy việc nâng cao toàn diện trình độ và chất lượng quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương và mỗi doanh nghiệp.

**ii. một số nguyên tắc, nội dung, cơ chế hậu kiểm để tăng cường quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp theo luật doanh nghiệp**

Thực tế cho thấy còn có rất nhiều việc phải làm để Luật doanh nghiệp thực sự vận hành có hiệu quả, có quy củ, mà một trong các vấn đề khó khăn mà chúng ta phải giải quyết đó là tìm ra được và ứng dụng tốt một cơ chế rất mới, đó là cơ chế hậu kiểm doanh nghiệp.

**1. Những nguyên tắc và cơ chế liên quan đến việc Nhà nước hậu kiểm doanh nghiệp.**

Theo yêu cầu cải cách hành chính của nhà nước ta, người dân được phép làm những gì mà pháp luật không cấm và công chức chỉ được làm những gì mà pháp luật quy định. Cơ chế hậu kiểm theo Luật doanh nghiệp đề cao vai trò, quyền và trách nhiệm của các bên trong việc tự kiểm tra, giám sát lẫn nhau để bảo vệ lấy lợi ích hợp pháp của chính họ. Tuy vậy, vai trò của Nhà nước vẫn không giảm. Có thể nói, Nhà nước đóng vai trò trung tâm tạo nên tính toàn vẹn của cơ chế hậu kiểm, đồng thời là điều kiện để các thành tố tự giám sát phát huy được hiệu lực của chúng.

Về nguyên tắc, vai trò của Nhà nước trong cơ chế hậu kiểm theo tinh thần của Luật doanh nghiệp thể hiện trên ba mặt:

*Một là, Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ.*

*Hai là*, Nhà nước bảo vệ lợi ích chung của xã hội bằng việc trực tiếp thực hiện các biện pháp ngăn ngừa hoặc giảm những tác động ngoại vi tiêu cực, hoặc các biện pháp bảo đảm chất lượng của một số loại sản phẩm, dịch vụ mà người tiêu dùng không có cơ hội để kiểm tra và đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ đó.

*Ba là*, Nhà nước bảo hộ cho lợi ích của tất cả các bên; mỗi khi các bên không tự dàn xếp được về sự phân chia lợi ích, mâu thuẫn phát sinh, lợi ích của một hoặc một số bên bị xâm hại thì theo yêu cầu của bên có liên quan, Nhà nước can thiệp theo trình tự luật định thiết lập lại trật tự lợi ích, phục hồi lợi ích cho bên bị hại (đây chính là chức năng tư pháp của Nhà nước).

*a) Trước hết, về vai trò Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ.*

Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp thể hiện qua một số hoạt động sau đây:

- Phát triển và áp dụng hệ thống luật pháp về kinh doanh theo hướng khuyến khích, thúc đẩy, tạo cơ hội ngang bằng hơn là điều tiết, kiểm soát và cấm đoán.

- Cung cấp thông tin:

- + Thông tin về pháp luật, chính sách.
- + Thông tin về thị trường trong và ngoài nước.
- + Thông tin về định hướng phát triển kinh tế, xã hội.
- + Các dự báo kinh tế và nhu cầu thị trường.
- + Thông tin về khoa học, công nghệ.
- + Các thông tin khác.

- Tư vấn và đào tạo, nhất là tư vấn và hỗ trợ về pháp lý; trong đó, đặc biệt là tư vấn hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong giao dịch với bên nước ngoài.

- Hỗ trợ giảm rủi ro hoặc cùng chia sẻ rủi ro với các nhà đầu tư như hỗ trợ ưu đãi đối với các dự án có mức rủi ro cao.

- Bảo đảm vận hành chế độ công vụ và công chức trên nguyên tắc phục vụ; giải quyết nhanh, kịp thời và ít tốn kém vấn đề và các quan hệ

giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu chính đáng của doanh nghiệp ...

*b) Về vai trò Nhà nước trực tiếp giám sát và kiểm tra.*

Nhà nước cần bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng, của nhóm người có quyền lợi liên quan mà họ không có khả năng tự bảo vệ.

Hơn nữa, Nhà nước cũng cần phải bảo vệ lợi ích trực tiếp của chính mình, tức là thu đủ và thu đúng số thuế theo luật định.

Nhà nước phải kiểm soát đối với các ngành hoặc hoạt động có tác động ngoại vi tiêu cực là lớn, và những người có quyền và lợi ích liên quan.

Nhà nước cũng kiểm soát những hoạt động mà ở đó do bất đối xứng về thông tin mà người tiêu dùng không có khả năng và cơ hội bảo vệ được lợi ích hợp pháp của mình. Ví dụ, một bệnh nhân đến một cơ sở y tế, do không có thời gian để đánh giá về chất lượng của cơ sở này hoặc có thể do không đủ khả năng để đánh giá và lựa chọn. Vì vậy, Nhà nước cần phải can thiệp, kiểm soát để bảo vệ quyền lợi của họ.

Có thể nói, hai nhóm ngành, nghề nêu ở trên là những ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Nhóm điều kiện thứ nhất về thực chất là các biện pháp mà luật pháp đòi hỏi doanh nghiệp phải áp dụng để hạn chế qui mô và phạm vi ảnh hưởng của các tác động ngoại vi tiêu cực. Nhóm điều kiện thứ hai về thực chất là các biện pháp can thiệp của Nhà nước để bảo đảm chất lượng của một số sản phẩm, dịch vụ mà do bản chất và phương thức tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ đó, người tiêu dùng không có khả năng và cơ hội để kiểm tra, đánh giá chất lượng của chúng.

Cơ quan hành chính nhà nước chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về hai nhóm ngành nghề nói trên mới có quyền giám sát, kiểm tra doanh nghiệp, và phạm vi giám sát, kiểm tra của họ chỉ tập trung vào việc thực hiện có hiệu quả các biện pháp hạn chế và ngăn ngừa nói trên. Tuy vậy, nhà nước có thể uỷ nhiệm cho các hội nghề nghiệp, các tổ chức xã hội khác thực hiện một phần hoặc tất cả các nhiệm vụ nói trên. Kinh nghiệm nhiều nước trên thế giới cho thấy, các hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội khác thực hiện có hiệu quả hơn các công việc nói trên; bởi vì, họ nắm đầy đủ và kịp thời hơn các thông tin cần thiết, và họ không chỉ sử dụng quy



phạm pháp luật mà cả quy tắc đạo đức nghề nghiệp để chi phối và giám sát hoạt động của các thành viên của hội. Ngoài ra, các thành viên tự giám sát lẫn nhau cũng là để bảo vệ uy tín của họ, bảo vệ lợi ích của chính họ.

Loại cơ quan hành chính thứ hai có quyền kiểm tra, giám sát doanh nghiệp là cơ quan thuế hoặc cơ quan tài chính. Giám sát, kiểm tra của cơ quan này chỉ tập trung vào việc đảm bảo thu đúng và thu đủ số thuế cho Nhà nước theo quy định của pháp luật. Như vậy, về nguyên tắc, chỉ có cơ quan thuế hoặc cơ quan tài chính mới có quyền xem xét sổ sách kế toán của doanh nghiệp; không có quyền xem xét các hồ sơ giấy tờ khác. Tuy vậy, thực tế các nước cho thấy bản thân cơ quan thuế hoặc tài chính không có khả năng kiểm tra, giám sát đầy đủ đối với tất cả các doanh nghiệp. Vì vậy, pháp luật tạo công cụ, điều kiện và yêu cầu doanh nghiệp tự kiểm tra, sau đó, thông qua kiểm toán độc lập kiểm định lại sổ sách kế toán và báo cáo tài chính doanh nghiệp. Như vậy, có thể hiểu Nhà nước đã uỷ nhiệm và nắm lấy các công ty kiểm toán để giám sát và kiểm tra doanh nghiệp. Thông thường, kết luận kiểm toán độc lập luôn được thừa nhận. Nghề kiểm toán được tôn vinh rất cao, nhưng đồng thời trách nhiệm của kiểm toán cũng rất lớn; nếu phát hiện sai trái trong kết luận của kiểm toán thì xử phạt rất nặng đối với kiểm toán viên và công ty kiểm toán. Cơ chế và giải pháp như vậy tỏ ra khả thi, hiệu quả và thuận lợi cho cả doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.

Như vậy, theo cách tiếp cận như trình bày nói trên thì số cơ quan có quyền vào kiểm tra doanh nghiệp không có nhiều, sẽ giảm đáng kể so với hiện nay. Các cơ quan như Thanh tra Nhà nước các cấp, một số cơ quan thuộc lực lượng công an nhân dân, cơ quan thống kê, cơ quan vật giá, đo lường chất lượng và một số thanh tra chuyên ngành khác... có thể sẽ không còn là cơ quan trực tiếp kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp. Phạm vi hoạt động kiểm tra, thanh tra của các cơ quan hành chính nhà nước đối với doanh nghiệp cũng sẽ thu hẹp lại. Phương thức hoạt động và thẩm quyền hành chính nhà nước trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp sẽ thay đổi theo hướng tập trung và đảm bảo thuế của nhà nước, bảo vệ lợi ích cộng đồng, bảo vệ lợi ích của người mà tự họ không có khả năng và cơ hội để bảo vệ lợi ích của chính mình.

*c) Về vai trò Nhà nước bảo hộ và bảo vệ công bằng và công minh lợi*

*ích hợp pháp của các bên.*

Tăng cường, mở rộng quy mô phạm vi hoạt động của các cơ quan tư pháp; nâng cao quyền lực, năng lực, hiệu lực và hiệu quả các hoạt động của hệ thống các cơ quan tư pháp là yếu tố không thể thiếu được để vận hành có hiệu quả cơ chế hậu kiểm theo Luật doanh nghiệp.

Trong cơ chế thị trường, các bên tham gia thị trường đều tự nguyện thiết lập quan hệ giao dịch, tự quyết định lợi ích của mình trong các giao dịch đó và tự bảo vệ lợi ích của chính mình theo quy định của pháp luật. Tuy vậy, trong trường hợp các bên bất đồng về lợi ích, hoặc lợi ích của một hoặc một số bên bị vi phạm do bên kia không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong giao dịch, hay có các hành vi hoặc thủ đoạn bất hợp pháp đến mức các bên không thể hoà giải được thì các cơ quan bảo vệ pháp luật can thiệp, thiết lập lại trật tự và lợi ích hợp pháp của các bên theo yêu cầu của bên có liên quan.

Vấn đề đặt ra ở đây là khi có yêu cầu, cơ quan tư pháp phải giải quyết nhanh, kịp thời, công minh, công bằng và ít tốn kém các mâu thuẫn hay xung đột xảy ra, thiết lập lại trật tự và lợi ích hợp pháp của các bên. Chỉ có như vậy, người dân mới tin vào hệ thống pháp luật và các cơ quan bảo vệ pháp luật; do đó, người ta mới sử dụng pháp luật để giải quyết các xung đột, mâu thuẫn và tranh chấp trong đời sống xã hội. Rõ ràng, vai trò của các cơ quan tư pháp phải được nâng cao, năng lực của họ phải được tăng cường là những yếu tố không thể thiếu được trong việc thực hiện có hiệu quả cơ chế hậu kiểm theo Luật doanh nghiệp.

## **2. Cơ chế và giải pháp khi các chủ thể khác tham gia hậu kiểm.**

Tham gia vào công tác hậu kiểm đối với doanh nghiệp không những chỉ có sự đánh giá của các cơ quan quản lý nhà nước mà sự kiểm tra của xã hội, người tiêu dùng, kiểm soát nội bộ, kiểm tra của đối tác, bạn hàng và kiểm tra của các cổ đông, người góp vốn, vay vốn... cũng rất quan trọng. Những chủ thể này cũng hoạt động rất hữu hiệu trong việc kiểm tra doanh nghiệp ở nhiều khía cạnh khác nhau:

a) *Người tiêu dùng*: Đây là những nhà hậu kiểm quan trọng nhất vì không có họ, doanh nghiệp không thể tồn tại và phát triển được. Họ sẽ

đánh giá một cách chính xác chất lượng của hàng hoá và dịch vụ mà họ nhận được từ doanh nghiệp.

b) *Đối tác* (như ngân hàng cho vay, người liên doanh, liên kết, đại lý): Vì hoạt động của doanh nghiệp không thể thiếu bạn hàng và các đối tác, nên nếu doanh nghiệp có vấn đề thì các đối tác sẽ tương ứng điều chỉnh mức độ tin cậy, mức độ quan hệ đối với doanh nghiệp, tức là doanh nghiệp sẽ bị “đối xử” mà mức độ thiệt hại thậm chí còn hơn so với các chế tài của nhà nước.

c) *Đồng chủ sở hữu*: Do muốn lợi nhuận cao và không mất vốn họ thường kiểm tra thường xuyên hoạt động của doanh nghiệp, ngoài ra còn có vai trò quan trọng của ban kiểm soát, hội đồng quản trị, hội đồng cổ đông ...

d) *Các tổ chức đại diện doanh nghiệp* (các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội công thương) và đơn vị sử dụng lao động có các điều lệ, các chuẩn mực kinh tế, kỹ thuật, chuẩn mực văn hoá đạo đức trong kinh doanh ràng buộc các thành viên của mình với mục đích bảo vệ và phát triển cộng đồng doanh nghiệp của mình. Cơ chế giám sát, tự kiểm tra và điều chỉnh của các hiệp hội doanh nghiệp đối với mô hình doanh nghiệp đang ngày càng có vị trí quan trọng.

e) *Đối thủ cạnh tranh*: Đây là các đối tượng giám sát khá hiệu quả và nghiêm khắc nhất. Nếu doanh nghiệp làm ăn lừa dối khách, vi phạm pháp luật hoặc mắc phải những lỗi và sơ suất khách quan hay chủ quan khác thì đối thủ cạnh tranh sẽ nêu ngay lên công luận, thông báo cho khách hàng hoặc lặn lội khai thác tối đa những lỗi của doanh nghiệp để có lợi cho mình... Giám sát và áp lực của các đối thủ cạnh tranh trong nước và nước ngoài càng tăng thì doanh nghiệp càng phải làm ăn, tính toán cẩn thận hơn. Mức độ cạnh tranh thị trường càng cao thì áp lực thị trường đối với doanh nghiệp và những người làm việc trong doanh nghiệp càng lớn; nó là yếu tố buộc tất cả họ phải làm việc nghiêm túc, hiệu quả và đúng pháp luật. Đây cũng là yếu tố thúc đẩy họ giám sát lẫn nhau một cách chặt chẽ và hợp lý hơn bởi vì một người trong số họ có hành động không hợp lý, hoặc sai trái, đều trực tiếp ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của những người còn lại có liên quan.

Về vấn đề này, việc nhanh chóng nâng cao vai trò, ảnh hưởng của

hiệp hội những người tiêu dùng là rất cần thiết. Bởi vì, hiệp hội có thể cung cấp thông tin, hướng dẫn cho người tiêu dùng lựa chọn hàng hoá và dịch vụ, khuyến cáo đối với các nhà sản xuất; qua đó, tạo nên áp lực buộc nhà sản xuất quan tâm hơn đến lợi ích chính đáng của người tiêu dùng. Đó cũng là yếu tố thúc đẩy các nhà sản xuất, các đối thủ cạnh tranh tăng cường hơn sự giám sát lẫn nhau để bảo vệ uy tín và chất lượng hàng hoá, dịch vụ do chính họ sản xuất; khắc phục nguy cơ làm hàng giả gây thiệt hại cho chính lợi ích hợp pháp của họ.

g) *Người lao động và công đoàn*: Vì lợi ích của mình họ sẽ giám sát doanh nghiệp để bảo vệ và đòi chủ doanh nghiệp giải quyết điều kiện làm việc, thu nhập, an toàn lao động, bảo hiểm...

h) *Sự giám sát của công luận, báo chí*: Doanh nghiệp sẽ phát triển hoặc mất uy tín qua việc tuyên truyền của cơ quan báo chí về hoạt động đúng, sai của mình.

Xã hội nói chung và công luận nói riêng có vai trò quan trọng, là yếu tố không thể thiếu trong cơ chế hậu kiểm đối với doanh nghiệp. Bởi vì, công luận là phương thức nhanh nhất cung cấp thông tin về doanh nghiệp với công chúng, qua đó, có thể tác động trực tiếp tới phản ứng hay ứng xử của họ đối với doanh nghiệp liên quan. Đề cao vai trò của xã hội và công luận có ý nghĩa là bất kỳ hoạt động nào của doanh nghiệp đều có thể được giám sát và đánh giá; qua đó tạo nên áp lực buộc doanh nghiệp phải hành động hợp lý, đúng pháp luật, tôn trọng lợi ích của xã hội.

Tuy vậy, để giám sát của công luận và xã hội đạt được hiệu quả tích cực, cần có ít nhất một số điều kiện sau đây:

+ *Một là*, xã hội và công luận cần được hướng dẫn cụ thể về những loại hoạt động của doanh nghiệp có thể trực tiếp hoặc gián tiếp gây tác động tiêu cực tới cuộc sống chung của xã hội và những công cụ hay biện pháp mà nhà nước yêu cầu phải thực hiện để giảm thiểu các tác động tiêu cực đó.

+ *Hai là*, phải có cơ chế và bộ máy để tập hợp và giải quyết nhanh, có hiệu quả tất cả các yêu cầu và phát hiện của dân chúng; đồng thời thông báo rộng rãi những phát hiện hợp lý, biện pháp và kết quả xử lý, cũng như những biện pháp và yêu cầu thiếu căn cứ, không đúng với các

quy định của pháp luật. Điều này là cần thiết và quan trọng, bởi vì, chính nó là động lực huy động và thúc đẩy ý thức của từng người dân vào việc tham gia, giám sát đối với doanh nghiệp. Nếu không có như vậy thì dân chúng dân chúng sẽ thờ ơ, bàng quan, thậm chí vô trách nhiệm, đối với cả những hiện tượng tiêu cực xảy ra xung quanh họ; và cơ chế hậu kiểm mất đi một thành tố quan trọng.

+ *Ba là*, phải nâng cao hiểu biết về chuyên môn, về luật pháp, đề cao lương tâm và trách nhiệm của những người làm báo cáo; bởi vì, chỉ một thông tin nhỏ thiếu chính xác, thiếu khách quan (có thể vô tình hoặc cố ý) có thể gây thiệt hại lớn, thậm chí làm sụp đổ một doanh nghiệp; hoặc làm sai lệch nhận thức và quyết định của dân chúng, gây hại lớn cho xã hội.

+ *Bốn là*, phải có cơ chế và tổ chức xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân lạm dụng quyền được tham gia giám sát để gây hại cho đối thủ cạnh tranh, gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng. Nói cách khác, phải trừng trị nghiêm minh cá nhân, tổ chức lạm dụng quyền này để cạnh tranh không lành mạnh.

Biện pháp áp dụng chế tài đối với các doanh nghiệp do họ có các hành vi sai phạm sau khi nhận kết quả được kết quả từ phía các cơ quan thanh tra, kiểm tra cần được thực thi nghiêm túc. Thanh tra, kiểm tra của nhà nước chỉ là một phần của cơ chế hậu kiểm và nhà nước cũng chỉ là một chủ thể quan trọng chứ không phải là chủ thể hậu kiểm duy nhất.

**3. điều chỉnh cơ cấu tổ chức và quan hệ giữa cơ quan đăng ký kinh doanh (Thành phố+ quận, huyện) với các đơn vị Sở, ngành chức năng quản lý Nhà nước khác (Sở KHĐT, Sở TCVG, Sở KHCN&MT, Sở công nghiệp, sở thương mại, Cục thuế, UBND các cấp) trong quá trình tổ chức đăng ký kinh doanh.**

Tham gia vào quá trình doanh nghiệp ĐKKD và một số công việc khác liên quan, có Phòng ĐKKD cấp tỉnh (với thành lập loại hình doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần), phòng ĐKKD quận, huyện; cơ quan thuế tỉnh, cơ quan hải quan, công an; ngoài ra là các cơ quan quản lý chuyên ngành đối với các doanh nghiệp ĐKKD những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Hiện nay, vẫn còn có một số bất cập trong phối hợp giữa các cơ quan này khi tiến hành ĐKKD cho doanh nghiệp, làm cho doanh nghiệp hoặc bị chậm trễ hoặc không được ĐKKD.

Từ những vướng mắc trong quá trình thực hiện ĐKKD, chúng tôi kiến nghị một số giải pháp về điều chỉnh cơ cấu tổ chức và quan hệ giữa cơ quan đăng ký kinh doanh (Thành phố+ quận, huyện) với các đơn vị Sở, ngành chức năng quản lý Nhà nước khác trong quá trình tổ chức đăng ký kinh doanh.

### ***3.1. Về hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và bộ máy của cơ quan đăng ký kinh doanh***

Theo Luật doanh nghiệp, cơ quan ĐKKD ở cấp tỉnh, Thành phố là Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch - đầu tư; ở cấp quận, huyện là phòng có chức năng ĐKKD thuộc UBND quận, huyện (thường là phòng kinh tế - kế hoạch hoặc phòng kinh tế và phát triển nông thôn).

Phòng ĐKKD Thành phố là nơi tiếp nhận hồ sơ ĐKKD, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy chứng nhận ĐKKD cho doanh nghiệp. Phòng ĐKKD có nhiệm vụ hướng dẫn người ĐKKD về ngành, nghề kinh doanh phải có điều kiện và các điều kiện kinh doanh các ngành, nghề đó; yêu cầu các doanh nghiệp báo cáo tình hình kinh doanh của doanh nghiệp khi xét thấy cần thiết và đôn đốc thực hiện chế độ báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp. Sau khi cấp Giấy chứng nhận ĐKKD cho doanh nghiệp, phòng ĐKKD có trách nhiệm xác minh các nội dung trong hồ sơ ĐKKD, yêu cầu hiệu đính nếu phát hiện các thông tin đã kê khai là không chính xác; thu hồi giấy chứng nhận ĐKKD đối với các doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 điều 121 Luật doanh nghiệp.

Cơ quan ĐKKD cấp quận huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hộ kinh doanh trên địa bàn: tiếp nhận đơn ĐKKD, xem xét tính hợp lệ và trình UBND quận, huyện cấp Giấy chứng nhận ĐKKD cho hộ kinh doanh; định kỳ báo cáo UBND quận, huyện, phòng ĐKKD về hộ kinh doanh; phối hợp xác minh theo yêu cầu của phòng ĐKKD về nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đặt trụ sở chính trên địa bàn quận huyện; tham mưu cho UBND quận, huyện thu hồi giấy chứng nhận ĐKKD đối với hộ kinh doanh trong trường hợp được quy định tại khoản 5 điều 5 Nghị định số 2/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Chính phủ; phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra, nắm tình hình hoạt động kinh doanh của các Hợp tác xã và các hộ kinh doanh trên địa bàn quận, huyện; đề xuất UBND quận, huyện

xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm quy định về ĐKKD; cung cấp thông tin về hộ kinh doanh cho các cơ quan có liên quan theo định kỳ, cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

Với tinh thần đó, tại Hà Nội : Phòng Đăng ký kinh doanh cấp thành phố đã được thành lập theo Quyết định số 27/2000/QĐ- UB ngày 29/3/2000 của UBND thành phố Hà Nội về việc tổ chức lại Phòng Đăng ký và quản lý doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Đối với cơ quan đăng ký kinh doanh ở các quận, huyện, UBND Thành phố đã có quyết định tổ chức lại các phòng nghiệp vụ làm nhiệm vụ đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể, tập trung về một đầu mối để bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

Tuy nhiên, tổ chức bộ máy của cơ quan ĐKKD các cấp trên địa bàn Thành phố còn nhiều bất cập, nhất là tại phòng ĐKKD cấp Thành phố (thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư). Phòng hiện đang rất thiếu cán bộ chuyên môn, số cán bộ còn đang ít hơn so với số lượng người trong quyết định thành lập phòng. Máy móc, thiết bị phục vụ công tác của phòng cũng chưa được trang bị đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu của công tác chuyên môn.

Trên thực tế, việc Phòng Đăng ký kinh doanh đảm nhận làm thủ tục đăng ký toàn bộ khối doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố đã gây tình trạng quá tải cho phòng, vì số lượng doanh nghiệp mới đăng ký thành lập đang có xu hướng gia tăng liên tục theo cấp số nhân. Điều này sẽ khiến cho việc xem xét tính hợp lệ hồ sơ đăng ký kinh doanh thành lập doanh nghiệp mới có nguy cơ trở nên hình thức, tắc trách hoặc kéo dài hơn so với quy định của Luật doanh nghiệp. Do đó, việc tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương thức làm việc và tổ chức bộ máy của cơ quan ĐKKD là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

*Trong thời gian tới công tác ĐKKD phải được đổi mới theo hướng:*

- Dịch vụ hoá các công đoạn và đơn vị thực hiện cấp ĐKKD. Thực hiện dịch vụ một cửa, người đăng ký chỉ cần liên hệ tại một điểm nhất định. Đơn giản hoá và tin học hoá quy trình nghiệp vụ để tiến tới ĐKKD cho doanh nghiệp trong thời gian ngắn 1-2 ngày, các thủ tục liên quan khác như mã thuế, khắc dấu... cũng được kết hợp rút ngắn.

- Phát triển các dịch vụ hoặc hỗ trợ công dân và các doanh nghiệp thông qua Trung tâm thông tin doanh nghiệp, Phòng ĐKKD cấp Thành phố và các phòng thực hiện chức năng ĐKKD cấp quận, huyện.

Cụ thể, các cơ quan ĐKKD các cấp của Thành phố cần tổ chức thực hiện tốt các quy trình ĐKKD cho doanh nghiệp theo hướng dẫn của Thông tư 08/TT-BKH của Bộ KH-ĐT, theo đó Phòng ĐKKD cấp tỉnh có thể yêu cầu người ĐKKD phải xuất trình hộ khẩu bản chính hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; hoặc với trường hợp người được uỷ quyền đi ĐKKD thì thêm giấy uỷ quyền hoặc hợp đồng uỷ quyền. Đối với người quản lý công ty và người đại diện theo pháp luật thì phải nộp bản sao hộ khẩu hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu. Đối với doanh nghiệp đang hoạt động muốn thay đổi trụ sở, tên doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật... thì phải xuất trình bản sao hợp lệ biên bản sửa đổi điều lệ công ty và quyết định của hội đồng thành viên về những thay đổi đó khi gửi thông báo thay đổi cho phòng ĐKKD. Đồng thời, cơ quan ĐKKD cấp quận, huyện được yêu cầu cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình khi nộp hồ sơ ĐKKD xuất trình các giấy tờ nói trên (bản chính) của người đứng tên kinh doanh.

Cơ quan ĐKKD phải bảo đảm tiến độ cấp giấy chứng nhận theo đúng quy định pháp luật, đặc biệt khuyến khích cải tiến, rút ngắn thời gian, áp dụng công nghệ hiện đại phục vụ công tác ĐKKD. Có quy định thời gian cụ thể trong việc UBND các quận, huyện cấp giấy chứng nhận ĐKKD cho hộ kinh doanh kể từ ngày nhận đơn ĐKKD; Phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận ĐKKD cho người thành lập doanh nghiệp tính từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp tính từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp đăng ký lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại thành phố.

Nhằm xử lý một bước những vướng mắc trong công tác đăng ký ngành, nghề kinh doanh và đáp ứng nhu cầu phát triển ngành, nghề kinh doanh trong nền kinh tế, cơ quan ĐKKD cần hướng dẫn cho các doanh nghiệp xác định đúng ngành, nghề để ĐKKD; các doanh nghiệp có thể đăng ký kinh doanh nhiều ngành, nghề nhưng phải là ngành, nghề có hoạt động kinh doanh. Khi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký



kinh doanh đề nghị doanh nghiệp nghiên cứu bản Danh mục ngành, nghề kinh doanh sử dụng trong đăng ký kinh doanh để lựa chọn cho phù hợp với ý tưởng kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với một doanh nghiệp cụ thể, cơ quan ĐKKD không ghi vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cụm từ "*kinh doanh tất cả các ngành, nghề mà pháp luật không cấm*".

Đối với những ngành, nghề kinh doanh mà doanh nghiệp đăng ký kinh doanh không thuộc ngành, nghề cấm kinh doanh và kinh doanh có điều kiện, thì cơ quan đăng ký kinh doanh đối chiếu với bản Danh mục ngành, nghề kinh doanh sử dụng trong đăng ký kinh doanh ban hành tại Phụ lục II Thông tư số 07 để đăng ký ngành, nghề theo mã số quy định vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Nếu doanh nghiệp đề nghị đăng ký một ngành, nghề kinh doanh mới chưa có trong Danh mục thì một mặt, cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện việc đăng ký bình thường cho doanh nghiệp; mặt khác thực hiện các công việc sau:

+ Nếu ngành, nghề mới là nhóm ngành, nghề cấp I mới thì thông báo bằng văn bản với Liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng Cục Thống kê để Liên Bộ có văn bản hướng dẫn.

+ Nếu ngành, nghề mới chỉ là những ngành, nghề cụ thể cấp II, III, IV... thì báo cáo với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để Bộ thống nhất mã số mới cho ngành, nghề đó.

Thực hiện như trên sẽ đảm bảo loại bỏ được việc các cơ quan ĐKKD từ chối hoặc doanh nghiệp phải mất nhiều thời gian chờ các cơ quan Nhà nước có liên quan trao đổi ý kiến khi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh những ngành, nghề mới chưa được quy định trong danh mục ngành, nghề kinh tế quốc dân; đồng thời đảm bảo tính mở của hệ thống ngành, nghề.

Đặc biệt, cần tăng cường năng lực bộ máy các cơ quan ĐKKD: không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ công chức làm công tác ĐKKD thông qua thực hiện thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo, đào tạo lại, kiện toàn đội ngũ của phòng ĐKKD thuộc Sở Kế hoạch - đầu tư và các phòng có chức năng ĐKKD thuộc UBND các quận, huyện.

Hiện đại hoá công tác ĐKKD, phát triển, áp dụng công nghệ mới:

xây dựng phần mềm về ĐKKD trên cơ sở công nghệ mới và trang thiết bị tin học hiện đại đáp ứng được việc cập nhật và công khai thông tin về ĐKKD. Đổi mới công tác ĐKKD phải gắn với nhiệm vụ tin học hoá hoạt động của các cơ quan Nhà nước.

***3.2. Về điều chỉnh quan hệ và phân công trách nhiệm giữa cơ quan đăng ký kinh doanh với các đơn vị sở, ngành chức năng quản lý Nhà nước khác của Thành phố trong quá trình tổ chức đăng ký kinh doanh***

Việc tổ chức tốt phối hợp công tác giữa các cơ quan liên quan đến khâu ĐKKD có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, phải đảm bảo: trước hết, tinh thần thông thoáng của Luật, để mọi người dân tiến hành ĐKKD được thuận tiện, đúng pháp luật; thứ hai, đảm bảo sự quản lý của Nhà nước với doanh nghiệp được đăng ký, đặc biệt làm cơ sở cho khâu hậu kiểm.

*a) Đối với việc thực hiện ĐKKD cho các doanh nghiệp đăng ký ngành nghề không thuộc diện cấm kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện:*

Vì thủ tục ĐKKD đối với các đối tượng này đã được quy định rất đơn giản trên tinh thần người xin ĐKKD tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của các nội dung thông tin trong hồ sơ xin ĐKKD nên cơ chế phối hợp ở đây chỉ là để nhanh chóng xác minh nhân thân của người xin ĐKKD (phối hợp với các cơ quan Công an là chính), xác minh địa chỉ đăng ký trụ sở của doanh nghiệp muốn ĐKKD là có thật (Công an, UBND quận, huyện, ...) trong những trường hợp có nghi vấn.

Hiện tượng thuê đứng tên thành lập doanh nghiệp hoặc giả mạo tên trong hồ sơ ĐKKD trong 2 năm thực hiện Luật doanh nghiệp là có, bởi cơ quan ĐKKD rất khó có thể xác định lý lịch của những người đến ĐKKD với số lượng lớn doanh nghiệp được thành lập trong thời gian qua. Song không vì chỉ để giám sát một số ít người thuộc diện cấm kinh doanh mà áp đặt các thủ tục phiền hà, tốn kém cho đại đa số những người có thiện chí đầu tư sản xuất, kinh doanh. Do đó, cần tăng cường hiệu quả giám sát các đối tượng từ nhiều hướng; đặc biệt nâng cao vai trò quản lý của các cơ quan, tổ chức Nhà nước với các đối tượng là công chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ nghiệp vụ trong doanh nghiệp Nhà nước do

mình quản lý, hoặc người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự do địa phương quản lý. Các cơ quan Nhà nước, cơ quan công an địa phương phối hợp, hỗ trợ cơ quan ĐKKD giải đáp những nghi ngờ về nhân thân khi cần thiết. Đồng thời, cơ quan ĐKKD sẽ cung cấp các dịch vụ cung cấp thông tin doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho những người tham gia kinh doanh điều tra kỹ về đối tác trước khi thiết lập quan hệ giao dịch.

Sở Kế hoạch- Đầu tư phối hợp với Công an Thành phố nghiên cứu xác định thông tin lý lịch tư pháp của người ĐKKD. Một hệ thống thông tin về lý lịch tư pháp công dân cần sớm được xây dựng, thống nhất từ TW đến địa phương. Cũng tương tự như vậy, Sở Kế hoạch - đầu tư và Sở Địa chính - nhà đất cần phối hợp để lập một hệ thống thông tin về địa chỉ nhà, đất Thành phố.

*b) Đối với việc thực hiện ĐKKD cho các doanh nghiệp đăng ký ngành nghề kinh doanh có điều kiện:*

Hiện nay, tùy theo ngành, nghề xin ĐKKD mà Nhà nước quy định phải có giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép hành nghề, chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép dưới hình thức khác (sau đây gọi chung là giấy phép) trước hoặc sau khi ĐKKD. Ví dụ: những ngành nghề được quy định phải có giấy phép trước khi ĐKKD là khám chữa bệnh, bán lẻ tân dược...; những ngành nghề được quy định phải có giấy phép sau khi ĐKKD là kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế, kinh doanh khí hoá lỏng (gas), xăng dầu, rượu trên 30<sup>0</sup>... Một số ngành kinh doanh phải có vốn pháp định.

Trong những trường hợp này cần có sự phối hợp giữa Phòng ĐKKD với các cơ quan quản lý chuyên ngành để rà soát, lập danh mục các ngành nghề cần giấy phép, các ngành nghề có quy định vốn pháp định... Các cơ quan có quản lý việc cấp các giấy phép hành nghề phải thường xuyên thông báo cho phòng ĐKKD danh mục các loại giấy phép hiện hành mà mình quản lý; căn cứ trên đó khi tiến hành ĐKKD cho các doanh nghiệp có ngành, nghề đăng ký trong danh mục, cơ quan ĐKKD thông báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành, phục vụ công tác quản lý kiểm tra giấy phép hành nghề hoặc điều kiện kinh doanh với các doanh nghiệp được thành lập. Các cơ quan quản lý cũng cần nghiên cứu chuyển từ sử dụng công cụ quản lý bằng giấy phép sang sử dụng các công cụ quản lý khác

như quy hoạch, kế hoạch, pháp luật và chính sách... trong tổ chức ĐKKD và hậu kiểm hoạt động doanh nghiệp.

Các Sở, Ban, ngành của Thành phố tổ chức phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân các quận, huyện kiểm tra việc thực hiện nội dung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và việc chấp hành các điều kiện kinh doanh của Doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề có điều kiện, ngành nghề phải có giấy phép hành nghề và ngành nghề phải có chứng chỉ hành nghề thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; tổ chức kiểm tra, thanh tra các doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc theo các quy định của Nhà nước về thẩm quyền thanh tra chuyên ngành.

Các Sở chuyên ngành thực hiện quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc mình quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của UBND thành phố; chịu trách nhiệm giải quyết kịp thời theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan cấp thẩm quyền giải quyết các kiến nghị, vướng mắc của các doanh nghiệp đó.

Việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp thuộc ngành nào do Sở chuyên ngành đó chịu trách nhiệm xem xét giải quyết đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

*Cụ thể với một số Sở:*

**Sở Công nghiệp:** quản lý, cấp giấy phép khai thác khoáng sản và giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các doanh nghiệp muốn kinh doanh ngành nghề này.

**Sở Xây dựng:** kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các điều kiện kinh doanh của các doanh nghiệp ĐKKD trong các ngành nghề khảo sát xây dựng, thiết kế công trình và thi công xây lắp công trình.

**Sở Thương mại:** kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các điều kiện kinh doanh của các doanh nghiệp ĐKKD trong các ngành nghề: kinh doanh đá quý, kinh doanh thực phẩm tươi sống và chế biến, dịch vụ cầm đồ, kinh doanh nhà hàng, quán ăn uống. Quản lý, cấp giấy phép cho các doanh nghiệp kinh doanh rượu, thuốc lá, xăng dầu, khí đốt hóa lỏng.

**Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn:** kiểm tra, giám sát việc

thực hiện các điều kiện kinh doanh của các doanh nghiệp hành nghề sản xuất, xuất nhập khẩu giống cây trồng, vật nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, dịch vụ giết mổ gia súc, gia cầm.

**Sở Y tế:** quản lý tốt đối với cơ sở hành nghề y dược tư nhân, tổ chức thẩm định, cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề cho các cơ sở hành nghề y dược tư nhân (HNYDTN). Tổ chức thanh, kiểm tra xác định mức độ chấp hành pháp luật, xử lý vi phạm các cơ sở HNYDTN. Việc tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, kiểm tra, thanh tra thực hiện quy chế chuyên môn, vi phạm pháp luật của các cơ sở HNYDTN theo từng địa bàn được triển khai ở 12 trung tâm y tế quận huyện.

**Sở Giao thông Công chính:** có trách nhiệm thẩm định, xem xét và có ý kiến về hồ sơ xin ĐKKD hoạt động vận tải hành khách liên tỉnh tại địa bàn Thành phố Hà Nội trước khi trình các cơ quan có thẩm quyền khác. Sở GTCC chủ trì, kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh vận tải.

**Sở KHCNMT:** phối hợp với các cơ quan ĐKKD trên địa bàn Thành phố để quản lý, kiểm tra bản đăng ký đạt tiêu chuẩn chất lượng môi trường của các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh trong các ngành nghề cần có điều kiện đảm bảo môi sinh.

*c) Đối với việc quản lý Nhà nước trong các nội dung khác của quá trình ĐKKD cho đến khi doanh nghiệp thực sự đi vào hoạt động*

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm xem xét đề nghị ưu đãi đầu tư của doanh nghiệp từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ và làm văn bản đề nghị Cục Thuế và các ngành liên quan tham gia ý kiến. Trong thời hạn không quá 5 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan phải có ý kiến trả lời bằng văn bản. Quá thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì coi như chấp thuận việc cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho doanh nghiệp. Trong thời hạn không quá 3 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan hoặc quá thời hạn theo quy định mà các cơ quan không có văn bản trả lời, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố lập thủ tục trình UBND thành phố xem xét cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho doanh nghiệp. UBND thành phố xem xét và cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho doanh nghiệp trong thời hạn không quá 3 ngày, kể từ ngày nhận đủ

hồ sơ hợp lệ từ Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Các Sở: Xây dựng, Địa chính - Nhà đất, Tài chính - Vật giá, Ban quản lý Khu công nghiệp và chế xuất và các Sở có liên quan khác có trách nhiệm cung cấp kịp thời các thông tin về quy hoạch, giá đất, thủ tục thuê đất và những vấn đề có liên quan cho Sở Kế hoạch và đầu tư (Phòng ĐKKD) để thực hiện thuận lợi việc tư vấn cho các doanh nghiệp, chủ đầu tư muốn thành lập doanh nghiệp hoặc mở rộng di chuyển mặt bằng sản xuất kinh doanh.

- Sở Tài chính - Vật giá có trách nhiệm hướng dẫn các doanh nghiệp trong công tác quản lý tài chính, kế toán và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng ĐKKD), Cục thuế trong việc theo dõi, đôn đốc kiểm tra công tác quản lý tài chính - kế toán doanh nghiệp; định kỳ 6 tháng, một năm tổng hợp, phân tích và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, báo cáo UBND thành phố và Bộ Tài chính theo quy định.

- Các cơ quan chức năng quản lý theo ngành dọc (Cục Thống kê, Cục Thuế, Ngân hàng...) đóng trên địa bàn thành phố tham gia ý kiến với cơ quan ĐKKD về việc cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho doanh nghiệp và thực hiện việc quản lý, theo dõi báo cáo, kiểm tra, giám sát hoạt động và xử lý vi phạm của các doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Trong đó:

+ Cục Thống kê : Chủ trì phối hợp với Phòng ĐKKD, Chi cục tài chính doanh nghiệp điều chỉnh kiểu mẫu báo cáo theo hệ thống và phù hợp các chỉ tiêu nhằm phục vụ cho việc tổng hợp và đánh giá toàn diện tình hình hoạt động của các doanh nghiệp; đôn đốc các doanh nghiệp nộp báo cáo hàng tháng, quý, 6 tháng, cả năm theo biểu mẫu báo cáo giao ban hành, kiểm tra xử lý những hành vi vi phạm trong lĩnh vực thống kê theo Nghị định 93/1999/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Cục Thuế : Thông báo định kỳ hàng tháng về tình hình kê khai đăng ký mã số thuế của các doanh nghiệp mới thành lập; danh sách các doanh nghiệp không hoạt động, không thực hiện nghĩa vụ thuế, trong thời hạn 06 tháng hoặc ngừng hoạt động kinh doanh một năm liên tục kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD cho Phòng ĐKKD để có biện pháp phối hợp xử lý. Phối hợp với phòng ĐKKD Sở kế hoạch và Đầu tư kiểm tra những doanh nghiệp không tiến hành hoạt động kinh doanh trong

thời hạn một năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc ngừng hoạt động kinh doanh một năm liên tục mà không thông báo. Thường xuyên phối hợp và thực hiện định kỳ việc đối chiếu với phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố về số Doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh, số Doanh nghiệp đến đăng ký mã số thuế và số doanh nghiệp còn hoạt động.

- Giám đốc các Sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các quận huyện khi kiểm tra nếu phát hiện doanh nghiệp vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm tiến hành xử theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với các cơ quan chức năng theo quy định hiện hành. Việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp dựa trên nguyên tắc nơi nào cấp thì nơi đó làm thủ tục thu hồi theo trình tự thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp.

- Đối với Phòng ĐKKD cần tiến hành ngay một số biện pháp xử lý những hành vi cố tình vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, tăng cường hoạt động quản lý doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh. Cụ thể là các doanh nghiệp không hiệu đính lại những thông tin sai lệch trong hồ sơ đăng ký kinh doanh sẽ bị rút giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Với những doanh nghiệp đăng ký bổ sung, thay đổi nội dung ĐKKD như thay đổi thành viên, thay đổi ngành nghề kinh doanh, tăng giảm vốn điều lệ, thành lập công ty con, văn phòng đại diện... thì phải xuất trình bản sao biên bản họp và quyết định của Đại hội cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị. Trường hợp người ĐKKD không xuất trình được biên bản và quyết định nói trên, thì cơ quan ĐKKD chưa cấp đăng ký thay đổi nội dung ĐKKD. Không để kéo dài tình trạng vi phạm tuy ở mức độ nhỏ như không treo biển hiệu, không đăng báo như quy định, không hiệu đính lại nội dung ĐKKD, để tránh thái độ coi thường pháp luật và dẫn đến những hành vi vi phạm nghiêm trọng hơn.

*d) Cải tiến cơ chế trao đổi thông tin quản lý Nhà nước giữa các cơ quan chức năng*

Phòng ĐKKD cần thực hiện tốt vai trò đầu mối tổ chức hệ thống thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các văn bản, quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, hộ kinh doanh; quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành; cập nhật thông tin hàng tháng về

doanh nghiệp và các vấn đề có liên quan khác để đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp và các nhà đầu tư trên địa bàn. Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là các báo địa phương, trong việc phổ biến các cơ chế, chính sách, thủ tục, nội dung mới của Luật và yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định của Luật về báo cáo thành lập Doanh nghiệp. Thông tin doanh nghiệp được tập trung (Trung tâm thông tin doanh nghiệp) và trên cơ sở nhiều nguồn nhận thông tin (Phòng ĐKKD các cấp, thuế, công an,...).

Phòng Đăng ký kinh doanh thành phố tiếp tục thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn việc gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan quản lý ngành kinh tế kỹ thuật cùng cấp, UBND quận, huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Định kỳ hàng tháng thông báo cho các Sở có liên quan và UBND quận, huyện về tình hình cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, thay đổi nội dung ĐKKD của các doanh nghiệp theo ngành nghề ĐKKD và địa bàn quận, huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính; Báo cáo tổng hợp định kỳ 6 tháng, hàng năm cho UBND thành phố về tình hình cấp Giấy chứng nhận ĐKKD và hoạt động của doanh nghiệp; về tình hình cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố và những kiến nghị, đề xuất giải quyết vướng mắc, khó khăn.

Các cơ quan quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật, cơ quan quản lý thị trường, chính quyền địa phương có trách nhiệm căn cứ vào các thông tin do cơ quan ĐKKD cung cấp, bổ sung giao trách nhiệm cho cán bộ theo dõi địa bàn đối chiếu với thực tế hoạt động của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh để thường xuyên kiểm tra, làm rõ các vi phạm và thông báo trở lại cho cơ quan ĐKKD và cơ quan thuế.

Việc thực hiện tốt cơ chế thông tin 2 chiều này sẽ vừa đảm bảo công tác ĐKKD được thuận tiện, nhanh chóng, chính xác, vừa là cơ sở quan trọng cho công tác hậu kiểm doanh nghiệp và hộ kinh doanh.

#### **4. Các giải pháp đồng bộ khác nhằm tăng cường triển khai hiệu quả Luật doanh nghiệp thời gian tới**

Cùng với các giải pháp nêu trên, để tăng cường triển khai có hiệu quả Luật doanh nghiệp trong thời gian tới cần coi trọng áp dụng đồng bộ các giải pháp và điều kiện cần thiết khác mà nổi bật là:



*Thứ nhất*, tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý kinh tế chung của đất nước, và bản thân Luật doanh nghiệp, ưu tiên bổ sung, sửa đổi và xây dựng các quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh, quy chế về cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ pháp lý, khám chữa bệnh và kinh doanh dược phẩm, dịch vụ thú y và kinh doanh thuốc thú y, dịch vụ thiết kế công trình và nghị định chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; giải quyết kịp thời một số vướng mắc sau đăng ký kinh doanh như thủ tục khắc dấu, mã số thuế, thủ tục thu và nộp mã số xuất nhập khẩu, đơn giản hóa thủ tục giao đất và cho thuê đất, cải tiến cơ chế tín dụng để các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tiếp cận thuận lợi với các nguồn vốn tín dụng. Sửa đổi, bổ sung danh mục ngành nghề mới trong nền kinh tế, tạo thuận lợi cho việc đăng ký kinh doanh và làm thủ tục xuất khẩu, phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, với các chuẩn mực quốc tế và khu vực. Khắc phục tình trạng lạm phát các quy định, một số quy định còn chồng chéo, không rõ ràng, chưa hợp lý và không khả thi, đang tạo ra những cản trở lớn đối với doanh nghiệp với mục tiêu "tiếp tục duy trì và thúc đẩy quá trình chuyển đổi, ngăn chặn nguy cơ chững lại hoặc phục hồi lại cơ chế "xin cho" dưới hình thức khác". Tuy nhiên, việc xử lý những vấn đề trên đòi hỏi phải có thời gian và những trải nghiệm của thực tiễn trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của các nước khu vực.

*Thứ hai*, tiếp tục thực hiện đầy đủ, triệt để Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn đã ban hành; khắc phục được sự chậm trễ cũng như tình trạng làm chưa đúng, thậm chí trái với nội dung và tinh thần của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành trong phạm vi ngành hoặc địa phương; xây dựng và hoàn thành về cơ bản hệ thống thông tin về doanh nghiệp nối mạng thống nhất trong cả nước. Cung cấp thông tin có chất lượng phục vụ tốt việc đăng ký kinh doanh cũng như mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, v.v.. Phát triển, áp dụng công nghệ mới: xây dựng phần mềm về đăng ký kinh doanh trên cơ sở công nghệ mới và trang thiết bị tin học hiện đại đáp ứng việc cập nhật và công khai thông tin về đăng ký kinh doanh.

*Thứ ba*, xúc tiến hoàn chỉnh các quy định pháp lý và khuyến khích cần thiết về doanh nghiệp vừa và nhỏ tạo mọi thuận lợi cho doanh nghiệp,

kê cả hộ kinh tế gia đình phát triển.

*Thứ tư*, từng bước đổi mới công tác thanh tra kiểm tra doanh nghiệp, nhất là tổ chức việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc kiểm tra, thanh tra nhằm giảm bớt phiền hà cho doanh nghiệp đồng thời nâng cao được hiệu lực quản lý nhà nước, tiến tới nghiên cứu bổ sung, sửa đổi các quy định có liên quan về thanh tra, kiểm tra cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và tình hình thực tế.

*Thứ năm*, tiếp tục rà soát và kiến nghị bãi bỏ các loại giấy phép không còn phù hợp với thực tế, đẩy nhanh và có hiệu quả công tác rà soát văn bản pháp luật về kinh doanh để xác định các văn bản đã hết hiệu lực thi hành, bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp, chồng chéo, mâu thuẫn với nhau; hoặc có sự sửa đổi, bổ sung cần thiết cho phù hợp với thực tế.

*Thứ sáu*, tiếp tục tuyên truyền phổ biến Luật Doanh nghiệp, giúp người đầu tư, cán bộ quản lý và cán bộ công chức nhà nước hiểu sâu hơn, đầy đủ hơn nội dung và tinh thần của Luật Doanh nghiệp. Từ đó, làm cho doanh nghiệp hiểu và ý thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc kiểm tra nội bộ và tự bảo vệ lấy lợi ích chính đáng của họ; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến quản lý nội bộ, sửa đổi điều lệ công ty đáp ứng được các yêu cầu công khai, minh bạch, dân chủ, sáng tạo trong công tác quản lý nội bộ công ty.

*Thứ bảy*, về phía doanh nghiệp cũng nên tìm hiểu và nắm rõ Luật để có thể bảo vệ được các quyền lợi chính đáng cho mình, trên cơ sở đó giám sát việc thực thi của các cơ quan nhà nước, đồng thời tự mình chủ động thực hiện nghiêm chỉnh các chế tài mà Luật Doanh nghiệp đã ban hành. Không nên nhầm lẫn việc bỏ giấy phép với việc bỏ cả quy định về điều kiện kinh doanh. Đặc biệt là việc tự đổi mới và hoàn thiện quy chế quản lý nội bộ để không ngừng nâng cao khả năng cạnh tranh, nghiêm chỉnh chấp hành luật và sẵn sàng tham gia vào quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

*Thứ tám*, nghiên cứu xây dựng và áp dụng những chế tài nghiêm khắc như:

+ *Phạt tiền đối với những hành vi sau:*

Không treo biển hiệu sau 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng

nhận ĐKKD; không nộp thông báo góp vốn, không thông báo nơi lưu giữ sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông; gửi báo cáo không trung thực, không chính xác; treo biển hiệu nhỏ hơn kích thước 30 x 30 cm; khắc con dấu sau 10 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận ĐKKD; không nộp báo cáo tài chính 1 năm.

Phạt tiền cá nhân từ 500.000 đồng đến 2 triệu đồng và doanh nghiệp phải tiến hành hiệu đính nội dung ĐKKD đối với hành vi đứng tên giùm để thành lập doanh nghiệp, tự ý sử dụng địa chỉ nhà của cá nhân, tổ chức để kê khai trụ sở hoặc địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp; phạt từ 2-10 triệu đồng và doanh nghiệp phải tiến hành hiệu đính đối với hành vi cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

+ *Rút giấy chứng nhận ĐKKD đối với các hành vi sau:*

Các cá nhân vừa đứng tên hộ kinh doanh cá thể, vừa là chủ DNTN không làm thủ tục trả giấy ĐKKD hộ kinh doanh cá thể; các cá nhân đứng tên nhiều DNTN không tiến hành làm thủ tục giải thể các DNTN khác (chỉ được giữ lại 1 DNTN); doanh nghiệp không còn lại trụ sở đăng ký, không nộp báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và không xác định được trụ sở ĐKKD khi Sở KH&ĐT yêu cầu; địa chỉ kê khai không có thực; doanh nghiệp không hiệu đính theo yêu cầu của cơ quan ĐKKD...

## **Kết luận và một số kiến nghị**

Tóm lại, toàn bộ sự trình bày và phân tích trên đây cho phép rút ra một số kết luận sau:

1. Sự ra đời và triển khai Luật doanh nghiệp trên thực tế là một trong các cột mốc quan trọng hàng đầu, thể hiện sự quyết tâm và tính nhất quán, kiên định đường lối đổi mới toàn diện, cải cách kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng XHCN của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời cũng chứng tỏ sự hoàn thiện một bước môi trường kinh doanh của Việt Nam trong xu hướng chủ động đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng các cam kết, tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về quản lý kinh tế của Nhà nước nói chung và đối với khu vực doanh nghiệp nói riêng.

2. Luật doanh nghiệp đã thực sự đi vào cuộc sống cả trên phạm vi quốc gia, được dư luận quốc tế và trong nước đánh giá cao, được cộng đồng doanh nghiệp nhiệt liệt hoan nghênh và hưởng ứng. Những kết quả mang tính đột biến về số lượng các doanh nghiệp đăng ký thành lập mới theo Luật doanh nghiệp, cùng các kết quả thực tế về phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết việc làm qua 2 năm thực hiện Luật doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô đã và đang xác nhận sự cần thiết và tính đúng đắn của Luật doanh nghiệp.

Cần nhấn mạnh rằng, để có được thành tích này, Thành phố Hà Nội đã chủ động quán triệt và tích cực triển khai Luật doanh nghiệp ở tất cả các cấp, ngành, các địa bàn một cách có hiệu quả. Đặc biệt, Sở Kế hoạch - Đầu tư, mà trực tiếp là Phòng Đăng ký kinh doanh đã có nhiều đổi mới và sáng kiến nhằm kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực, chất lượng bộ máy và chất lượng dịch vụ công trong công tác triển khai Luật doanh nghiệp nói chung, công tác đăng ký kinh doanh nói riêng.

3. Tuy nhiên, với tư cách là sản phẩm của một quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế vĩ mô chưa có tiền lệ lịch sử và còn đang vận động cả ở cấp quốc gia lẫn địa phương, nên việc triển khai Luật doanh nghiệp trong thực tiễn Thủ đô không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định với những

tác động 2 mặt lên đời sống kinh tế - xã hội của Thành phố, trong đó tác động tích cực là chủ yếu.

4. Để giảm thiểu và "trung hòa" những tác động "trái chiều" bất yếu hoặc không mong muốn và nâng cao hiệu quả tích cực trong triển khai Luật doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô cần có những giải pháp đồng bộ, trước hết là *một mặt*, tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện bản thân Luật doanh nghiệp theo hướng đáp ứng tốt hơn các yêu cầu quản lý Nhà nước, phù hợp hơn với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam, gần hơn các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, các tiêu chuẩn và thông lệ thế giới về kinh doanh và quản lý Nhà nước đối với kinh doanh; *mặt khác*, Thành phố cần coi trọng hơn các công tác thông tin tuyên truyền về Luật doanh nghiệp, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, bộ máy hành chính, phối kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng các cơ quan hữu quan và đẩy mạnh cải cách hành chính trong tổ chức ĐKKD và quản lý sau ĐKKD đối với khu vực doanh nghiệp. Ngoài ra, việc hỗ trợ và phát triển các dịch vụ thông tin, tư pháp và hỗ trợ tư pháp, đào tạo và bồi dưỡng kiến thức kinh tế, quản lý kinh tế và các dịch vụ kinh doanh khác cho các doanh nhân, doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô theo tinh thần Luật doanh nghiệp và yêu cầu của kinh tế thị trường hiện đại cũng là những điều kiện không thể thiếu được nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Đảng, Nhà nước và Thành phố đã vạch ra, mà Luật doanh nghiệp là sự thể chế hóa tập trung và đậm nét nhất.

5. Với tinh thần đó, với tư cách cá nhân xin nêu xuất một số vấn đề sau:

***Thứ nhất***, về điều chỉnh, sửa đổi Luật doanh nghiệp:

a. Bổ sung, cập nhật bảng phân ngành kinh tế quốc doanh, danh mục những ngành, nghề mới và thống nhất mã số ngành đăng ký kinh doanh trong toàn quốc...

b. Đơn giản hóa, cụ thể hóa và công khai hóa các loại giấy phép cho các ngành kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

c. Chỉnh sửa các báo cáo tài chính doanh nghiệp theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ kê khai, hàm chứa nhiều thông tin hơn; đồng thời có phân lược giảm bớt nội dung kê khai cho các nhóm doanh nghiệp nhất định (theo quy mô và ngành nghề).

d. Nghiên cứu xây dựng phương thức cấp đăng ký kinh doanh loại "kinh doanh tổng hợp" theo nhóm ngành thay vì cho một ngành, một sản phẩm đối với các doanh nghiệp kinh doanh đa ngành để đơn giản và thuận lợi hóa việc cấp đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp trong bối cảnh ngày càng đòi hỏi sự chuyển hướng kinh doanh linh hoạt và đa dạng hóa tương lai.

e. Bổ sung và cụ thể hóa hơn các nội dung, cơ chế phối hợp thực hiện "hậu kiểm" đối với các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan theo quy định trong Luật Doanh nghiệp.

***Thứ hai***, về công tác tổ chức ĐKKD của Thành phố:

a. Nghiên cứu xây dựng phương án cụ thể về tăng cường phân cấp quản lý kinh tế - tài chính (trong đó có cấp đăng ký kinh doanh và thu thuế cùng các hoạt động hậu kiểm khác đối với doanh nghiệp) cho cấp Quận, Huyện. Phòng đăng ký kinh doanh Thành phố chỉ "quản" một số loại doanh nghiệp quan trọng và phức tạp nhất. Kiện toàn tổ chức một bước cơ quan đăng ký kinh doanh Thành phố. Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho phòng đăng ký kinh doanh Thành phố và các bộ phận đăng ký kinh doanh ở các Quận, Huyện. Đồng thời nghiên cứu để "dịch vụ hóa" các hoạt động đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố.

b. Xây dựng cơ chế phối kết hợp và phân công trách nhiệm cụ thể giữa cơ quan đăng ký kinh doanh với UBND các Quận, Huyện và các cơ quan Nhà nước hữu quan khác trong toàn bộ quá trình đăng ký kinh doanh và "hậu kiểm" sau đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

c. Có kế hoạch định kỳ đào tạo và bồi dưỡng kiến thức Luật Doanh nghiệp và pháp luật cho cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh của toàn Thành phố, cũng như cho đội ngũ quản lý, điều hành doanh nghiệp trên địa bàn, không phân biệt thành phần kinh tế.

d. Phát triển trang WEB của Sở KH&ĐT về đăng ký kinh doanh và thông tin doanh nghiệp, nối mạng toàn Thành phố và toàn quốc, trước hết với mạng tương tự của Bộ KH&ĐT và của Thành phố HCM, cũng như của các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

e. Xây dựng và duy trì đều đặn các trang WEB của Thành phố và TW về thông tin lý lịch tư pháp công dân, thông tin địa chỉ về sở hữu, và thế chấp nhà, đất của cá nhân và đơn vị, doanh nghiệp để giúp rút ngắn thời gian cấp đăng ký kinh doanh và phòng tránh lạm dụng, lừa đảo trong đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh...

***Thứ ba***, về các vấn đề khác:

a. Kiện toàn bộ máy tư pháp và phát triển các dịch vụ tư pháp và hỗ trợ tư pháp liên quan đến doanh nghiệp của Thành phố.

b. Xây dựng và phát triển các Hiệp hội hỗ trợ doanh nghiệp cũng như các Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng của Thành phố (bảo đảm có kinh phí, địa điểm, cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết); thiết lập đường dây nóng và lập các nhóm đặc nhiệm liên ngành xử lý nhanh, hiệu quả, dứt điểm các thông tin từ doanh nghiệp và người tiêu dùng gửi về...

c. Nghiên cứu cho phép ra 1 tờ báo "phi Chính phủ" của Thành phố về "doanh nghiệp và người tiêu dùng" trực thuộc Hiệp hội doanh nghiệp và Hội bảo vệ người tiêu dùng Hà Nội để tuyên truyền và bảo trợ về lĩnh vực của cả doanh nghiệp lẫn người tiêu dùng theo tinh thần của Luật Doanh nghiệp. Trước mắt, Báo kinh tế và đô thị của Thành phố có thể giành 1 trang riêng chuyên đề trong các số báo thường kỳ của mình.

## **danh mục tài liệu tham khảo**

1. *Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành*, NXB Chính trị quốc gia 2001
2. *Nghị quyết TW 5 khoá IX về phát triển kinh tế tư nhân*
3. *Chương trình 13-Ctr/TU của Thành uỷ Hà Nội khoá XIII về tiếp tục củng cố, đổi mới quan hệ sản xuất, phát triển một số ngành công nghiệp chủ lực*
4. *Công báo 2000, 2001*
5. *Thông báo số 16/TB-UB-KT ngày 2/3/2000 của UBND TP.Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện ĐKKD theo Luật doanh nghiệp và quản lý doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố*
6. *Chỉ thị số 22/2000/CT-UB-CNN ngày 14/9/2000 của UBND tp.Hồ Chí Minh về việc triển khai công tác quản lý Nhà nước sau ĐKKD đối với các doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể hoạt động theo Luật doanh nghiệp tại tp.Hồ Chí Minh*
7. *Dự thảo Quy chế quản lý Nhà nước sau ĐKKD đối với các doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể hoạt động theo Luật doanh nghiệp tại Thành phố Hà Nội*
8. *Dự thảo Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực ĐKKD*
9. *Phát triển và quản lý các doanh nghiệp ngoài quốc doanh*, NXB Khoa học kỹ thuật 2001
10. *Cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng chính sách cạnh tranh ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế TW
11. *Báo cáo nghiên cứu hoàn thiện chính sách kinh tế vĩ mô và đổi mới các thủ tục hành chính nhằm thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam*, thuộc Dự án MPI-UNIDO "Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam" (US/VIE/95/004) giữa Bộ Kế hoạch - Đầu tư Việt Nam và Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc, 8/1999.



12. *Phát triển xí nghiệp vừa và nhỏ ở một số nước trên thế giới*, PTS. Đỗ Đức Định, NXB Thống kê 1999
13. *DNVVN ở Việt Nam: trên đường tiến đến phồn vinh*, chuyên đề nghiên cứu kinh tế tư nhân thuộc chương trình phát triển dự án Mê Kông MPDF, 11/1999
14. *Thông tin chuyên đề cải cách hành chính 1995*, Viện nghiên cứu khoa học pháp lý- Bộ Tư pháp
15. *Thử định hình cho “khung cơ chế hậu kiểm” đối với doanh nghiệp*, ThS. Nguyễn Đình Cung, trang 13, số 6 – 2001, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (Bộ Tư pháp).
16. Các tham luận của Hội nghị "Luật doanh nghiệp sau hai năm thực hiện", Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, ngày 23/1/2002
17. Báo Đầu tư 2000, 2001
18. Thời báo kinh tế Việt Nam 2000, 2001
19. *Nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp dân doanh*, Nguyễn Hoàng Giang, Tạp chí Lao động- xã hội 12/2001
20. *Tình hình một năm thi hành Luật doanh nghiệp*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo 4/2001
21. *Luật doanh nghiệp: chông gia trên từng bước*, Anh Quốc, Kinh tế Việt Nam và thế giới 31/10/1999
22. *Luật doanh nghiệp sau một năm thực hiện*, Phan Thế Hải, Tạp chí cộng sản 2/2001
23. *Hậu kiểm doanh nghiệp*, Nguyễn Thanh Huyền, Kinh tế Việt Nam và thế giới 31/12/2000
24. *Cuộc đụng đầu của hai lối tư duy*, Nhà báo và công luận Xuân 2002
25. Các báo cáo năm 2001 về triển khai Luật doanh nghiệp của quận Thanh Xuân, quận Hoàn Kiếm, quận Tây Hồ, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Sở kế hoạch đầu tư, Sở công nghiệp, Sở Công an, Sở xây dựng, Sở Y tế

# Mục lục

Lời mở đầu

Các chữ viết tắt

**Chương I. Tiếp cận Luật doanh nghiệp dưới góc độ quản lý Nhà nước.....1**

**I. Quan điểm, nội dung cải cách nền hành chính nhà nước**

**trong giai đoạn hiện nay. ....1**

1. Cải cách nền hành chính là trọng tâm của việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam..... 1

2. Nội dung cải cách một bước nền hành chính.....2

**II. Nội dung chức năng quản lý Nhà nước trong Luật doanh nghiệp..6**

1. Về công tác đăng ký kinh doanh.....7

2. Về công tác hậu kiểm.....13

3. Về các công tác quản lý Nhà nước khác.....17

**III. Tác động của Luật doanh nghiệp trong thực tiễn phát triển kinh tế ở nước ta thời gian qua.....19**

1. Các tác động tích cực..... 20

2. Các tác động tiêu cực.....26

2.1. Trong lĩnh vực quản lý Nhà nước .....26

2.2. Trong hoạt động của các doanh nghiệp .....29

**Chương II. Thực tiễn công tác tổ chức triển khai Luật doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội.....32**

**I. Những thuận lợi và khó khăn trong phát triển kinh tế và triển khai Luật doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội .....32**

1. Những yếu tố thuận lợi .....32

2. Những yếu tố bất lợi .....35

**II. Thực tiễn Thực hiện luật doanh nghiệp trên địa bàn Hà nội.....41**

1. Công tác quán triệt và tuyên truyền Luật doanh nghiệp của các cấp cơ quan, Sở, Ban, Ngành của Thành phố.....41
2. Công tác tổ chức đăng ký kinh doanh.....43
3. Công tác hậu kiểm.....44
4. Kết quả Đăng ký kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp từ 1/1/2000 đến 12/2001 trên địa bàn Hà Nội46

### **III. Một số vướng mắc và vấn đề phát sinh trong thực tiễn triển khai Luật doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội.....50**

1. Những vướng mắc từ văn bản pháp luật, cơ chế- chính sách. ....50
2. Về phía tổ chức thực hiện các cơ quan quản lý Nhà nước. ....53
3. Về phía các doanh nghiệp.....55

### **Chương III. Những phương hướng, giải pháp đồng bộ nhằm tăng cường triển khai hiệu quả luật doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội thời gian tới.....57**

#### **I. Một số dự báo triển vọng phát triển doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội.....57**

#### **II. Một số nguyên tắc, nội dung, cơ chế hậu kiểm để tăng cường quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp theo luật doanh nghiệp.....59**

1. Những nguyên tắc và cơ chế liên quan đến việc Nhà nước hậu kiểm doanh nghiệp. ....59
2. Cơ chế và giải pháp khi các chủ thể khác tham gia hậu kiểm. ....63
3. Điều chỉnh cơ cấu tổ chức và quan hệ giữa cơ quan đăng ký kinh doanh (Thành phố+ quận, huyện) với các đơn vị Sở, ngành chức năng quản lý Nhà nước khác (Sở KHĐT, Sở TCVG, Sở KHCN&MT, Sở công nghiệp, sở thương mại, Cục thuế, UBND các cấp) trong quá trình tổ chức đăng ký kinh doanh.....66
  - 3.1. Về hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và bộ máy của cơ quan đăng ký kinh doanh.....67
  - 3.2. Về điều chỉnh quan hệ và phân công trách nhiệm giữa cơ quan đăng ký kinh doanh với các đơn vị sở, ngành chức năng quản lý Nhà nước khác của Thành phố trong quá trình tổ chức đăng ký kinh doanh.....71

4. Các giải pháp đồng bộ khác nhằm tăng cường triển khai hiệu quả Luật                  doanh                  nghiệp                  thời                  gian tới.....	77
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----

<b>Kết luận và một số kiến nghị.....</b>	<b>81</b>
------------------------------------------	-----------

**Danh mục tài liệu tham khảo**